



Số Tân Niên số 51 Feb. 01, 1966

Mục Lục

Tap chí Văn số 51 ra ngày Feb 01 1966

Số Tân Niên - Somerset Maugham

Thư gửi bạn đọc -----	01
Một Vì Sao Rụng -Somerset Maugham by Trần thiện Đạo -----	03
Tác phẩm Somerset Maugham đã dịch sang Việt văn -----	20
Một Vì Sao Rụng: Somerset Maugham by TIME Dec. 24, 1966, Đăng Nhật Hồng Khanh dịch -----	22
Chết Lúc khỏi Tật by Georges Reyer, Nhã Điền dịch-----	27
Độc Văn Somerset Maugham Những Quan Niệm của Một Người Viết Truyện (tiểu luận) -----	33
Đất Khách Quê Người - truyện ngắn Đăng Nhật Hồng Khanh dịch -----	52
Kinh Nghiệm Viết Văn Xuôi (tiểu luận-Lê Huy Oanh dịch) -----	58
Người Thiếu Nữ Lãng Mạn - truyện ngắn Bửu Ý dịch -----	76
Viện Dưỡng Lao - tân truyện Nguyễn Phúc Bửu Tập và Hoàng Ngọc Khôi dịch -	87
Truyện Thơ sáng tác by Nguyễn Phan Thịnh; Nh. Tay Ngân; Tân Hoài Dạ Vũ; -----	116
Lạc Lỡ by Duy Lam -----	121
Ung Thư by Thanh Tâm Tuyền -----	129
Tuổi Trẻ, Tình Yêu và Chiến Tranh trong thơ hiện đại -----	143
Mồ Làng Văn -----	151
Hộp Thư Bạn Đọc -----	155
Giới Thiệu Sách Mới -----	156
Thư Đi Tin Lại -----	157



thân gửi bạn đọc,

Trong dịp tết Nguyên-đán vừa qua, tòa soạn VĂN đã nhận được rất nhiều thư, thiệp và điện tín chúc mừng của bạn đọc bốn phương.

Trước mỗi cảm tình nồng hậu đó, chúng tôi không biết viết gì hơn là gửi tới toàn thể quý bạn một lời cảm ơn chung, rất chân thành; và, thêm một lần nữa, ân cần lập lại lời hứa thủy chung xưa cũ: chúng tôi sẽ cố gắng không ngừng đề khỏi phụ lòng tin cậy mà quý bạn đã gửi gắm nơi tập san bé nhỏ này.

Bước sang năm hoạt động thứ ba, tập san VĂN có một vài thay đổi nhỏ mà bạn Mõ Làng Văn đã ghi chép tỉ mỉ trong bài tường thuật buổi « họp mặt cuối năm ». Tiếc vì lý do kỹ thuật hai kỳ báo vừa qua đã không kịp đăng bài tường thuật đó. Nay chúng tôi xin mượn cánh thư này để loan báo bạn đọc rõ:

Trong năm qua, bộ biên tập của VĂN đã chỉ làm việc có một nửa. Vì có tới ba biên tập viên, bởi những lý do ngoài ý muốn, đã không thể góp công góp sức thúc đẩy tờ VĂN tiến tới. Đó là ba anh Nguyễn Ngọc-Phách (đi quân dịch), Tràng-Thiên (bận trông coi nhà xuất bản) và Thư-Trung (bận chạy gạo nuôi lũ con đông). Tòa soạn VĂN đã mời được ba cây bút khác nhận lời thay thế những người vắng mặt. Đó là ba anh Nguyễn-đình Toàn, Bửu Ý và Đặng

Tiến. Như vậy, từ nay ban biên tập VĂN sẽ gồm sáu cây bút : Vũ-đình Lưu, Trần Thiện-Đạo, Nguyễn Minh-Hoàng, Nguyễn-đình Toàn, Bửu Ý và Đặng Tiến.

Một quyết định khác, quan trọng hơn, là kể từ số 51 này, tập san VĂN sẽ tăng số trang lên mỗi kỳ thường xuyên đầy 160 trang, bán giá 15 đồng. Với số trang mới tăng thêm này, VĂN sẽ khởi đăng bản dịch truyện LA CHUTE của Albert Camus.

Đề thỏa mãn yêu cầu của một số đông bạn đọc, trong mùa xuân năm nay, ngoài những tuyển tập thơ văn chọn lọc, chúng tôi sẽ giới thiệu ba nhà văn lớn ngoại quốc : Luigi Pirandello (Ý, giải Nobel) Anton Chekhov (Nga) và Thạch-nguyên-thộn Thái-lang (Nhật).

Riêng trong số này, xin mời bạn đọc thường thức hai tiểu luận và mấy truyện ngắn chọn lọc của nhà văn danh tiếng nhất nước Anh trong thời hiện đại : Somerset Maugham, nhà văn mới từ trần ngày 16-XII vừa qua. Ngoài ra, còn có những sáng tác mà chúng tôi buộc phải gác lại từ những số trước, vì những lý do thuộc về kỹ thuật.

Tòa soạn VĂN ước ao sẽ luôn nhận được thư bạn đọc cho biết những nhu cầu tinh thần của quý bạn, ngõ hầu chúng tôi có thể biên soạn những số báo hữu ích, giúp được quý bạn phần nào trong công việc trau dồi kiến văn và học thức.

Gọi là đền đáp phần nào sự ủng hộ nồng nhiệt mà quý bạn đã dành cho chúng tôi trong hai năm qua và sẽ tiếp tục dành cho chúng tôi trong nhiều năm tới...



MỘT VÌ SAO RỤNG :

Somerset Maugham

● bài của TRẦN THIÊN - ĐẠO



S. MAUGHAM *

Một cái chết mong ước

Cuộc đời lắm khi cũng hàm chứa nhiều khía cạnh mỉa mai chua chát lạ lùng. Đây hẳn không phải là một ý nghĩ ê chề chán ngán của một kẻ đã trải qua ngàn nào kinh nghiệm đau thương chết điếng tâm hồn, mà chỉ là một nhận xét khách quan, nhưng lại tầm thường đến mức, của bất cứ ai đã ít hay nhiều có suy luận về con người và thế cuộc. Chúng tôi vừa nói một nhận xét *rất mực tầm thường* — ấy vậy mà ý nghĩ đó vẫn cứ đến với chúng tôi nhân cái chết của một nhà văn lớn : nhà văn Anh William Somerset MAUGHAM (25-I-1874 — 16-XII-1965) (1).

Là vì, trong khoảng thời gian một năm nay — đầu năm 1965 đến cuối năm 1965 — , ắt hẳn tình không có một nhà văn nào mà cái chết được *mong đợi* náo nức, nôn nao đến mức vô duyên và khiếm nhã, bằng cái chết của Somerset Maugham. Chúng tôi xin giải thích cho được cặn kẽ. Chúng tôi biết, và quen một số bạn hữu và đồng nghiệp cùng giảng dạy một bộ môn, đang nơm nớp chực sẵn chờ hơi thở cuối cùng của nhà văn và tối qua, thứ năm 16 tháng Mười-hai 1965, ông đã không khiến họ thất vọng, họ chực sẵn chuẩn

(*) Tranh sơn dầu của họa sĩ Sutherland hiện đang trưng bày tại Tate Gallery ở London.

(1) W. Somerset MAUGHAM, đọc là ['səməsɪt 'mə:m], theo lối ghi âm quốc tế.

bị đề kịp thời mang đề án về nhà văn này ngỗ hầu được chấp nhận làm đề tài cho luận án Tiến-sĩ Văn-chương của mình : ở Pháp, và có lẽ ở các nước khác cũng vậy, thí sinh chỉ được phép làm luận án về những nhà văn đã chết (trẻ hay già, mặc ! lớn hay thứ yếu, mặc ! — miễn là không còn thở cùng một bầu không khí với kẻ sắp nghiên cứu thân thể và sự nghiệp của mình nữa !).

Giai thoại có phần nào *macabre* (Đào Duy-Anh : ghê gớm, ma quỷ ; chúng tôi dốt, chưa đủ ngữ vựng để phát biểu ý niệm này, xin được dùng nguyên văn Pháp (2), giai thoại có phần nào *macabre* thuật lại trên đây không nằm ngoài mục đích nhấn mạnh khía cạnh mỉa mai chua chát (và chua xót ?) toát ra từ một sự kiện ngấm ngấm tiềm ẩn nhiều dữ kiện trái ngược và nghịch lý : người ta nao nao mong chờ cái chết của mình để có quyền miệt mài nghiên cứu thân thể và sự nghiệp của mình — điều này chứng tỏ rằng mình đã có một địa vị lớn lao trong nền văn nghệ thế giới, ngay vào lúc sanh thời, rằng mình được một số người hiểu biết và ngưỡng mộ, hay ít ra, sự nghiệp mình cũng không thuộc loại bị thời gian và hậu thế xem thường (để không bảo là bị lãng quên). Nhưng, dầu vậy, được (hay bị ?) người ta nôm nớp mong mỏi cho mình sớm về-với-ông-bà, nghĩ cho cùng, thì quả cũng là một điều chua xót trong lòng. Và suốt trọn một năm trời, nhà văn William Somerset MAUGHAM đã sống, dưới bầu trời diễm phúc ở bờ biển Địa-trung, trong trạng thái vừa vui khoái vừa chua chát đó.

Thân thể của William Somerset Maugham

Nhà văn có một địa vị vững chắc và lớn lao trong nền văn nghệ Anh hiện đại, ngang hàng với một Edward Morgan FORSTER, một Aldous HUXLEY, một Charles Langbridge MORGAN, hay một Graham GREENE (tuy mỗi nhà văn kể trên mỗi người một thể cách, một hành văn, một ý hướng — khó lòng so sánh theo một

(2) Đào Duy-Anh : *Pháp-Việt từ-diễn, Dictionnaire Français-Vietnamien*, Trường-thị xuất-bản, in lần thứ tư, Sài-gòn, 1957, tr. 982.

quan diêm duy nhứt nào) (3), William Somerset Maugham chào đời ở Paris, thủ đô nước Pháp, ngày 25 tháng Giêng 1874 — nghĩa là ông đã trưởng thành và lớn khôn vào cuối thế kỷ XIX : sự kiện này đáng được chúng ta chú ý và luôn luôn nhớ tới để khỏi có cái nhìn thiên lệch khi buộc phải phân xét hay đánh giá tác phẩm và tác phong về sau của ông.

Cha ông, Henry O. Maugham, bấy giữ chức cố vấn pháp luật (4) trong Đại-sứ-quán Vương-quốc Anh tại Paris. Cho tới năm 1883, nghĩa là trong khoảng thời gian mười năm, ông lớn lên ở Pháp, nói tiếng Pháp rành hơn tiếng Anh (nhà văn hiện đại Mỹ Pearl S. Buck cũng có một số phần tương tự, nhưng tiếng nói thời thơ ấu của bà là tiếng Trung-hoa) : ông chỉ khởi sự thật thụ đắc mình trong tiếng nói mẹ đẻ, tiếng Anh, khi ông mồ côi cả cha lẫn mẹ và được gởi nhờ cùng với năm anh em trai (ông thứ tư) cho ông chú ruột bấy giờ làm *clergyman* (một thứ cố đạo trong dòng *Anglican Church* ở nước Anh) ở miệt Kent (thường được gọi là *the Green England* : ý nói miệt Kent là miền cây cỏ tốt tươi) dạy dỗ : nhưng vốn quen thuộc với lối sống cởi mở, ít bị tròng chùng ở Paris, Somerset Maugham, với mười tuổi đầu, cũng cảm thấy khó thở trong bầu khí nghiêm ngặt ở gia đình người chú nói riêng, trong bầu khí bực kín bởi chủ nghĩa thanh giáo (Anh-ngữ : *puritanism*) trùm phủ khắp trọn thời đại Hoàng-hậu Victoria (*Victorian period*) nói chung — nội

(3) Ed. - M. Forster (1879-), với kiệt tác *A Passage to India* (Chuyến sang Ấn-độ, 1924) ; A. Huxley (1894-1963), với kiệt tác *Brave New World* (Thế giới mới lạ lùng, 1932) ; Ch. - L. Morgan, (1894-1958), với kiệt tác *the Fountain* (Suối, 1932) ; Graham Greene (1904-1992), với kiệt tác *the Power and the Glory* (Quyền lực và Danh vọng, 1940). Và nhiều nữa.

(4) Trong một bài phỏng vấn W. Somerset Maugham của tuần báo tả khuynh Anh khoảng 1960-1961 *the Observer* (Quan-sát), chúng tôi rất tiếc không thể chưa xuất xứ rõ ràng ở đây, nhà văn có tuyên bố như sau về cha mình : *My father was solicitor to the British Embassy in Paris*, vậy từ cố vấn luật pháp dùng trên là tạm dịch từ *solicitor* này.

khía cạnh khó thở này của thời thơ ấu cũng có thể giải thích được cuộc đời bay nhảy của ông, tìm sống ở những miền đất phóng khoáng đặc thù, nhất là ở những miền duyên hải (biên cả vốn là biểu hiệu của sự tự do cởi mở), suốt một thời gian gần bảy mươi năm.

Năm 1892, mười tám tuổi đầu, Somerset Maugham được ông chú gởi vào nội trú trong trường Dự-bị King's College ở Canterbury (ông sẽ miêu tả đời sống trong trường Dự-bị này trong cuốn sách được xem như là kiệt tác của ông : *Of Human Bondage*, Kiếp người; nhưng trong cuốn sách, tên trường được đổi thành King's School, và tên thị trấn thành Tercanbury) (5), vốn là một học hiệu dành đặc biệt cho dòng dõi quý phái (quý phái máu mủ, hay quý phái tài sản) và là trường Dự-bị huấn luyện học sinh với mục đích tiến cử họ trở thành sinh viên của hai viện Đại-học lớn ở Anh là hai viện Đại-học Cambridge và Oxford. Ông chú, với chức vụ Vicar của mình, đã mong cho Somerset Maugham vào viện Đại-học Cambridge để theo nòi đạo giáo như mình, nhưng cháu ông đã khiến ông thất vọng : Somerset Maugham bỏ nhà chạy sang Đức ghi tên vào Đại-học cổ-kính Heidelberg (Bade-Wurtemberg) một năm rồi sau trở về London theo khoa Y-học trong nhà thương Saint Thomas's Hospital (Nhà thương Saint-Thomas). Năm 1898, ra trường với mảnh bằng y-sĩ trong tay, nghĩa là, trên danh thiếp dưới tên Somerset Maugham, ông có quyền đề bốn chữ rạng rỡ này : L.R.C.P (*Licentiate of the Royal College of Physicians*, Nhân-viên Viện Đại-học Y-khoa). Nhưng trên thực tế, ông chẳng hề thật thụ hành nghề chữa bệnh, ngoại trừ thời gian nội trú thực tập trong nhà thương : cuốn sách đầu tay viết trong thời gian nội trú và miêu tả đời sống nội trú này, xuất bản vào năm ông sắp ra trường, *Liza of Lambeth* (Cô Liza ở Lambeth, 1897), được đón chào nồng nhiệt, và sự đón chào nồng nhiệt này đã là động cơ chánh yếu thúc đẩy ông chia tay với nghề thầy thuốc, chọn hân con đường khó khăn của người mang nợ văn

(5) W. Somerset Maugham : *Of Human Bondage*, 1915. Cuốn này đã được Nguyễn-Hiển-Lê dịch ra Việt-văn dưới nhan đề : *Thần phận con người*, Nguyễn-Hiển-Lê xuất bản, Sài-gòn, 1963.

chương và nhìn vào sự nghiệp đồ sộ của ông hôm nay, chúng ta có đầy đủ yếu tố để khẳng định rằng ông đã không lầm lẫn trong sự chọn lựa nói trên.

Rồi từ năm ra trường cho tới lúc tắt nghỉ hôm qua, cuộc đời của Somerset Maugham sẽ là một chuỗi dài bao gồm bao nhiêu chuyến du hành ở những miền đất chân trời xa lạ hay quen thuộc, bao nhiêu lần thay đổi chỗ cư ngụ, bao nhiêu tác phẩm được viết ra và xuất bản, bao nhiêu thành công và thất bại, bao nhiêu vui thú gia đình và buồn khổ cũng vì gia đình — tất cả những sự việc và khía cạnh trên được ông sống qua cùng với hai trận chiến tranh khốc liệt. Đại-chiến thứ Nhất 1914-1918 ở châu Âu và Thế-chiến thứ Hai khắp hoàn cầu. Ông đã sang Pháp (hay trở về Pháp) cư ngụ suốt mười năm trời trước Đại-chiến thứ Nhất, qua Canada mấy tháng cũng trước chiến cuộc 14-18. Trong chiến cuộc này, ông được sung vào đội Cứu-thương, rồi làm việc cho Mật-vụ Anh, *Intelligence Service*; nhưng cũng không quên lập gia đình với lady Welcome Bemardo năm 1915, và sanh được một gái: Isabella, nguồn hạnh phúc mà cũng là mối buồn của đời ông. Năm 1927, gia đình ông tan vỡ: ông ly dị (mấy vở kịch *the Constant Wife*, *Người Vợ Chung thủy*, 1926, và *the Breadwinner*, *Kiểm gạo*, 1930, viết trong thời kỳ này, thể hiện rõ ràng tư tưởng chống tệ tục gia đình), rồi bỏ sang Pháp cư ngụ cho tới năm 1940, là năm quân đội Phát-xít Đức chiếm đóng nước Pháp, ông rời Pháp chạy qua trú ẩn ở Liên-quốc Mỹ đến năm 1946, lại trở về Pháp định cư luôn ở mũi Saint-Jean-Cap-Ferrat (Alpes-Maritimes), trên bờ biển Địa-trung, trong biệt thự *la Mauresque* cho tới hôm thứ năm vừa qua, vào năm giờ sáng, từ già cuộc đời.

Trên đây, là những nét chánh trong cuộc đời bay nhảy của ông, nói bay nhảy, là bởi giữa những thời kỳ tạm-gọi-là định cư trên đất Pháp hay đất Mỹ, ông không ngừng vừa ngao du khắp thế giới vừa sáng tác đều tay: khi thì thăm Ai-cập, khi thì viếng Nhật-bồn, khi thì tìm đề tài cho tác phẩm của mình ở vùng trùng dương Thái-bình, khi thì trở về sống với nguồn gốc văn minh châu Âu ở Hi-lạp, Cận-dông. Chính những chuyến du hành

này đã là những dấu mốc trên đó ông mắc lên một số tư tưởng giản dị của mình về cuộc đời và về con người.

Bây giờ đã đến lúc, sau khi biết sơ lược mấy nét chánh thân thế của Somerset Maugham, nhờ đó mà có thể đi vào văn nghiệp của ông được dễ dàng, tương đối dễ dàng.

Sự nghiệp William Somerset Maugham

Phạm vi của một bài tường niệm ngắn (nói thế, nhưng không phải là người viết muốn biện hộ cho tánh cách thiếu đào sâu tất yếu của loại bài này), viết ra với số hiểu biết có sẵn, trong thời gian eo hẹp, thúc đẩy bởi ý hướng chân thành giúp bạn đọc hiểu học và ưa suy nghĩ năm được năm bảy yếu tố cần thiết cho sự tìm hiểu một nhà văn lớn vừa khuất — phạm vi của một bài tường niệm như vậy đương nhiên là không cho phép chúng tôi đi sâu vào toàn bộ và mọi khía cạnh của một sự nghiệp đồ sộ như sự nghiệp của nhà văn Somerset Maugham, nhà văn lớn, phong phú, đều tay, giàu tưởng tượng, tuy không sâu sắc, nhưng vẫn tiềm tàng một thứ lạnh lùng hết sức đặc biệt Hồng-mao (nghĩa là cũng sâu sắc một cách khác vậy).

Văn nghiệp của Somerset Maugham quả thật đồ sộ về số lượng, điều này cũng chẳng khiến chúng ta lấy làm ngạc nhiên: ông khởi sự sáng tác vào năm 1896 và không ngừng tiếp tục công trình nghệ thuật của mình cho đến khi sức khỏe buộc phải rời cán bút cuối năm ngoái, 1964: bảy chục năm trời sáng tạo không ngừng! Nhìn chung toàn bộ sự nghiệp của ông, chúng ta nhận thấy ông sở trường về bốn loại hình văn nghệ kể sau: 1) kịch, 2) tiểu thuyết, 3) truyện ngắn (tạm dịch *short story*, hay *tale*), 4) sách tổng quát (tạm dịch *general book*).

Kịch Somerset Maugham

Về loại hình kịch, chúng ta có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng W. Somerset Maugham là người nổi nghiệp kịch tác

gia nổi tiếng George Bernard Shaw (1856-1950) (6). Nhưng chúng ta phải nhìn nhận rằng kịch của ông, tuy phần đông được hoan nghênh nhiệt liệt không thua gì kịch của George Bernard Shaw, vào thời trình diễn trong những nhà hát lớn ở London và ở những đô thị lớn Anh, không đứng vững theo thời gian : kịch ông được hâm mộ vào khoảng 1920 đến 1930 (*in the twenties*), rồi bị lãng quên. Dầu vậy, chúng ta cũng nên vạch ra một vài nét chủ yếu khả dĩ giúp chúng ta nhìn thấy được con đường tiến triển trong tư tưởng và trong kỹ thuật của ông.

Vở kịch đầu tay của ông nhan là *A Man of Honour* (Một người danh giả, 1903), bộc trực chỉ trích thẳng tay những công thức và quyền thống cổ lỗ của xã hội Anh ngụp trong bầu khí *puritan* khắc nghiệt thời đại Victoria. Tiếp theo là ba vở kịch vui, với những nét châm biếm nhẹ nhàng : *Lady Frederick* (1907), *Mrs Dot* (1908), *Jack Straw* (1908). Rồi sau đó, một số kịch khác được sáng tác và trình diễn, với nhiều đề tài và ý hướng khác nhau : *Penelope* (1909), *Smith* (1909), *the Land of Promise* (Miền đất thiên đường, 1914), chỉ trích nhẹ nhàng, nhưng với một giọng đã phần nào chua chát, những tệ đoan của hệ thống hôn nhân ; sau trận Đại-chiến thứ Nhất, bầu khí toát ra từ bảy vở kịch chót xem chiều u ám và đen tối hơn mấy vở kể trên, một phần vì ảnh hưởng trận Đại-chiến khốc liệt vừa qua, phần khác vì ảnh hưởng những lục đục buồn khổ trong gia đình ông : *the Circle* (Vòng tròn, 1921), trình bày một tâm hồn nổi loạn cố sức chống chọi với những lực lượng hắc ám quần lấy nhân loại ; *East of Suez* (Phía đông kinh Suez, 1921), nhận định về sự bất hợp giữa Đông và Tây ; *Our Betters* (Những kẻ hơn người, 1923), *the Constant Wife* (Người vợ chung thủy, 1926), *the Breadwinner* (Kiếm gạo, 1930) và *the Sacred Flame* (Lửa Thiêng, 1931), biểu hiện ý hướng đả kích gia đình, phong tục, lễ giáo cổ truyền (khiến chúng ta nhớ tới một Nhất-Linh hay một Khái-Hưng thời 1930-1940 trong nền văn nghệ Việt-nam) ; đến vở kịch cuối cùng

(6) G.-B. Shaw, giải Nobel 1925, tác giả hơn năm mươi vở kịch, không thể kể hết được. Bản thiết của nhà văn Trung-hoa Lỗ-
 77 - 11001 10261

đánh dấu châu kỳ sáng tác kịch của Somerset Maugham, vở *For Services Rendered* (Vi công trạng làm nên, 1932). mở ra một chân trời mới mẽ trong nghệ thuật kịch của ông, với đề tài tội trạng con người trong chiến tranh gây ra bởi kẻ khác.

Trong số khá nhiều các vở kịch kể trên đây, ngày nay, xét cho cùng, có lẽ chỉ còn có hai vở là giữ được giá trị vững chắc : vở *Our Betters*, và vở *the Breadwinner*. Thành thạo, hai vở kịch này vẫn còn được trình diễn và hoan nghênh ở những nhà hát lớn khắp cùng nước Anh, và các nước khác trong Liên-hiệp Anh.

Tiểu thuyết Somerset Maugham

Độc giả hạng thường, *common readers*, nói đến Somerset Maugham, là nghĩ ngay tới một số tác phẩm trong loại hình tiểu thuyết của ông, và chừng như chỉ biết ông như một nhà tiểu thuyết mà thôi. Thật vậy, đứng về mặt thương mại, tiểu thuyết của ông là một thành tựu, và cũng là một thành công cực kỳ khó có nhà văn chân chánh hiện đại nào bì kịp : hãy nghĩ tới số ấn bản độ chừng hai mươi lăm triệu (25.000.000) rải rác khắp cùng thế giới, nhứt là ở những quốc gia chịu ảnh hưởng Anh.

Tuy vậy, về số lượng tác phẩm, so với loại hình kịch, tiểu thuyết của ông có thể đếm trên đầu mười ngón tay ! Tác phẩm đầu tay trong loại hình này là cuốn *Liza of Lambeth*, Cô Liza ở Lambeth, 1907), tiểu thuyết hóa đời sống sanh viên Y-khoa thời tác giả thực tập nội trú trong nhà thương *Saint Thomas's Hospital* ở London ; kế đến là cuốn *Mrs Craddock* (Bà Craddock, 1902), tiểu thuyết tâm lý sâu sắc, có lẽ tác giả đã chịu ảnh hưởng nhà văn Pháp thế kỷ XIX Gustave Flaubert với cuốn *Madame Bovary* (1857) ; *Of Human Bondage* (Kiếp người, 1915), miêu tả kinh nghiệm của chính tác giả thời ông tòng học ở King's College (Canterbury), ở đại học Heidelberg (Đức) và ở các nhà thương London, với những địa điểm và tên người đời khác ; *the Moon and Sixpence* (Vành trăng với nửa đồng tiền, 1919), cuộc đời ở Tahiti của họa sĩ Pháp Paul Gauguin được tiểu thuyết hóa, giá trị chánh yếu cuốn này nằm ở những suy luận của Somerset Maugham về nghệ thuật nói chung ; *Rain* (Mưa

lòng, 1925), có thể xem như viên đá đầu tiên cho cuốn *the Razor's Edge* sẽ bàn đến sau; *the Fall of Edward Barnard* (Cuộc đời sa đọa của Edward Barnard, 1926), cùng một đề tài với cuốn *the Moon and Sixpence* nói trên; *Cakes and Ale* (Rượu bánh, 1930), *the Painted Veil* (Tám màn ngăn chặn, 1929), *Then and Now* (Thỉnh thoảng, 1943), là những tác phẩm không mấy thành công; *the Razor's Edge* (Đường thế đồ, 1944), với một cái nhan phần nào bí hiểm, nhưng phát biểu được con đường khó khăn của người muốn thoát khỏi vòng tục lụy trên cõi đời này.

Trong số trên dưới mười cuốn tiểu thuyết của Somerset kể trên đây, nổi bật ba kiệt tác: *Of Human Bondage* (Kiếp người), *the Moon and Sixpence* (Vành trăng với nửa đồng tiền) và *the Razor's Edge* (Đường thế đồ) (7). Chúng ta cũng nên nán lại hồi lâu cùng với ba tác phẩm này, ba tác phẩm đánh dấu ba chặng đường trong lịch trình sáng tạo của tác giả.

Of Human Bondage. — Nhân vật chính, Philip Carey, thọt chân ngay từ lúc mới lọt lòng. Đã vậy, lại còn sớm mồ côi cả cha lẫn mẹ, được ông chú làm vicar nuôi nấng. Mười ba tuổi, Philip được gởi học trong King's School, Tercanbury: thời gian sống ở đây là một chuỗi ngày buồn thảm đọa đày cho tâm hồn. Sau đó, Philip sang Đức, ghi tên vào Đại-học Heidelberg, rồi bỏ, chạy qua Pháp học Mỹ-thuật. Sau hai năm trời tập tành theo nòi nghệ thuật hội họa, Philip nhận thấy mình không đủ khả năng để thật thụ trở thành nghệ sĩ chân chính, bèn quay về London theo ngành Y-khoa. Trong thời kỳ này, y gặp một nữ chiêu đãi làm việc trong một phòng-trà, *tea-shop*, rồi đắm ra yêu thị say đắm, nhưng thị vốn mang bệnh thần kinh, không ngừng dầy vò y, khiến y lấy làm đau khổ khôn cùng. Y hoang phí cả tài sản vì thị, thành thử buộc phải dờ dang việc học, kiếm sống bằng nghề bán hàng, *shop-assistant*. Thời may, y thừa hưởng được một gia tài khá lớn giúp y trở lại Đại-học tiếp tục ngành Y-khoa cho tới năm ba-mươi ra trường với cấp

(7) W. Somerset Maugham: *the Razor's Edge*, 1944. Cuốn này đã được Nguyễn Ngọc-Phi dịch ra Việt-văn dưới nhan đề: *Lưỡi dao cạo*, Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản, Sài-gòn, 1962.

bằng Y-si. Sau đó, y lập gia đình với một cô gái con nhà mạnh dạn và đẹp, rồi định cư hành nghề ở một tỉnh nhỏ miền duyên hải.

Cuốn *Of Human Bondage* có thể xem như đã đánh dấu chặng đường lạc quan của Somerset Maugham : sau bao nhiêu khó khăn trên đường đời, Philip Carey hoàn thành được một cuộc đời hạnh phúc trong thành công rực rỡ. Philip Carey : Somerset Maugham.

The Moon and Sixpence. — Charles Strickland, một nhân viên hối đoái (stockbroker) đứng tuổi ở London, bỗng dưng bỏ cả nghề nghiệp, vợ con, và mọi mối dây trói buộc mình vào công thức xã hội, chạy theo tiếng gọi âm thầm của nghệ thuật. Sau mấy năm trời dùi mài mê mải hội họa ở Paris, y vẫn không được nhìn nhận là họa sĩ chân chánh. Thất vọng, y từ biệt vòm trời châu Âu để sống một cuộc đời nguyên thủy ở Tahiti, ở đây, y sáng tác đều tay, bất cần đến sự thưởng ngoạn của một ai, y chỉ sống vì nghệ thuật và cho nghệ thuật cho đến lúc tắt thở trên tay một người đàn bà bản xứ. Theo lời trối của y, thị tiêu hủy tất cả mọi họa phẩm của y, ngoại trừ một số bị y hất hủi lúc sanh thời. Chính nhờ số tác phẩm này mà hậu thế khám phá ra được thiên tài của y, và thế giới mới nhận thức được rằng mình đã vô tình giết chết một thiên tài xuất chúng.

Cuốn *the Moon and Sixpence* giá trị nhất ở những suy tưởng về nghệ thuật, về cuộc đời cay đắng của nghệ sĩ chân chánh trong một thế giới không biết nhìn nhận thực tài, và tình cảnh éo le của nghệ sĩ bị hất hủi lúc sanh thời. Charles Strickland : Paul Gauguin.

The Razor's Edge. — Cái nhan lạ lùng này được tác giả gián tiếp giải thích bằng hai câu thơ (?) của Katha-Upanishad (?) trích làm tiêu đề cho cuốn sách :

*The sharp edge of a razor is difficult to pass over ;
Thus, the wise say the path to Salvation is hard.*

Katha-Upanishad (8).

(8) Bằng vào một số ghi chú tường tượng của Somerset Maugham trong cuốn *the Moon and Sixpence*, chúng tôi ngờ ngờ

Chúng ta có thể chuyển hai câu này bằng hai câu thơ sau đây :

Mũi tuc luy lưỡi tê tân khô,
Đường thế đồ gót rỗ kỳ khu

Ôn-Như Hầu Nguyễn Gia-Thiều
(Cung oán Ngâm-khúc, c.c. 69-70)

Thật vậy, chủ đề tác phẩm này chính là con đường thế đồ gót rỗ kỳ khu của anh chàng Larry tìm kiếm *the path to Salvation* (ngõ vào Cứu-rỗi) ngõ hầu khóa lấp cái khoảng trống siêu hình (*metaphysical vacuum*) xâu xé tâm hồn khao khát, và thao thức nội tâm của y : y đã phải trải qua dòi đoạn tân toan trong cuộc đời (hứa hôn, quân dịch, chiến tranh, lấy vợ, du hành, chơi bời, học hỏi, tạo tác) mà nào thấy đâu cái ngõ vào Cứu-rỗi hằng mong ước nọ. *The sharp edge of a razor is difficult to pass over* : Đường thế đồ quả thật là gót rỗ kỳ khu ! Sự tìm kiếm ngõ vào Cứu-rỗi này, phải chăng cũng là nỗ lực của Somerset Maugham đi tìm ý nghĩa của cuộc đời ?

Và nếu quả tình cuốn *the Razor's Edge* biểu hiện ý tưởng của tác giả, dơi sâu vào hành tích thực tế của nhân vật chánh hồng vach ra một ý nghĩa nào của cuộc thế này, thì hẳn nó đánh dấu một chặng đường mới trong lịch trình sáng tạo của Somerset Maugham, trong một tinh thần đã bất lạc quan.

Short stories và tales của Somerset Maugham

Trong nền văn nghệ thế giới hiện đại, loại hình *short story*, hay *tale*, xuất hiện như một loại hình văn nghệ đặc biệt *Anglo-saxon* (nhứt là Mỹ và Anh), tuy rằng loại hình này khởi sanh ở châu-Âu ngay từ thời Trung-cổ, đặc biệt ở Pháp và ở Ý. Sự phát triển của loại hình này ở Liên-quốc Mỹ và ở Anh đi đôi với sự phát triển của ngành báo chí nói chung, và của loại tạp chí, *magazine*, nói

rằng hai câu tiêu đề trên đây là của chính tác giả, và cái tên đọc âm Ấn-độ : *Katha-Upanishad*, chỉ là một tác giả tưởng tượng mà thôi ? Theo từ điển thì *upanishad* là những kinh điển đầu tiên làm nền cho triết học Ấn-độ.

riêng. Báo chí và tạp chí đòi hỏi những chuyện tưởng tượng vừa cô đọng vừa ngắn, thích hợp với loại hình gọi là *short story*, hay *tale* (dài hơn *short story* vài trang). Chính Somerset Maugham đã giải thích nguồn gốc và nguyên cơ khiến ông viết mấy tập (tạm-gọi-là) truyện ngắn của mình như sau :

Độc giả các tạp chí vốn không thích khởi sự đọc một truyện đề rồi mấy phút sau bị bảo lật qua xem tiếp trang trăm một trăm hai gì đó. Tác giả thì cũng chẳng thích bị như vậy. (...)

(Họ) thích đọc ít ra là nguyên một truyện mà khỏi phải mất công tìm kiếm phần tiếp giữa các khung quảng cáo và tôi được giao cho việc viết những truyện thật ngắn đề có thể in ở những trang đầu mặt với các trang quảng cáo, và đồng thời dư nhiều chỗ cho những minh họa.

(. . .) tôi đã học hỏi rất nhiều trong khi viết các truyện ngắn này, và tôi hiện nay vẫn lấy làm vui đã viết chúng. Cái khó bấy giờ là buộc phải thu tóm những điều tôi muốn kể vào trong số chữ không được trội hơn, mà đồng thời làm cho độc giả có cảm tưởng rằng tôi đã kể hết trọn những điều phải kể. Nhưng chính sự thè này khiến cho công trình trở nên hứng thú.

Frank Knaac, no cùng thật bõ ích. Tôi không được phép xài phí một chữ nào. Tôi bắt buộc phải vắn tắt. Tôi lấy làm ngạc nhiên nhận thấy rằng tôi có thể xóa bỏ bao nhiêu tính từ và trạng từ mà không hại gì cho nội dung hay cho cách kể chuyện cả (9).

(9) Magazine-readers do not like starting a story and, after reading for a while, being told to turn page a hundred and something. Writers do not like it either. (...)

(They) would like it if they were given at least one story that they could read without having to hunt for the continuation among the advertisements and (he) commissioned me to write sketches (which) were to be short enough to print on opposite page of the magazine and leave plenty room for illustration.

Chúng tôi xin bạn đọc thề tình lượng thứ, nếu như đoạn trích dẫn trên đây có dài đôi chút. Nhưng chúng tôi đã chẳng ngại trích dài như vậy, phần vì nó trình bày rõ ràng trường hợp đã thúc đẩy Somerset Maugham sáng tác loại *short stories*, phần khác còn cho chúng ta biết một số kinh nghiệm bổ ích và cần thiết (ở đây chúng tôi nghĩ tới những nhà văn chuyên viết truyện ngắn của chúng ta ở nửa nước Việt-nam này) về nghệ thuật viết truyện ngắn nói riêng, và viết văn nói chung.

Chính với thứ nghệ thuật tinh vi và có ý thức như thế, chính trong trường hợp viết cho tạp chí như thế, mà Somerset Maugham đã hoàn tất một số tập *short stories* đáng kể và, riêng đối với chúng tôi, thành công nhất: *the Trembling of a Leaf* (Chiếc lá rung trong gió, 1921), *the Casuarina Tree* (Dòng dõi Casuariana, 1926), *Ashenden* (1928), *First Person Singular* (Chủ thể thứ nhất số ít, 1931), *Ah King* (1933), *Cosmopolitans* (Truyện trong tạp chí *Cosmopolitan*, 1936), *Creatures of circumstance* (Những kẻ kỳ ngộ, 1947). Một khía cạnh đặc biệt của các tập truyện này là thường được tác giả đặt vào trong bối cảnh và khung cảnh hoặc Mã-lai, hoặc Nhứt-bồn, hoặc các đảo ở Thái-bình-dương (Tahiti, v.v...). Phần khác, nhiều phim ảnh cũng đã được quay theo cốt chuyện một số truyện ngắn này.

(. . .) I learnt a good deal from the writing of them and I am glad that I wrote them. My difficulty was to compress what I had to tell into a number of words which must not be exceeded and yet leave the reader with the impression that I had told all there was to tell. It was that this made the enterprise amusing.

It was also salutary. I could not afford to waste a word. I had to be succinct. I was surprised to find how many adverbs and adjectives I could leave out without any harm to the matter or the manner. (...)

W. Somerset Maugham

(trích trong bài tựa tập truyện *Cosmopolitans*)

Về lối văn giản dị, dễ hiểu, cô đọng, bạn đọc có thể xem đoạn trích dẫn ở chú thích trên đây, như một kiểu mẫu, điển hình cho ngữ thức của Somerset Maugham.

General books của Somerset Maugham

Về mặt số lượng, thì loại hình văn nghệ này, trong sự nghiệp đồ sộ của Somerset Maugham, chỉ chiếm một phần rất nhỏ, nhưng chứa một nội dung hàm súc đối với những người muốn tìm hiểu và nghiên cứu nghệ thuật viết văn của ông. Ông đã cho xuất bản bốn cuốn, có thể chia ra làm hai loại: mỗi loại hai cuốn. Loại thứ nhất gồm hai cuốn: *Gentlemen in the Parlour* (Thượng khách trong phòng riêng, 1930), và *Don Fernando* (1935), tường thuật những chuyến du hành (có thể bảo là những chuyến chu du thiên hạ) của tác giả cùng khắp thế giới (trừ châu Mỹ La-tinh và châu-Phi miền Nam), với một hành văn nhẹ nhàng, điêu luyện và hấp dẫn.

Nhưng chúng ta phải kể nhất là loại thứ hai, cũng gồm hai cuốn: *the Summing Up* (Nhìn lại đoạn đường đã qua, 1938) và *A Writer's Notebook* (Sổ-tay của một nhà văn, 1949) — và đây là không kể loạt bài hồi ký ông đã viết cho đài B.B.C., và đọc khoảng 1955-1956 mà chúng tôi đã theo dõi trên làn sóng *Home Service*, và nếu chúng tôi không lầm, chưa in thành sách —; hai cuốn này, nếu không được đọc giả hạng thường, *common readers*, ham chuộng đến độ trở thành những *best-sellers* (sách-bán-chạy-nhất), thì cũng loại sách được các nhà phê bình và các nhà văn trẻ hâm mộ cùng cực: chẳng những chúng bộc lộ cho chúng ta trông thấy đường lối làm việc và sáng tạo của nhà văn, mà đồng thời còn cung cấp cho chúng ta rất nhiều kinh nghiệm sống thật, kinh nghiệm viết văn, kinh nghiệm đường đời chính Somerset Maugham đã đích thân trải qua, và nhất là quan niệm của ông về nghệ-thuật nói chung, về văn-nghe nói riêng; và tất cả những sự việc này được phát biểu qua một ngữ thức vô cùng nhẹ nhàng, lời cuốn, điêu luyện, dễ lãnh hội — vốn là lối văn cổ hữu của ông trong bất cứ tác phẩm nào.

Đọc lại hai cuốn mà chúng tôi xem như là những kiệt tác trong loại hình *general book* này, vào một dịp nọ, chúng tôi đã không khỏi nhớ tới một số tác phẩm cùng loại của mấy nhà văn ngoại quốc và Việt-nam, chẳng hạn: *Call it experience* (Hãy cứ gọi là kinh nghiệm), của nhà văn Liên-quốc Mỹ Erskine Caldwell (10), *Viết và đọc tiểu-thuyết* của Nhất-Linh, *A Writer's Diary* (Nhật ký của một

nhà văn) của nhà văn phái nữ Anh-quốc Virginia Woolf, *Một số kinh nghiệm viết văn của tôi* của Tô-hoài, hay *Nói về viết tiểu thuyết* của nhà văn Trung-hoa Mao-thuần, chúng tôi đã không khỏi nhớ tới mấy cuốn vừa kể trên này, nhưng đồng thời, cũng không khỏi thăm xét thấy rằng mình thích (chủ quan mà nói, và biết đâu, khách quan cũng vậy) hai cuốn *the Summing Up* và *A Writer's Notebook* hơn. Xin được mạn phép xem đây như là nhận-định của một người đã ít hay nhiều áp dụng một số kinh nghiệm học hỏi được trong hai cuốn sách quan trọng này.

Mấy nét về ý hướng viết văn và nghệ thuật của W. Somerset Maugham

Một điều thường xảy ra ở những nhà văn vừa sáng tác vừa lập thuyết (nghệ thuật, cố nhiên), là có một khoảng cách chen giữa lý thuyết và tác phẩm của họ, cứ hãy nghĩ đến một Mikhail Sôlôkhôv và đường lối gọi-là *phục vụ kịp thời* của ông (hai-mươi-bảy năm trời, chúng tôi nhắc lại : *hai-mươi-bảy* năm trời để hoàn tất một tác phẩm viết trong mục-đích *phục vụ kịp thời* !) (11) và bao nhiêu trường hợp rõ rệt khác. Điều này đã không xảy ra trong trường hợp đặc biệt của Somerset Maugham : chúng ta có thể khẳng định, sau khi đã đem mấy tác phẩm lớn của ông làm tiêu chuẩn để kiểm chứng những nhận định về nghệ thuật viết văn của ông, chúng ta có thể khẳng định rằng giữa quan niệm và đường lối ứng dụng quan niệm này trong tác phẩm của ông không hề có một khoảng cách hay một kẽ hở chia đôi.

Người ta hẳn biết rằng trong một cuộc đời sáng tạo dài đằng đẵng, từ năm 1897 là năm tác phẩm đầu tay được xuất bản, đến cuối năm 1964, nghĩa là bảy mươi năm trời, sự nghiệp văn nghệ

(10) Xem bản Việt-dịch của Trần Phong-Giao và Nhã-diễn, dưới nhan đề : *Kinh nghiệm đời văn* (tạp chí Văn, số 32, ngày 15-IV-1965).

(11) Xem Trần Thiện-Đạo : *Mikhail Sôlôkhôv, giải Nobel văn chương 1965* (tạp chí Văn, số 45, 1-XI-1965.)

của một nhà văn không thể không có những thay đổi trong nội dung và trong thể cách diễn đạt. Và trong viên đồ này, người ta cũng biết rằng Somerset Maugham đã đi từ chủ nghĩa tả thực (*naturalism*) thoát thai từ một Gustave Flaubert (1828-1880), một Guy de Maupassant (1850-1893), một Emile Zola (1840-1902) (ông chịu rất nhiều ảnh hưởng của các nhà văn Pháp thế kỷ XIX này) và từ một George Bernard Shaw, trong các vở kịch và trong các *short stories* của ông, ông đã đi từ chủ nghĩa tả thực này bước sang địa hạt suy tư đến thân phận con người và đến các vấn đề huyền bí và Thượng-đế (*mysticism and the problems of the divine*), đặc biệt trong cuốn *the Razor's Edge*.

Nhưng trên đây chỉ là biến đổi trong nội dung, một biến đổi thiết yếu phải có của một nhà văn không ngừng tìm hiểu cuộc đời, dầu là xuyên qua những sự việc nhỏ nhặt tũn mủn ẩn hiện trong thực tế sống động hằng ngày, và tuyệt nhiên không phải là biến đổi trong ý hướng viết văn của tác giả. Vậy ý hướng này như thế nào? Trong cuốn *the Summing Up*, Somerset Maugham đã tách bạch bộc lộ ý hướng viết văn của mình như sau :

— Tôi không ngừng chú trọng tới con người nói chung, nhưng không phải vì chính họ, mà là vì sự nghiệp của tôi. (12)

Nhưng vậy, nghĩa là ông chỉ nhận mình là một kẻ quan sát nhân loại, lạnh lùng, khách quan, không vì chính con người, mà để làm vật liệu cho văn nghiệp của mình. Bởi vậy, ông không lợi dụng tác phẩm mình để truyền ra một thông điệp nào, hay để giảng dạy một bài học nào. Ông chỉ là một nhà văn, một nhà văn thuần túy. Đối với ông, điều đáng kể hơn hết ở một nghệ sĩ không hề là những thông điệp hay những bài học. Ông viết :

— Đối với tôi, điều quan trọng hơn hết trong nghệ thuật là bản lĩnh của nghệ sĩ. (13)

(12) I have been interested in men in general, no for their own sakes, but for the sake of my work. (Somerset Maugham : *the Summing Up*, p. 93).

(13) To my mind, the most interesting thing in art is the

Bằng theo câu này, chúng ta có thể nhận định rằng Somerset Maugham quả là một nghệ sĩ, một nghệ sĩ thuần túy không ngừng phụng sự nghệ thuật thuần túy. Và bản lĩnh của ông nằm ở chỗ, trong lúc cả nền văn học Anh đua đòi chạy theo phong trào *stream of consciousness* (tạm dịch: dòng tâm tư, chịu ảnh hưởng của Marcel Proust) (14) của một Virginia Woolf (1882-1941), hay của một James Joyce (1882-1941), hay của cả một William Faulkner (1897-1963), ông vẫn một mực đứng vững trên con đường do chính mình đã vạch sẵn cho mình: vẫn một ngữ thức vô cùng giản dị, phát biểu rõ rệt những điều cần phát biểu, đồng thời, cũng vẫn những nhân vật đậm nét, nhiều sắc màu, cũng vẫn thứ bố cục chặt chẽ, không thừa không thiếu. (15)

Nhà văn Somerset Maugham quả thật là một nhà văn lớn.

TRẦN THIÊN-ĐẠO

(Paris 19-XII-1965)

personality of the artist. (Somerset Maugham : *the Moon and Sixpence*, p. 5).

(14) Chính kỹ thuật *stream of consciousness* này mới là cha đẻ của kỹ thuật gọi là *độc thoại nội tâm* trong nền văn nghệ Pháp hiện đại; kỹ thuật này đã ảnh hưởng không ít tác phẩm của một Dương Nghiễm-Mậu hay của một Nguyễn-đình Toàn, xuyên qua nền văn nghệ Pháp.

(15) Để bạn đọc có một chút khái niệm về vị trí của Somerset Maugham trong nền văn học Anh hiện đại, chúng tôi xin tạm so sánh như sau: cứ tạm ví Somerset Maugham với một Võ Hồng, một Võ Phiến, giữa đội văn nghệ tạm-gọi-là tiên phong gồm những Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn-đình Toàn, Dương Nghiễm-Mậu, chẳng hạn. Xin nhắc lại: so-sánh như vậy, với mục đích duy nhất giúp bạn đọc nhìn thấy rõ ràng vị trí của Somerset Maugham trong nền văn học Anh hiện đại, chứ không kê ngang tầm quan trọng giữa mấy nhà văn kể trên.

tác phẩm Somerset Maugham đã được dịch sang Việt - văn

Không kể một số rất nhiều truyện ngắn đã được dịch sang Việt-ngữ và được đăng rải rác trên các báo từ nhiều năm qua, sau đây là một số truyện dài và tân truyện của Somerset Maugham đã được dịch sang Việt-ngữ và in thành sách :

- 1) *Bức màn sơn*, Huyền-Hà dịch *The Painted Veil*
Đời Nay xuất-bản, Hà-nội, 1944.
- 2) *Một đêm trăng*, Trần Thiệu-Sinh dịch *Up at the Villa*
Phồ-thông xuất-bản, Hà-nội, 1952.
- 3) *Lưỡi dao cạo*, Nguyễn Ngọc-Phi dịch *The Razor's Edge*
Bộ Giáo-dục xuất-bản, Sài-gòn, 1962.
- 4) *Kiếp người*, Nguyễn Hiến-Lê dịch *Of Human Bondage* (bản rút gọn) Tủ sách TNCH xuất-bản, Sài-gòn, 1963.
- 5) *Cái đêm hôm ấy*, Giản-Chi dịch *Up at the villa*
Cảo-Thư xuất bản, Sài-gòn. 1965.

Có những bản dịch khác đã đăng báo nhưng chưa in thành sách như :

- 6) *Mỗi tình nghệ sĩ*, Lê-dình Chân dịch *The moon and sixpences*,
đăng trên tập-san *Thanh-Nghị* trước Chiến-tranh 1945.
- 7) *Nhân sinh hệ lụy*, Nguyễn Huy Đôn dịch *Of Human Bondage*
(dịch trọn vẹn nguyên tác) đăng trên *Văn-hóa nguyệt-san*.

Lại có những tân truyện được dịch đăng báo và đã in thành sách như :

— Hai truyện *Mưa* và *Cái đầm* in trong tập truyện *Những truyện thương tâm*, Nguyễn Hiến-Lê và Giản-Chi dịch, Tủ sách TNCH xuất-bản, Sài-gòn, 1963.

MỘT VÌ SAO RỤNG :

W. Somerset Maugham
(1874 - 1965)



KHI-BIỆM ĐẾN LÚC CHẾT

Nhiều năm trước đây, khi William Somerset Maugham còn là một thanh niên 64 tuổi, ông hướng mọi tư tưởng của ông vào một vấn đề có tầm quan trọng đáng kể đối với ông : một kết thúc thích hợp với cuộc đời của ông. « Sau khi đã chiếm một địa vị nào đó trên thế giới trong thời gian lâu dài, » Maugham đã viết trong cuốn *The Summing Up*, « Tôi đồng ý là những người khác chẳng bao lâu sẽ chiếm chỗ đó. Khi không thể thêm cái gì vào mà lại không làm hư hỏng dự định thì người nghệ sĩ bèn bỏ chuyện đó. »

Nhưng cái chết quá lâu mới tới : 27 năm. Dự định bị hư hỏng và nó đã căng thẳng sự kiên nhẫn một cách đau đớn của một con người đã nguyện với ý tưởng là một câu truyện kể được cấu tạo khéo léo cần phải đưa đến một đoạn kết có lớp lang, lệ làng. Tại biệt thự ven biển ở Mũi Ferrat, gần như điếc và lòa, Maugham phàn nàn dữ dội về cách thức mà bàn tay chậm chạp của thời gian đang viết chương chót cuộc đời ông ta, « Tôi chán cách sống này quá », ông nói. « Tôi muốn chết. » Hồi đầu tháng này, tiếp theo một cơn đau ông bị mê man. Trái tim già nua của ông lão 91 tuổi còn đập thêm sáu ngày nữa trong một bệnh viện ở bên ngoài Nice. Và rồi tuần qua trái tim đó ngừng đập.

Cái chết của ông đã trao lại cho hậu thế tác phẩm của một trong những tác giả đa năng nhất, thành công nhất, bình dân nhất,

và viết nhiều nhất. Chỉ trong năm nay, vào khoảng 2.000.000 ấn bản của các tác phẩm của ông sẽ được thêm vào con số 80 - triệu đã được in. Cuốn *The Razor's Edge* đã bán được hơn 5.000.000 cuốn kể từ khi nó xuất hiện vào năm 1944. Cuốn *Of Human Bondage*, được in vào năm 1915 khi Maugham 41 tuổi, đã đi vào trào lưu văn chương và đã ba lần được mô phỏng thành phim. Ít nhất hai nhân vật của Maugham — Mildred Rogers trong cuốn *Bondage* và Sadie Thompson trong cuốn *Rain* — thuộc vào nhóm tiểu thuyết đặc biệt.

Các nhân vật trong hành động

Phong phú vượt những ước mơ của phần lớn các văn sĩ, Maugham trở thành một loại nhân vật nổi tiếng gần như phổ thông, một nét mặt của nguồn gốc và phong tục thuộc thời Edwards, chiếu lên các khung cảnh tân tiến một hình ảnh thời Edwards. Ông ta giống như một nhân vật ở một trong những cuốn tiểu thuyết của ông : ông có những nét mặt hằn lên vẻ qui phái, cặp môi mỏng xụp xuống ở hai bên mép, mắt hum húp. Đi du lịch thế giới kiếm tìm cốt truyện, ông thiu thiu ngủ sau bữa ăn trưa ở bất cứ nơi nào ông chợt tới — trên một chiếc tàu chở hàng không nhất định đang rẽ sóng tiến về các biển miền Nam, trong một căn lều Miến-điện hay một chiếc xuồng kèm theo tàu. Churchill, Wells, Cocteau, quận công và quận chúa Windsor, các quốc vương Thụy-điện và Thái-lan đã tới thăm ông tại biệt thự Mauresque, nơi trú ngụ kiến trúc theo kiểu Moore trên bờ biển Riviera ở đó, làm việc không hơn không kém bốn giờ đồng hồ mỗi buổi sáng, ông bắt đầu phần lớn những tác phẩm của ông.

Mặc dầu ông xa lánh những người tầm thường được chừng nào hay chừng nấy và tránh họ mỗi khi có thể tránh, chính sáng kiến của ông đã trốn tránh những người tầm thường đó. « Bạc vi nhân thường là giống nhau ; chính con người hèn mọn là một mớ những phần tử mâu thuẫn nhau » một lần ông đã nói vậy. Sự khoe khoang của ông là « Tôi không thể tiêu phí một giờ đồng hồ cùng với một người nào đó mà không kiếm được chất liệu để viết ít nhất là một truyện đọc được về hắn ta ».

Vì lẽ đó, ông thường được coi như một " người kể chuyện " (1). Ngày nay, theo Joyce và Freud, " người kể chuyện " phần nào được coi như một danh từ có ngụ ý chê bai, và những nhà phê bình có thể lục vấn về chiều sâu của nội tâm Maugham.

Nhưng ông có thể làm một cách tuyệt hảo cái gì mà những người kể chuyện đã được giả thiết làm — bi thảm hóa nhân vật bằng cách đặt nhân vật vào hành động, một hành động đặc biệt nó phô bày bằng những danh từ sống động những lỗi lầm hay đức tính của nam hay nữ nhân vật đó.

Bệnh sỏi và mưa

Maugham kể ra những thí dụ riêng của ông. Một lần ông gặp một cặp vợ chồng buồn tẻ trong một bữa ăn tối buồn tẻ. Người đàn ông là một công chức ở Á-châu, và điều duy nhất nhớ được về anh ta là anh đã có một thời say sưa, đem một chai rượu vào giường mỗi đêm, và nốc hết trước sáng hôm sau. Vợ anh ta có vẻ tầm thường bần thiêu, nhưng chị ta đã chữa cho anh chồng khỏi bệnh nát rượu.

Ngoài chuyện này ra, Maugham đã viết một truyện tuyệt tác (*Before the Party*), truyện này khởi đầu ở một nơi chốn thuộc miền quê buồn tẻ; hướng về lời thú tội của một góa phụ béo mập rằng mẹ ta đã chém người chồng không giữ luật đạo đến chết bằng một con dao vào một buổi chiều nóng bức ở Bornéo. Sau lời thú tội, tất cả mọi người đến dự buổi họp trong vườn của mục sư.

Như thế, đã có biết bao nhiêu bà vợ lấy phải các ông chồng say sưa lại không có cùng một sự thúc dầy ? Và họ đã đi đến dự các buổi họp ? Hoặc là hãy lấy trường hợp truyện *Mưa*. Maugham đã thấy một gái giang hồ vội vã lên chiếc tàu đi về Tahiti. Một nhà truyền giáo và bà vợ cũng ở trên tàu, và khi đến Pago Pago, cả tàu bị hãm ở ngoài khơi 40 ngày vì bệnh truyền nhiễm ban đỏ. Maugham đã thêm mùa mưa ở vùng nhiệt đới vào bệnh ban này, và đã khiến cho cuộc chạm trán giữa nhà truyền giáo và gái giang hồ rơi vào một sự giằng co cò điển giữa sự thẳng thắn và tội lỗi. Có người

(1) Story-teller.

nào (hoặc mục sư) lại không cảm thấy dấu vết của nhục dục trong lòng sự giao tiếp hiền nhiên quên cả mình đối với tâm hồn của kẻ phạm tội đẹp dễ chăng ?

Maugham vốn có tính lạnh nhạt, không giao thiệp nhiều, và ông cũng chấp nhận như vậy. « Có ít người biết một chút gì về tôi. Và ngay họ không biết nhiều như họ tưởng tượng ». Ông là người quan sát, chứ không phải người tham dự cuộc sống.

Nhưng nếu ông ta có tính lạnh nhạt, chính vì hồi nhỏ ông đã không được âu yếm. Hồi mười tuổi, ông ta là một cậu bé mồ côi nơi đất khách quê người. Cha ông là cố vấn pháp luật cho tòa đại sứ Anh ở Paris. Mẹ ông, mắc bệnh lao kinh niên, chỉ có thể sinh đẻ trong những khoảng thời gian theo lời khuyên của bác sĩ — hồi đó người ta cho là mang thai thì tốt cho bệnh lao — và sau khi Somerset ra đời được tám năm thì mẹ chết. Chẳng bao lâu sau đó cha cậu cũng qua đời. Cậu được đưa xuống tàu sang Anh-quốc để trở thành một đứa bé được đặt dưới sự thủ hộ miễn cưỡng của một ông cậu.

Tính hay mắc cỡ, lại bị tật nói lắp (cà lăm) làm cho xấu hổ, cậu bé Maugham cuộn mình trong đau khổ do hoàn cảnh mới khắc nghiệt. Tại giáo khu, ông cậu cố nhồi nhét giáo lý đầy đầu óc đến nỗi Maugham hoàn toàn gạt bỏ Thiên-chúa ; ông là một kẻ không tin tưởng suốt đời. Tại trường King ở Canterbury, các bạn học và cả đến ông hiệu trưởng cũng chế nhạo sự trở ngại về ngôn ngữ của cậu bé. Những năm chuyển dịch bất hạnh sau này hiện ra trong cuốn *Of Human Bondage*, cuốn tự truyện cảm động nhất trong các cuốn tiểu thuyết của ông. Ngay đến những năm sau này, ông không thể nào đọc nó mà không chảy nước mắt.

Con người văn sĩ ở Maugham nổi lên tại trường y-khoa ở Luân-đôn, nơi mà trước khi giật được mảnh bằng ông đã phải khó khăn học hỏi một cách có hệ thống, nếu không phải là lén lút, qua các môn học cổ điển và in cuốn tiểu thuyết đầu tiên, *Liza of Lambeth*, vào năm 1897. Hồi đó Maugham 23 tuổi. *Liza* chỉ mới là một sự thành công khiêm nhường, nhưng nhờ sức mạnh đó, ông bỏ luôn y-khoa.

Trong khoảng 11 năm ông đã ghi kỷ lục thắng lợi rực rỡ trên sân khấu thành Luân-đôn. Kịch trường đã đem lại cho ông đúng

những cái ông đã kỳ vọng ở nó : tiền tài và danh vọng. Cả hai trở thành những thứ vửng vàng trong cuộc sống của ông. Khi các nhà phê bình kết tội ông là chỉ viết vì lợi ích mà thôi, ông trả lời bằng cách nói rằng « Tôi đã khám phá ra rằng tiền bạc cũng tựa như giác quan thứ sáu mà nếu không có nó bạn không thể nào điều động được phần lớn năm giác quan khác. »

Tiết kiệm và sáng sửa

Thành công bất ngờ khiến cho một tài năng sớm nở tràn đầy xúc cảm. Nhưng đối với Maugham, nó chỉ đem lại một đặc quyền hân hoan thực hiện đúng những cái mà ông thích, đó là việc thông suốt nghề nghiệp của mình : « Những cuốn sách mà tôi viết trong mười năm đầu tiên là những bài tập mà tôi tìm kiếm để học nghề của tôi. Viết lách là một công việc tốn thời gian. Không có văn sĩ chuyên nghiệp nào có thể chỉ viết khi nào y cảm thấy thích. » Ông khẳng khái thực hiện việc gọt rũa và cắt xén cách hành văn của mình, ông tự giam mình trong những giờ tẻ nhạt của khuôn phép. Kết quả là một lối hành văn gọn gàng, sáng sửa tránh những tình từ quá đáng hoặc là những câu sáo ngữ mà dường như người ta không nhận thấy. Không có một văn sĩ lớn tuổi nào thành thật một cách tàn nhẫn hoặc là khiêm tốn hơn về các năng lực riêng của mình. Mặc dù những sự đau đớn ông đã gánh chịu, đã có lần ông thú nhận « Sự kiện văn còn tồn tại là bốn tiểu thuyết gia thế giới luôn biết tới — Balzac, Dickens, Tolstoi và Dostoevski — đã lần lượt viết ngôn ngữ của họ rất tệ. Điều này chứng tỏ rằng nếu bạn có thể kể truyện, tạo nên các nhân vật, đặt ra những việc xảy ra, và có thực tâm và đam mê, còn bạn viết cách nào lại là một chuyện khác không cần biết tới.

Còn về hàng ngũ văn chương riêng của ông, Maugham tự ông đã không ngờ vực gì là ông sẽ đứng chỗ nào — « ngay ở hàng đầu của những người sắp hạng thứ ». Dường như đó cũng không phải là một thứ hạng khiêm tốn nhất. Tự Maugham đã đặt Stendhal, Voltaire và A-E Housman nơi đó. « Tôi nghĩ rằng một hoặc hai hài kịch của tôi sẽ được người ta nhớ tới một thời và một ít truyện ngắn hạng nhất của tôi sẽ được cho vào tuyển tập », ông đã nói vậy với một người khách vào năm 1944. « Điều này cũng không nhiều lắm, tôi nhận như vậy, nhưng nó cũng còn hơn không có gì. »

ĐẶNG-NHẬT HỒNG-KHANH dịch
(Time, số ra ngày 24 tháng 12, 1966)

CHỈ CÒN MỘT SỐ RẤT ÍT

BẦY THỎ NGÀY SINH NHẬT

TRUYỆN MAI-THẢO

NGOÀI ĐÊM

TRUYỆN THẾ-UYÊN

HAI TÁC - PHẨM KHÔNG THỀ THIẾU
TRONG TỦ SÁCH GIA-ĐÌNH CỦA QUÝ BẠN

SÁCH DO **GIAO - ĐIỂM** XUẤT BẢN
CHỈ CÒN MỖI THỨ CHƯNG TRĂM CUỐN

CON ĐƯỜNG

truyện dài NGUYỄN-ĐÌNH TOÀN

kín cửa

kịch-bản của JEAN-PAUL SARTRE
TRẦN THIÊN-ĐẠO dịch và giới thiệu

ngồi lại bên cầu

tập truyện của TRẦN PHONG-GIAO

NHỮNG CÂU NÓI CUỐI CÙNG
CỦA CON NGƯỜI PHONG NHÃ
Ở CAP FERRAT :

tôi chết lúc khỏi tật



Sẽ có sự hỗn độn ở Sotheby. Người ta sẽ bỏ ra hàng triệu tranh nhau mua những bức họa của tôi. Và mỗi người khi ra về, sẽ xoa tay và tự nhủ : « Lão già Maugham điên, cứ tưởng mình khôn ngoan lắm. Lão ở đó, dưới tấm mộ chí của lão, còn tôi vẫn mạnh khỏe sống nơi đây. »

Và như vậy ông đã tưởng tượng ra « đoạn chót của công việc tồi tệ này » : cuộc đời của ông trích trong sổ những gì ông mới viết xong : Cuốn « Looking Back » (Nhìn lại phía sau). Và vậy mà, với lòng đam mê, lòng hung bạo — hung bạo theo kiểu James Dean — ông đã yêu « công việc tồi tệ đó » : cuộc đời ! Năm ngoái, buổi tối hôm ăn mừng sinh nhật năm chín mươi một tuổi, một bà bạn già đã hỏi xem điều ông thích nhất trên đời là điều gì ? « Thích tất cả : một món ăn ngon, một ly rượu vang lâu đời ; Và thích ngay cả thứ rượu vang không lâu đời nhưng ngon là được. Tóm lại, tôi thích tất cả ! Đây này : thưa bà, trông bà thật là tuyệt vời... »

Và trong khi ông đang đau nặng, vẫn bà nọ đến thăm ông ở bệnh viện. Người ta biết ông sắp từ trần. Ông cũng biết vậy.

— Willie, cái gì làm ông hài lòng ? hoa ? trái cây ?

(*) Tranh hi họa của Sherriffs.

Ông nhăn mặt và mấp máy nói :

— Hoa à ? Còn sớm quá. Trái cây ư ? muộn mất rồi.

Và, biết được là ông vừa nói những lời đó mà không càm lăm — điều này chưa bao giờ xảy ra —, ông mĩa mai nói thêm :

— Bà thấy không. Mọi sự đều chấm dứt một cách tốt đẹp. Tôi chết lúc vừa khỏi tật.

Và như vậy ông đã lia đời. Như một con người phong nhã. Với một nụ cười — hung bạo.

Học Anh-ngữ trong một trường Pháp

Tật cà lăm này, mà không một y si nào, kể cả y si của Anh-hoàng George VI, đã chữa chạy nời, là một vết thương không bao giờ lành trong đời ông. Con người này đã có tất cả : thành công, danh vọng, tiền tài — ông là một nhà văn nổi tiếng nhất, kiếm được nhiều tiền nhất (tác phẩm của ông đã mang lại cho ông một số lợi tức năm tỷ quan cũ) — suốt đời ông, ông đã cay đắng tin chắc mình là một kẻ tàn tật, một người thất bại. Từ đó mới sinh ra tính thời thượng của ông, những lời lẽ chua chát, và ý thích [những điều tai tiếng.

Vào lúc ông thành công nhất — « Nỗi cực nhục của con người » được in ra hàng triệu cuốn, — đề trả lời cho một nhà phê bình đã kịch liệt chỉ trích ông, ông đối đáp :

— Chắc là vì tôi là tên khốn khó đó, kẻ tật nguyên ông nói tới đó, mà tôi đã có thể viết câu chuyện, về kẻ tật nguyên, về tên khốn khó đó, và hẳn đã là nhân vật của tôi.

Và, để làm cho mình đau đớn, ông nói thêm :

— Cái chân queo của hẳn ta, đó là tật cà lăm của tôi.

Giọng nói run lên. Vì tức giận. Vì phẫn nộ. Dưới sự điều cợt đó, người ta cảm thấy có giọt nước mắt.

Allan Scarle, thư ký của ông, đã nói với tôi.

— Ông ta là một người dịu dàng, một người bị lột da sống.

Các bạn hãy tưởng tượng ra một David Cooperfield nói lắp, và vì tuyệt vọng, vì thách đố, muốn trở thành một người nổi tiếng

nhất, người giàu nhất, một *dandy* thời thượng nhất của thời đại ! Đó là thảm kịch của Somerset Maugham. Có vẻ Dickens nơi cậu bé mồ côi ở King's School ở Canterbury, cậu bé bị nhạo báng, bị các bạn bè, các giáo sư, các giám thị hành hạ. Người ta gọi hắn là « kẻ lúng túng » và là « tây con » — Vì, bất hạnh thay, người Anh thuần túy này, lại là cháu chắt ngoại của vua Richard I, đã không nói được mấy tiếng mẹ đẻ. Cậu chỉ học Anh-văn ở trường học, ở bên Pháp, là nơi cha cậu làm cố vấn cho tòa đại sứ Anh. Thời kỳ thơ ấu vàng son, theo kiểu Marcel Proust, với một người mẹ tế nhị và giao thiệp rộng sẽ ra sao khi, năm mười tuổi, cậu bé mồ côi được gửi vào trong một trại binh Anh là nơi người ta đào luyện bằng roi vọt các công chức đề mai này sẽ phục vụ tại xứ thuộc địa Ấn-độ. Cái chết của mẹ ông đã làm ông xúc động đến nỗi mang tật cà lăm mà không bao giờ khỏi được. Bác ông, viên tu sĩ ở Kent đã cứu mang ông, rồi vội vã bỏ ông vào nội trú. Và tại King's School bắt đầu công việc tập sự khó nhọc của « Nỗi cực nhọc của con người » : sự ngu xuẩn, tàn ác, bần tiện mà ông nhớ mãi. Bị sỉ nhục, nhạo báng, cậu bé trở nên chai đá, cậu đối chọi lại và trở thành vô luân khiêu khích, độc ác.

Học vẽ ở Montmartre, Gauguin là bạn ông

Nhưng chẳng bao lâu ông không thể chịu đựng được nữa. Tinh thần của ông bị suy sụp. Ông bác tu sĩ lo ngại, vội gửi ông đi chữa bệnh ở Hyères, ở Côte d'Azur, rồi cho ông sang học ở viện đại học Heidelberg ở Đức, là nơi ông đã khám phá ra Schopenhauer và Ibsen. Và ông đã mê say văn chương, lúc trở về Luân-đôn, ông chỉ mơ tưởng trở thành văn sĩ. Nhưng ông bác không muốn như vậy. Một người có tư cách phải có nghề. Y sĩ ? Tại sao lại không. Cuộc đời thật là cực nhọc ở bệnh viện Saint Thomas. Mỗi tuần được có 30 shillings. Thức ăn có bò hầm và bia chua. Không có một xu nhỏ để đi xem chớp bóng hoặc mua sách. Trong những giờ nhàn rỗi, ông vào British Museum, mê say đọc tiểu thuyết, đọc truyện phiêu lưu. Và ban đêm, trong phòng trực của bệnh viện, ông viết. Ông viết lại những gì ban ngày ông sống.

Sự ti tiện, độc ác, nhục nhã trong khu Lambeth là nơi các y sĩ nghèo kéo lê để giày thủng trong sự tai tiếng và bùn lầy. Đó là cuốn *LIZA OF LAMBETH*, tác phẩm đầu tay của ông. Cuốn sách dữ tợn, tả thực một cách cuồng nộ, và đã gây ra tai tiếng. Người ta tấn công ông, nguyên rủa ông. Nhưng ông trở thành danh tiếng. Và ông mới hai mươi ba tuổi. Sự nổi tiếng xấu này (ông Maugham sẽ không bao giờ là một người có tư cách!). Ông đã kéo lê nó trong mười năm, viết hết sách nọ đến sách kia mà không thoát khỏi sự nghèo khó mà ông thù ghét. Ông cư ngụ ở Paris, và trong những quán cà-phê ở Montparnasse, ông theo dõi một kẻ học vẽ hơi điên nhưng có thiên tài mà ông muốn giống người đó : Gauguin. Nhưng trong khi Gauguin tiếp tục đi cho đến cùng, Maugham lại bỏ dở. Tinh thần của ông, một lần nữa, lại bỏ rơi ông.

Cuộc vật lộn điên cuồng chống lại sự không hiểu biết, sự ngu xuẩn, nghèo khó làm ông không thể chịu đựng được nữa. Ông không muốn nữa.

Ông viết :

— Người đó có giác quan thứ sáu, nếu không có giác quan này, ngũ quan sẽ không là gì cả : tiền bạc.

Đêm hôm ông viết những dòng chữ đó, ông đã ký hiệp ước với quỷ. Sáu tháng sau, ông trở thành giàu có, ông được hoan hỉ tiếp đón. Một hài kịch viết ra được đưa lên sân khấu làm ông trở thành một tác giả nổi danh. Rồi người ta ào ào đổ tới. Các nhà xuất bản, các chủ rạp hát tranh nhau mua tác phẩm của ông. Và trong số những tác phẩm đầu của ông « quá thuần túy, quá thực để có thể làm hài lòng », ông chỉ rút ra những tác phẩm dễ dàng, theo sở thích lúc đó, để thu về hàng triệu bạc. Duy một truyện ngắn của ông, *RAIN* (Mưa) được mang lên sân khấu mười lần, mang lên màn ảnh tám lần, đã đem đến cho ông không biết bao nhiêu tác quyền. Bốn trong số những vở kịch do ông viết được trình diễn cùng một lượt ở Luân-đôn. Thật là danh giá. Ông thành người mà ông mơ tưởng : một *dandy* được các mệnh phụ tranh nhau mời tới chơi. Một cuộc trả thù ! Nhưng

ông đã bán linh hồn của ông cho quỷ. Và ông phải trả giá. Ông sẽ không bao giờ là một Dickens hay một Kipling. Nhưng sao ! Ông hay gặp các nữ quân công. Ông đánh gôn với Winston Churchill. Ông đi du lịch. Ông có căn nhà hết sức là lịch sự Ông cưới Syrie Wellcome, một trong số những người đẹp kỳ quái nhất của xã hội thượng lưu Anh. Những bức họa ông sưu tầm rất nổi tiếng. Và trong biệt thự của ông ở Cap Ferrat, ông chơi với người láng giềng là Huân-tước Beaverbrook, tay cự phiệt của báo chí Anh, có một xe Rolls Royce dài nhất.

Ông thì thầm :

— Thật là khó khăn.

Tối đó, biệt thự xây theo kiến trúc maures trống rỗng. Còn lại chỉ có Allan Searle viên thư ký, và Henry người hầu phòng, lang thang trong những phòng khách vắng vẻ trên tường không còn những bức họa.

Chính tại nơi đây mà "con người của trùng dương miền Nam" đã viết — một cách lạnh lùng, khô hải, cay đắng, bồn chồn — những truyện, mà đối với các độc giả của ông vào thời đó là một cách du lịch duy nhất. Nhưng không một tác phẩm nào của ông mà công chúng mê say lại làm ông hài lòng (ngoại trừ những tác phẩm đầu tiên). Ông nói :

— Tôi là một nhà văn tài ba... thuộc hạng thứ.

Mỗi chiều, một mình, ông mơ nghĩ đến cuộc đời lờ lờ của ông

Tại nơi đây, trong căn nhà lịch sự bỏ phở này, mà mỗi chiều, cũng như các nhân vật của ông lạc lõng trong rừng già của xứ Mã-lai, ông ăn cơm tối một mình, mặc smoking, giờ tờ Times ra, châm điếu xì-gà và mơ nghĩ đến cuộc đời lờ lờ của ông. Và sáng hôm sau, đeo đôi găng tay bằng da và bằng sắt mà ông đã đặt riêng để viết, mặc dầu "sự vộp bẻ của nhà văn" ông lại bắt đầu làm việc. Lần nào ông cũng thử tả lại tác phẩm

của cuộc đời ông. Và lần nào ông cũng bỏ dở. Mỗi bận tâm làm hài lòng khách hàng của huân tước Beaverbrook, các khán giả ở Picadilly Circus, ở Boulevard, ở Ginza lại xô đẩy ông vào địa ngục của ông.

Chính trên cái bàn này mà ông đã viết bản chúc thư dữ tợn, cuốn « Looking Back », trong đó ông tiết lộ những nỗi khốn khó, những tai tiếng trong đời ông : hôn nhân, sự ly dị, ngày con gái ông, Lady Hope, ra đời và vụ kiện giữa ông và con gái khi ông cố tìm cách từ con và nhận Allan Searle, thư ký của ông, làm con nuôi.

— Allan là người duy nhất thương tôi, là người bằng lòng chia xẻ mỗi cô đơn của tôi.

Cô đơn. Đó là câu cuối cùng ông viết. Sự thú nhận của cuộc phiêu lưu huyền hoặc không thành, những cuộc du lịch của ông là cuộc chạy trốn không bao giờ hết, cuộc đời của ông là sự phá sản đồ sộ. Nhưng đêm đó, trong khi tất cả các tác phẩm của ông được trưng bày trong các tủ kính của các hiệu sách ở Luân-đôn, Ba-Lê, Nữu-ước, Đông-kinh thì « con người của đầu thế giới » lê loi chết trong bệnh viện ở Nice, và mãi tới lúc đó, ông mới được biết cái danh vọng này, cái bình thân này mà ông đã khao khát biết bao nhiêu.

GEORGES REYER

NHÃ-ĐIỀN dịch

Cung chúc tân xuân

nhà sách LAM-SƠN

đại lý báo VĂN và sách GIAO-ĐIỀN

số 144, đại lộ Độc-Lập

ĐÀ-NẴNG

● đọc văn Somerset Maugham ●

những quan niệm của một người viết truyện (tiểu - luận)

Cách đây 6 năm, 1959, khi được 85 tuổi, Somerset Maugham cho xuất bản tác phẩm cuối cùng của đời ông : « *Points of View* » (Quan-điểm). Bài dưới đây, « *Credo of a Storyteller* », là một trong nhiều tiểu luận hợp thành tác phẩm được nhắc nhở và trích dẫn nhiều nhất của Somerset Maugham...

Bản tính của con người ta là hay kể chuyện, và tôi cho rằng truyện ngắn đã được tạo nên từ lâu, khi đề mua vui cho những người đồng loại trong những giờ phút rỗi rãi và sau khi ăn uống no nê, người săn bắn bèn kể những truyện y đã nghe được, bên cạnh đồng lửa đốt trong hang đá. Nhưng tôi cũng cho rằng chỉ mãi đến thế kỷ thứ 19, truyện ngắn mới có giá trị, khiến nó trở nên một đặc điểm quan trọng trong các tác phẩm văn chương. Dĩ nhiên là truyện ngắn đã được viết từ lâu, và được nhiều người đọc, chẳng hạn những truyện đượm màu tôn giáo của Hi-lạp, những bài tường thuật có mục đích khuyến thiện thời Trung-cổ, những truyện bất hủ của Ngàn-lê-một-đêm. Suốt thời Phục-hưng, ở Ý-đại-lợi và Tây-ban-nha, ở Pháp và ở Anh, loại truyện ngắn rất thịnh hành.

(*) Bản dịch của tập san HƯƠNG XA, số 35. Các chú thích của tòa-soạn VĂN.

Những truyện "The Decameron" của Boccaccio (1) và những tiểu thuyết của Cervantès (2) là những truyện ngắn bất hủ.

Song khi tiểu thuyết càng ngày càng được nổi tiếng thì sự thịnh hành trên giảm dần đi. Các nhà xuất bản không còn chịu mua đắt giá những tập truyện ngắn nữa, và các tác giả cũng ít chú trọng đến những truyện có hình thức tường tượng không đem lại cho họ tiền tài hay danh vọng. Thỉnh thoảng, khi nghĩ ra được một đề tài mà các tác giả không thể viết dài dòng được thì họ viết thành truyện ngắn và họ cũng không biết dùng truyện ngắn ấy làm gì. Và cứ như thế, và vì không muốn bỏ phí truyện ngắn đó, họ bèn ghép nó một cách vụng về vào các tiểu thuyết.

Tuy nhiên, vào đầu thế kỷ thứ 19, một hình thức xuất bản mới được tung ra cho độc giả, và hình thức này càng ngày càng được nổi tiếng. Đó là những niên giám. Nó phát sinh có lẽ từ nước Đức, và gồm có những bài vừa văn xuôi, vừa văn vần, và tại Đức, nó cung cấp cho các độc giả khá nhiều bài vở vì lẽ người ta nói rằng những truyện "Maid of Orleans" của Schiller (3) và "Hermann and Dorothea" của Goethe (4) lần đầu tiên đã xuất hiện trong các

(1) Decamerone hoặc Decameron, 1350-55, tác phẩm lớn của Giovanni Boccaccio, thi sĩ, người viết truyện, nhà nhân bản của Ý-đại-lợi. Sinh năm 1313 tại Paris, chết ngày 21-12-1375 tại Certaldo, Ý-đại-lợi.

(2) Miguel de Cervantès Saavédra, sinh tại Alcalá Hénarès khoảng đầu tháng 10-1547, chết tại Madrid ngày 23-4-1616. Ông là nhà văn lớn của Tây-ban-nha, tác giả bộ tiểu thuyết bất hủ DON QUICHOTTE.

(3) MAID OF ORLEANS, xuất bản năm 1802, tác phẩm của Johann Christoph Friedrich von SCHILLER, thi sĩ và kịch tác gia lớn của Đức-quốc. Sinh tại Marbach, Wurtemberg, 10-11-1759, chết tại Weimar, 9-5-1805.

(4) HERMAN AND DOROTHA, xuất bản năm 1797, tác phẩm của Johann Wolfgang GOETHE, nhà văn, nhà tư tưởng lớn của Đức-quốc. Sinh tại Francfort-sur-le-Main, 28-8-1749, chết tại Weimar, 22-3-1832.

tập san xuất bản dưới hình thức ấy ! Song khi sự thành công của các tập san này đã khiến các nhà xuất bản Anh này ra ý kiến bất chước thì các nhà xuất bản ấy lại chỉ chú trọng đến những truyện ngắn khả dĩ thu hút được nhiều độc giả khiến công việc làm ăn của họ sinh lợi.

Đến đây thì thiết tưởng cũng nên nói đề độc giả biết qua về sự các tạp truyện ngắn mà theo chỗ tôi biết, các nhà phê bình — mà bản phần là hướng dẫn và giáo dục độc giả — lại sao chẳng không chịu chỉ bảo cho độc giả. Người viết văn nào cũng có trong tâm tâm ý muốn sáng tạo, song ngoài việc muốn cống hiến cho độc giả công trình sáng tác của mình, họ cũng còn một ý muốn khác là kiếm sống, tuy ý muốn vô hại này không liên quan gì đến độc giả cả. Nói chung thì họ thấy rằng có thể hướng dẫn những khả năng sáng tạo của họ vào những con đường khả dĩ giúp họ thỏa mãn những mục đích khiêm nhường trên.

Dù có làm phiền nộ những độc giả nào cho rằng khi viết văn nhà văn không nên đề những vấn đề vật chất ảnh hưởng đến mình, tôi phải nói thêm rằng nhà văn tất nhiên là phải tự cảm thấy bắt buộc phải viết những thứ mà độc giả cần đến. Điều này không có gì lạ cả, vì họ không những chỉ là những nhà văn, họ cũng còn là độc giả và là thành phần của một cộng đồng chịu ảnh hưởng của dư luận đương đại thời. Khi kịch thơ có thể đem lại cho tác giả danh vọng và tiền tài, thì dĩ nhiên khó có thể tìm được một người có khuynh hướng văn chương mà lại không có trong các bản thảo của mình một vở bi kịch năm hồi. Theo tôi thì hiện nay rất ít người viết kịch thơ. Các nhà văn chỉ viết kịch bằng văn xuôi, viết tiểu thuyết và truyện ngắn.

Vấn đề xuất bản, vấn đề đòi hỏi của nhà xuất bản — nghĩa là ý niệm của họ về những đòi hỏi của độc giả — ảnh hưởng lớn đến loại tác phẩm đã được sản xuất trong một thời kỳ riêng biệt nào đó. Chẳng hạn khi các tạp chí xuất bản nhiều và có nhiều chỗ để đăng những truyện dài thì nhà văn viết những truyện dài. Mặt khác, khi báo chí đăng những truyện tưởng tượng, song lại chỉ dành rất ít chỗ để đăng những truyện ấy thì nhà văn cung cấp những truyện chỉ đủ dài để đăng vào những chỗ ấy ! Điều này không có gì là tui

nhục cả. Một tác giả có tài có thể viết một truyện chừng một ngàn rưỡi chữ một cách dễ dàng cũng như khi ông viết một truyện dài hàng mười ngàn chữ. Song ông chọn một cốt chuyện khác, hoặc viết truyện ấy theo một thể thức khác.

Guy de Maupassant (5) đã viết cuốn "l'Héritage", một cuốn truyện nổi tiếng nhất của ông, hai lần, một lần truyện dài chừng vài trăm chữ cho một tờ báo, và một lần, truyện dài chừng vài ngàn chữ cho một tạp chí. Cả hai truyện này đều được đăng trong tập tuyển của ông, và tôi cho rằng những ai đã đọc cả hai bài cùng một cốt chuyện ấy, đều nhìn nhận rằng trong bài thứ nhất, không có một chữ nào thiếu, và trong bài thứ hai, không có một chữ nào thừa. Điểm mà tôi muốn nhấn mạnh ở đây là tính chất của bài văn mà nhà văn cố gắng hiển cho độc giả là một trong những quy ước mà nhà văn đó phải chấp nhận, và ông ta thấy rằng ông có thể làm được như thế mà không chống lại những khuynh hướng riêng của mình.

Đến đầu thế kỷ thứ 19, những tập niên giám và văn phẩm đã giúp cho các nhà văn có phương tiện tự giới thiệu mình với công chúng qua các truyện ngắn có một mục đích tốt đẹp hơn, chứ không phải dùng để ghép vào những truyện dài đã được viết nhiều hơn trước kia. Những tập niên giám hay những loại sách dành cho phụ nữ bị công kích nhiều, song những tạp chí xuất hiện tiếp theo những loại trên lại bị công kích nhiều hơn. Song không ai có thể phủ nhận rằng sự phong phú về truyện ngắn suốt thế kỷ thứ 19 là nhờ phần lớn ở các tập san.

Ở Hoa-kỳ, loại truyện ngắn đã gây nên một văn phái rất nổi tiếng, sản xuất rất nhiều, khiến một vài người, không biết gì đến lịch sử văn chương, đã cao rao rằng loại truyện ngắn là do Hoa-kỳ phát sinh. Dĩ nhiên, điều này không đúng. Song mọi người nhìn nhận rằng loại truyện ấy đã được viết rất nhiều ở Hoa-kỳ hơn bất cứ nước nào khác ở Âu-châu, và cũng ở Hoa-kỳ, phương pháp, kỹ thuật, và khả năng viết truyện ngắn cũng được nghiên cứu tỉ mỉ hơn.

(5) Xem VĂN số 12, ra ngày 15-6-1964.

Đến đây tôi thấy cần phải nói trước với độc giả là một tác giả, khi bàn về một nghệ thuật mà ông theo đuổi, đều có thiên kiến. Dĩ nhiên là ông ta chú trọng đến loại truyện mà ông thường viết hơn. Ông viết tùy theo khả năng, tùy theo ý muốn, vì lẽ ông cũng là một người. Ông có những yếu tố riêng, những tâm tính riêng cho nên ông nhìn sự vật theo một lối riêng và lồng sự nhận xét ấy vào một hình thức mà vạn vật buộc ông phải theo. Ông cần phải có một tinh thần đặc biệt mạnh dạn để có thiên cảm với những tác phẩm đã mâu thuẫn với những tác phẩm trước. Ta cần phải đề phòng khi ta đọc những lời phê bình của một tiểu thuyết gia về những tiểu thuyết của các người khác. Tiểu thuyết gia đó có thể cho rằng các tác phẩm của những người khác là hay, vì ông ta cũng muốn tiến đến mức đó, song cũng có thể cho là những tác phẩm ấy ít giá trị về phẩm vì ông không đạt được mức đó.

Một trong những cuốn sách hay nhất mà tôi được đọc về tiểu thuyết đã do một nhà văn đáng khen viết. Nhà văn này lại suốt đời không thể sáng tác được một cốt chuyện nghe được. Tôi không ngạc nhiên khi thấy rằng ông ta không có vẻ phục những tiểu thuyết gia có tài viết lại những truyện xảy ra như thực. Tôi không chê trách ông ta về điều này. Sự khoan dung là một đức tính tốt của con người. Nếu ai cũng biết khoan dung cả thì cái thế giới ngày nay đã trở nên một nơi đáng sống lắm. Song tôi cho rằng sự khoan dung là một điều không tốt đối với nhà văn, vì lẽ một nhà văn dở liệu cống hiến được gì cho độc giả, ngoài con người của ông ta? Tất nhiên nhà văn phải có một sự nhận xét sâu rộng, vì lẽ cuộc sống rộng lớn là phạm vi hoạt động của ông. Song ông chỉ có thể nhìn cuộc sống qua đôi mắt của ông, ông hiểu cuộc sống qua thể xác và tâm hồn ông. Sự hiểu biết này lệch lạc, song nó có tính cách riêng biệt, vì lẽ ông ta là ông ta, chứ không phải là người nào khác. Thái độ của ông ta có tính cách cố định và đặc sắc. Nếu ông ta thực sự cho rằng không có một quan điểm nào khác lại có giá trị như quan điểm riêng của ông, ông ta sẽ bám chặt lấy quan điểm này và mạnh dạn trình bày quan điểm ấy!

Ta cần nhớ rằng con người ta đều phải biết mỗi vấn đề đều có hai mặt. Song nhà văn đứng trước nghệ thuật mà mình theo đuổi

(và quan niệm của ông ta nằm gọn trong nghệ thuật cuộc sống của ông) chỉ có thể đạt được quan điểm này bằng một sự cố gắng suy luận của mình. Và trong bụng ông, ông thấy rằng ông phải trăm phần trăm, còn người khác thì sai cả. Sự vô lý sẽ gây hại rất nhiều, nếu chỉ có một số ít nhà văn, hoặc nếu ảnh hưởng của một người đã quá lớn khiến bao người khác phải nghe theo. Song may thay hiện nay lại có đến hàng ngàn nhà văn. Mỗi nhà văn đều có một vài điều đề cống hiến độc giả, và với tất cả những cống hiến đó, độc giả có thể lựa chọn, tùy theo khuynh hướng riêng của mình những gì thích hợp với mình.

Tôi đã nói lên điều này đề vấn đề được sáng tỏ hơn. Tôi ưa thích nhất loại truyện nào mà tôi có thể tự tay viết. Đây là loại truyện mà bao người khác đã viết rất hay song không ai viết hay bằng Maupassant cả. Vậy để trình bày tính chất của loại truyện này của Maupassant, tôi thiết tưởng chỉ cần đem ra thảo luận truyện « The Necklace » (6) một truyện nổi tiếng nhất của ông. Một điều mà bạn sẽ nhận thấy là bạn có thể đem truyện ấy ra kể trong khi ăn, hoặc trong phòng hút thuốc trên chiếc tàu, và những người ngồi nghe bạn kể sẽ phải chăm chú nghe. Chuyện ấy nói đến một sự ngẫu nhiên lạ kỳ, song không phải không có thể có thực. Cốt chuyện được mô tả một cách ngắn ngủi, nhưng đầy đủ, sáng sủa. Và những nhân vật trong truyện, cuộc sống của họ cùng sự hư hỏng của họ cũng được trình bày với những chi tiết chính yếu đầy đủ để bạn hiểu rõ những trường hợp câu chuyện xảy ra. Tất cả những điều gì bạn cần biết về những nhân vật đều có nêu rõ.

Trong trường hợp có độc giả nào không nhớ câu chuyện trên tôi xin kể sơ qua cho độc giả ấy rõ. Mathilde là vợ của một thầy ký giúp việc tại Bộ Giáo-dục. Ông bộ trưởng mời cả hai đến dự một buổi tiếp tân, và vì không có đồ trang sức để đeo, người vợ bèn đi mượn một cái vòng kim cương của một người

(6) Đây là truyện La Parure. Ô. Ô. Nguyễn Hiến-Lê và Giản-Chi đã dịch, nhan Chiec Dây Chuyền, trong Những Truyện Thương Tâm, Tủ Sách T.N.C.H., Sài-gòn, 1963.

bạn giàu cùng học với mình trước kia. Nàng đánh mất cái vòng đó. Vì cần phải mua cái khác thế vào, hai vợ chồng thầy ký bèn đi vay nặng lãi ba-mươi-sáu ngàn quan để mua một cái vòng giống y hệt cái vòng đánh mất. Và để trả món nợ này, họ phải chịu sống túng thiếu và sau mười năm sống thiếu thốn, họ trả xong món nợ. Mathilde bèn kể cho người bạn nghe câu chuyện xảy ra trước kia. Người bạn nói « Khổ cho chị Mathilde quá ! Cái vòng của tôi là cái vòng giả. Nó chỉ đáng giá quá lắm là năm trăm quan. »

Một nhà phê bình khó tính có thể phản đối là đứng trên quan điểm riêng của nó, truyện « The Necklace » không phải là một truyện hoàn hảo, vì loại truyện-kể này phải có đoạn mở đầu, đoạn giữa và đoạn kết cấu. Và khi đã xem hết đoạn kết cấu thì câu chuyện đã được kể hết, tác giả phải làm sao cho độc giả không còn muốn hay còn cần phải đặt thêm câu hỏi gì khác. Các ô chữ đã được ghi đầy. Song trong trường hợp này, Maupassant tự thỏa mãn với cái kết cấu có vẻ mỉa mai và công hiệu. Người đọc có thể tự hỏi : « Thế rồi câu chuyện ra sao ? » Đáng rằng, cặp vợ chồng thầy ký nợ đã phí mất tuổi trẻ, đã thiệt mất bao thú vui mà đáng lẽ họ được hưởng trong những năm khốn khổ, khi họ phải dành tiền để trả món nợ vay để mua cái vòng thay thế cái vòng đã đánh mất. Song khi họ đã nhận ra là lầm lẫn và khi họ lấy lại được cái vòng họ đã mua, họ sẽ phải cảm thấy họ là sở hữu chủ một số vốn nhỏ. Nếu sự hi sinh trước kia đã đem lại cho họ cuộc sống khô khan thì nay họ sẽ cảm thấy hân hoan bù lại. Hơn nữa, nếu người vợ của thầy ký lại biết đi tìm ngay người bạn và nói cho người bạn hay việc mình đánh mất cái vòng — Maupassant đã không nêu ra một lí lẽ nào để cho độc giả biết tại sao người vợ thầy ký không đến tìm bà bạn — thì câu chuyện đó lại không có.

Cái khéo của Maupassant là đã làm một số người đã bị câu chuyện hấp dẫn quá đến nỗi đã nghi tới những lời phản đối trên. Những tác giả như Maupassant không chịu sao-chép những sự việc xảy ra trong cuộc sống. Ông xếp đặt những sự việc ấy để độc giả thêm phần chăm chú, hứng khởi và ngạc nhiên. Mục đích của

ông không phải là mô phỏng cuộc sống mà là làm cho cuộc sống thêm linh động. Ông đã hi sinh sự thích đáng để chỉ chú trọng đến tác dụng và cái khó là liệu ông có thành công trong việc ấy không? Nếu ông đã xếp đặt các sự kiện ngẫu nhiên mà ông mô tả cùng những nhân vật liên quan đến các sự kiện đó để độc giả ý thức được sự mãnh liệt của các nhân vật này thì ông đã thất bại. Song việc mà ông thỉnh thoảng thất bại không phải là lý do để chống lại phương pháp của ông.

Có những thời kỳ mà các độc giả đòi hỏi những sự kiện của đời sống phải giống y hệt những sự kiện mà họ đã biết rõ. Đó là thời kỳ mà môn phái hiện thực thịnh hành. Cũng có những thời kỳ khác, độc giả không quan tâm đến điểm đó mà chỉ ao ước những sự kiện lạ lùng, khác thường, kỳ diệu. Và càng được xem nhiều những sự kiện ấy thì độc giả lại càng không chịu tin. Sự cái nhiên không phải là một thực thể có thể giải quyết ngay một lúc, vì lẽ nó thay đổi cùng thời gian, và các độc giả cũng dễ công nhận nó. Sự thực thì trong những truyện tưởng tượng, một vài sự kiện không chắc có thực lại vẫn được nhìn nhận mà không hồ nghi gì vì lẽ những sự kiện rất thường và rất cần để tác giả có thể tiếp tục nốt câu chuyện.

Không có một người nào đã nói một cách chính xác về những tiêu chuẩn của loại truyện mà tôi đang bàn luận đây bằng Edgar Allen Poe (7). Một nghệ sĩ khéo léo đã xây dựng một cốt chuyện. Nếu khôn ngoan, ông ta đã không uốn nắn những tư tưởng của mình để ăn khớp với những ngẫu nhiên, song nếu ông ta chủ tâm muốn nêu ra một tác dụng nào đó, ông ta sẽ tạo ra những ngẫu nhiên đó, rồi ông dự liệu những tác dụng nào hữu ích nhất cho ông để gây nên tác dụng đã nghĩ đến trước kia. Nếu ngay câu mở đầu không làm nổi bật tác dụng này thì là ông đã thất bại ngay từ bước đầu. Trong toàn thể câu chuyện, không nên viết một chữ nào mà lại không ăn khớp với chủ định đã định trước. Và với những phương tiện ấy,

(7) Edgar Allen POE, văn sĩ Hoa-kỳ, sanh tại Boston, 19-1-1809, chết tại Baltimore, 7-10-1849. Ông là một nhà văn lớn, tác giả nhiều truyện và thơ bất hủ như : *Histoires extraordinaires*, *Annabal Lee*, *The Raven* v.v...

với sự thận trọng và khôn khéo, dần dần câu chuyện đã thành hình để lại cho người đọc một cảm giác thỏa mãn hoàn toàn. Nội dung mà câu chuyện đã trình bày một cách trôi chảy và không bị phá ngang³.

Ta có thể dễ dàng vạch rõ lời định nghĩa của Poe về một truyện ngắn hay : Đó là một câu truyện tưởng tượng, liên quan đến sự kiện ngẫu nhiên duy nhất, có tính cách vật chất hay tinh thần, mà người ta có thể ngồi mà đọc được. Câu chuyện đó phải đặc sắc, phải sáng sủa, phải kích thích hoặc in sâu vào trí óc người đọc. Và nó phải có một tác dụng duy nhất, hay gây một ấn tượng duy nhất. Mỗi dòng chữ từ đầu cho đến cuối truyện phải linh động. Muốn viết một truyện theo những nguyên tắc mà Poe đã đề ra không phải là một việc dễ như nhiều người thường tưởng, vì nó đòi hỏi người viết phải thông minh, không phải là thông minh tốt bụng, nhưng mà là một sự thông minh đặc biệt. Nó cũng đòi hỏi ý niệm về hình thức, và nhiều khả năng sáng tạo. Ở Anh-quốc, không ai viết truyện theo nguyên tắc này hay hơn Rudyard Kipling (8).

Mặc dầu Rudyard Kipling, ngay từ khi mới viết văn, đã được công chúng ngưỡng mộ, song luồng dư luận luôn có vẻ quá tự hạ trong sự ca tụng ông. Một vài đặc tính trong lối hành văn của ông đã làm cho độc giả khó tính phải khó chịu. Ông được đồng nhất với một chủ nghĩa đế quốc bị nhiều người phản đối, và chủ nghĩa ấy nay là nguồn gốc của sự hạ mình. Ông là người kể truyện kỳ diệu, đặc sắc, luôn luôn biến đổi. Cũng như bao nhà văn khác, ông cũng có những lỗi lầm riêng của ông. Theo tôi thì những lỗi lầm này bắt nguồn từ hoàn cảnh và từ nền giáo dục của ông, từ những tính nết và từ thời đại trong đó ông sống. Ảnh hưởng của ông đối với các nhà văn khác rất lớn, song có lẽ ảnh hưởng ấy lớn hơn hết đối với những người đã sống theo một trong những lối sống ông mô tả trong sách. Khi ta đi viếng thăm Á-đông, điều đáng ngạc nhiên là ta

(8) Rudyard Kipling, nhà văn lớn của Anh-cát-lợi. Sinh tại Bombay, Ấn-độ, 30-12-1865, chết tại London, 18-1-1936. Giải thưởng Nobel về Văn-chương (1907), huy chương vàng của Royal Society of Literature. Tác giả nhiều truyện bất hủ như The Jungle Books, Kim v.v...

với sự thận trọng và khôn khéo, dần dần câu chuyện đã thành hình để lại cho người đọc một cảm giác thỏa mãn hoàn toàn. Nội dung mà câu chuyện đã trình bày một cách trôi chảy và không bị phá ngang¹.

Ta có thể dễ dàng vạch rõ lời định nghĩa của Poe về một truyện ngắn hay : Đó là một câu truyện tưởng tượng, liên quan đến sự kiện ngẫu nhiên duy nhất, có tính cách vật chất hay tinh thần, mà người ta có thể ngồi mà đọc được. Câu chuyện đó phải đặc sắc, phải sáng sủa, phải kích thích hoặc in sâu vào trí óc người đọc. Và nó phải có một tác dụng duy nhất, hay gây một ấn tượng duy nhất. Mỗi dòng chữ từ đầu cho đến cuối truyện phải linh động. Muốn viết một truyện theo những nguyên tắc mà Poe đã đề ra không phải là một việc dễ như nhiều người thường tưởng, vì nó đòi hỏi người viết phải thông minh, không phải là thông minh tốt bụng, nhưng mà là một sự thông minh đặc biệt. Nó cũng đòi hỏi ý niệm về hình thức, và nhiều khả năng sáng tạo. Ở Anh-quốc, không ai viết truyện theo nguyên tắc này hay hơn Rudyard Kipling (8).

Mặc dầu Rudyard Kipling, ngay từ khi mới viết văn, đã được công chúng ngưỡng mộ, song luồng dư luận luôn có vẻ quá tự hạ trong sự ca tụng ông. Một vài đặc tính trong lối hành văn của ông đã làm cho độc giả khó tính phải khó chịu. Ông được đồng nhất với một chủ nghĩa đế quốc bị nhiều người phản đối, và chủ nghĩa ấy nay là nguồn gốc của sự hạ mình. Ông là người kể truyện kỳ diệu, đặc sắc, luôn luôn biến đổi. Cũng như bao nhà văn khác, ông cũng có những lối lầm riêng của ông. Theo tôi thì những lối lầm này bắt nguồn từ hoàn cảnh và từ nền giáo dục của ông, từ những tính nết và từ thời đại trong đó ông sống. Ảnh hưởng của ông đối với các nhà văn khác rất lớn, song có lẽ ảnh hưởng ấy lớn hơn hết đối với những người đã sống theo một trong những lối sống ông mô tả trong sách. Khi ta đi viếng thăm Á-đông, điều đáng ngạc nhiên là ta

(8) Rudyard Kipling, nhà văn lớn của Anh-cát-lợi. Sinh tại Bombay, Ấn-độ, 30-12-1865, chết tại London, 18-1-1936. Giải thưởng Nobel về Văn-chương (1907), huy chương vàng của Royal Society of Literature. Tác giả nhiều truyện bất hủ như The Jungle Books, Kim v.v...

phần nộ. Các độc giả ấy chán ghét những truyện viết theo một thể thức mà họ đã biết rõ. Họ phản đối là trong cuộc sống thực tế, các sự kiện không thể xảy ra một cách gọn ghẽ được. Cuộc sống thực tế thường gồm nhiều truyện bất thường ; xếp đặt những truyện bất thường đó thành một mẫu mực tức là nguy tạo. Độc giả đòi hỏi một hình thức hiện thực hơn.

Mô phỏng cuộc sống không phải là công việc của một nghệ sĩ. Nếu bạn xem những bức họa và những điêu khắc phẩm của thời trước, bạn sẽ ngạc nhiên thấy rằng các nghệ sĩ nổi tiếng đã ít quan tâm đến việc làm sao cho tác phẩm của họ giống hệt với những cái mà họ đã trông thấy. Người ta thường cho rằng những hình thức méo mó mà các nghệ sĩ đã uốn nắn các nguyên liệu để tạo nên, nhất là của các nghệ sĩ phái lập thể, là một phát minh của chính thời đại chúng ta đang sống. Điều đó không phải thế. Người ta chỉ nghĩ như thế, vì lẽ họ đã quen với những hình thù méo mó trong những tác phẩm trước kia nên họ nhìn nhận những méo mó đó như biểu thị chính xác của sự vật. Ngay từ khởi thủy của nền hội họa Tây-phương, các nghệ sĩ đã phải hi sinh sự giống nhau để tạo nên những tác dụng mà họ muốn ! Đối với các truyện tưởng tượng, không có gì khác cả.

Chẳng phải tìm đâu xa, ta hãy xét ngay đến Poe chẳng hạn. Không ai tin rằng ông đã cho là con người ta đã nói theo cách thức mà các nhân vật trong truyện của ông đã nói. Nếu ông ghép cho các nhân vật của ông những lời đối thoại mà chúng ta coi như không thể có thực, thì đó là vì lời đối thoại ấy thích hợp với loại truyện mà ông kể và sẽ giúp ông đạt được mục đích thẩm kin của ông. Nghệ sĩ chỉ tả chân, khi nào ông ta thấy rằng ông ta đã đi quá xa với cuộc sống, và cản trở lại sự thực hơn, nên sau đó, ông ta bèn mô phỏng cuộc sống, càng đúng càng hay. Sự mô phỏng không phải là một cứu cánh mà có lẽ là một quy phạm hữu ích.

Trong loại truyện ngắn, thuyết tả chân ở thế kỷ thứ 19 đã thành một thời trang để chống lại thuyết lãng mạn mà mọi người đã chán ngán. Các nhà văn đã liên tiếp cố gắng hình dung cuộc sống một cách xác thực. Các nhà văn trong phái này nhìn cuộc sống

với đôi mắt không đến nỗi quá thiên lệch như những nhà văn của thế hệ trước. Họ không quá đường mật, cũng không quá lạc quan. Họ mãnh liệt hơn, trực tiếp hơn, những lời đối thoại cũng tự nhiên hơn. Và họ chọn những nhân vật của họ trong một thế giới mà từ thời Defoe đến nay, các nhà văn viết truyện tưởng tượng đã sao nhãng. Tuy nhiên, họ không canh tân mỹ thuật. Đối với những yếu tố chính yếu của truyện ngắn, họ vẫn giữ những khuôn mẫu cũ. Tác dụng mà họ theo đuổi vẫn là tác dụng mà Edgar Allan Poe trước kia đã theo đuổi. Họ dùng những định thức mà Poe đã đặt ra. Nếu họ nổi tiếng tức là định thức có giá trị, nếu không thì là định thức còn sơ suất.

Tuy nhiên có một nước trong đó định thức nói trên không thịnh hành mấy. Ở Nga-sô, người ta đã viết những truyện khác hẳn cho hàng hai ba thế hệ đọc. Và khi sự kiện đó đã tự nó buộc cả độc giả lẫn tác giả phải chú tâm đến việc là loại truyện được đọc giả từ lâu ngưỡng mộ lại phát triển một cách quá máy móc thì người ta thấy rằng ở nước Nga có một lớp nhà văn đã canh tân loại truyện ngắn. Một điều lạ là phải đợi một thời gian khá lâu, loại truyện này mới lan tràn được sang thế giới Tây-phương.

Năm 1904, khi Chekhov (9) mất, ông được người Nga coi như một nhà văn tiên phong của thế hệ ông. Cuốn Encyclopaedia Britannica (10) xuất bản lần thứ II vào năm 1911, không đã động gì mấy đến Chekhov cả, ngoài mấy chữ « Nhưng Anton Chekhov đã chứng tỏ sức mạnh phi thường trong các truyện ngắn của ông ». Lời khen này thực quá lạnh nhạt. Phải đợi đến khi bà Garnett cho xuất bản 13 cuốn sách nhỏ trong đó có đăng một số truyện ngắn chọn lọc của Chekhov, các độc giả người Anh mới chú ý đến Chekhov.

 Vì thế mà cách cấu tạo và

(9) Anton Chekhov, nhà văn lớn người Nga, sẽ được VĂN giới thiệu trong một số ra ngày gần đây.

(10) Bách khoa Từ điển chữ Anh.

sự phê phán truyện ngắn đã thay đổi phần nào. Các độc giả biết phê bình lãnh đạm bỏ qua những truyện được coi như « rất tuyệt » về phương diện kỹ thuật và các nhà văn còn sản xuất những loại truyện đó để mua vui cho quảng đại quần chúng không được đếm xỉa mấy.

Từ 1880 đến 1885, Chekhov viết hàng ba trăm truyện ngắn được coi như rất « pot-boiler » (11) Theo cuốn Tự-điển Oxford thì danh từ « pot-boiler » thường đem áp dụng cho các tác phẩm văn chương hay nghệ thuật nào được sáng tác với mục đích kiếm ăn. Danh từ này kể cũng nên xóa bỏ đi trong ngữ vựng của các ký giả chuyên về văn học. Tôi phải nói rằng một tác giả trẻ tuổi, khi cảm thấy mình cần phải viết (và làm sao tác giả ấy lại cảm thấy như thế thì đó là một việc rất khó hiểu cũng như làm sao hiểu được nguồn gốc của nam tính hay nữ tính) có thể cho rằng sự viết lách đó sẽ đem lại cho mình danh tiếng, và chắc ông ta ít khi nghĩ rằng công việc viết lách đó có thể đem lại cho mình tiền tài. Về điểm này, tác giả trẻ tuổi đó đã suy nghĩ đúng lối, vì trong những bước đầu của ông ta, ông ta cần phải có thái độ ấy. Song khi tác giả quyết định trở thành một nhà văn chuyên nghiệp với mục đích sống về nghề văn thì ông ta không thể lãnh đạm với tiền bạc mà tài năng riêng của mình giúp mình kiếm ra. Lý do khiến ông ta viết không phải là việc mà độc giả quan tâm.

Phần lớn những truyện đầu tay của Chekhov đều có tính cách hài hước. Ông viết những truyện ấy rất dễ dàng. Theo lời ông nói thì ông viết cũng như chim hót và ông không chú trọng đến những truyện đã viết. Phải đợi đến sau khi ông đến viếng St. Petersburg lần đầu tiên, ông mới thấy rằng ông được nhìn nhận là một tác giả có tài và đầy hứa hẹn, ông mới chịu nhìn nhận vai trò của mình là quan trọng. Ông bèn cố gắng tự luyện. Một hôm, một người bạn ông thấy ông đang ngồi sao chép một truyện của Tolstoi (12) ;

(11) T.P.G. đã dịch từ này là « làm-đầy-nồi-gao ».

(12) Lev Nikolaévitch TOLSTOÏ, nhà văn lớn bậc nhất của Nga, sinh tại Iasnaïa-Poliana 28-8-1828, chết tại Astapovo 7-11-1910, tác giả Chiến-tranh và Hòa-bình, Anna Karénine v.v...

khi người bạn ấy hỏi Chekhov đang làm gì đó, ông trả lời « Tôi đang viết lại truyện này. »

Người bạn lấy làm bất bình vì sự khinh khi của Chekhov đối với tác phẩm của Tostoï. Ông bèn giải thích là ông đang dựa vào tác phẩm ấy để tập viết truyện. Theo ông thì làm như thế, ông có thể học được phương pháp viết văn của các nhà văn mà ông khâm phục và sau đó, tạo nên một phương pháp viết văn riêng của mình. Dĩ nhiên, sự cố gắng này của ông không đến nỗi uổng phí. Ông học hỏi cách cấu tạo các truyện của ông một cách hết sức khéo léo. Chẳng hạn cuốn « The Peasants » được xây dựng một cách tao nhã như cuốn « Madame Bovary » của Flaubert. (13) Chekhov tự luyện để viết cho giản dị, rõ rệt, và gọn gàng, và bút pháp của ông rất hay. Điều sau này, chúng ta là những người chỉ được đọc những truyện dịch của ông nên chúng ta không biết chắc được, vì ngay trong những bản dịch đúng nhất, những hương vị, cảm giác và âm điệu của những chữ dùng đã mất đi.

Chekhov rất chú tâm đến kỹ thuật viết truyện ngắn. Theo ông thì trong truyện ngắn không nên có một cái gì thừa cả. Ông viết : « Những cái gì không có liên quan đến cốt chuyện cần phải bỏ đi. Nếu trong chương nhất, bạn nói súng treo ở trên tường thì trong chương hai hay chương ba, bắt buộc phải đem súng đó ra bắn. » Thực là khá chính đáng, và việc ông đòi hỏi những đoạn mô tả thiên nhiên cũng phải gọn gàng và đầy đủ cũng chính đáng. Ông có thể chỉ dùng một vài chữ mà đủ cho ta một ấn tượng về một đêm là khi những chim họa mi cất tiếng hót, hoặc về những đồng cỏ hoang, dài vô tận, lạnh lẽo dưới làn tuyết phủ mùa đông. Thực là một thiên tư quý giá.

Đối với người anh của ông, Alexander cũng viết truyện ngắn song không hay mấy. Chekhov nói là một tác giả không bao giờ nên mô tả những cảm giác mà mình không cảm thấy. Lời nói này thật khó diễn tả. Dĩ nhiên là chẳng cần mang tội sát nhân

(13) Gustave FLAUBERT, văn sĩ lớn người Pháp, sinh tại Rouen 21-12-1821 chết tại Croisset 8-5-1880.

đề có thể mô tả một cách minh xác những cảm giác mà kẻ sát nhân có thể cảm thấy, khi y giết người. Dẫu sao thì nhà văn có nhiều, tưởng tượng, và nếu ông ta là một nhà văn có tài thì ông đủ sức nhận xét đề khả dĩ cảm thấy những cảm giác của các nhân vật mà ông tạo ra. Còn một điều đòi hỏi khe khắt nhất của Chekhov là tác giả phải bôi xóa rất nhiều trong những đoạn đầu và đoạn kết của câu truyện mình viết. Điều này ông đã theo đến nơi đến chốn khiến các bạn hữu của ông thường nói là người ta đã phải cướp lấy những thủ bản của ông, trước khi ông có dịp xen cắt đi. « Bằng không thì ông đã rút ngắn truyện của ông lại để chỉ còn là truyện của đôi trẻ yêu nhau, lấy nhau, và sống khổ sở. » Khi truyện này được đem kể cho Chekhov nghe, ông trả lời : « Nhưng hãy trông kia, sự thực thì truyện đó đã xảy ra như thế. »

Chekhov đã lấy Maupassant làm mẫu mực. Nếu ông đã không tự nói ra điều đó, thì tôi sẽ không dám tin, vì lẽ mục đích và phương pháp của hai người rất khác nhau. Nói chung thì Maupassant cố làm cho những truyện ông viết có tính cách bị trảng và đề đạt mục đích ấy, ông dám hi sinh, nếu cần, sự cái nhiên như tôi đã nói ở trên. Tôi thường cho rằng Chekhov đã công nhiên lẩn tránh cái bị trảng. Ông giao dịch với những con người bình thường, sống những cuộc đời bình thường. « Những con người đó không lên Bắc-cực để ngủ trên những băng đảo. Họ đến sở làm việc, cãi nhau với vợ, và ăn canh cải bắp », như ông đã viết trong một bức thư của ông gửi cho bạn.

Ta có thể phản đối là có người đã lên Bắc-cực, và nếu họ không bị ngã trên những băng đảo thì họ cũng có dịp chịu đựng những cuộc phiêu lưu chẳng kém phần nguy hiểm, và như vậy, không có lý nào khiến một tác giả không viết những truyện rất hay về những người ấy. Dĩ nhiên việc con người ta phải đến sở làm việc và ăn canh cải bắp không phải là đủ lý do để viết thành truyện, và tôi không tin rằng Chekhov đã tin như thế. Muốn viết thành truyện, con người nói trên phải ăn cắp tiền của sỡ, phải ăn hối lộ, phải đánh đập, hay lừa dối vợ và khi y ăn canh cải bắp, y phải ăn cho thắm thía. Rồi sau đó thì câu chuyện trở nên một

tượng trưng cho một cuộc sống gia đình được hạnh phúc hay bị đau đớn, khổ sở.

Chekhov có thể mô tả một cách rất thực các sự kiện. Bạn phải nhận những điều bạn được đọc như do một ký giả đáng tin cậy viết ra. Tuy nhiên, Chekhov không phải chỉ là một ký giả. Ông quan sát, chọn lọc, phỏng đoán và kết hợp các sự kiện. Như là Koteliansky đã nói : « Trong sự khách quan kỷ diệu của ông, đứng trên cả những nỗi phiền muộn hay hân hoan, Chekhov đã thấu triệt và đã nhưu lột mọi sự vật. Ông có thể hiền từ và quảng đại mà không yêu, ông có thể mẫn cảm và thân ái mà không quyến luyến ; ông có thể là người gia ơn mà không mong sự trả ơn ».

Tuy nhiên, sự vô tình của Chekhov là một nhục mạ đối với những bạn nhà văn của ông cho nên ông đã bị công kích dữ dội. Các bạn buộc tội ông là đã quá lãnh đạm với các biến cố và các hoàn cảnh xã hội của thời đại. Giới trí thức đòi hỏi rằng một nhà văn Nga có bốn phận phải tiếp xúc với họ. Chekhov trả lời rằng nhiệm vụ của nhà văn là tường thuật lại các sự kiện còn việc quyết định phải có những thái độ nào đối với các sự kiện ấy là công việc của độc giả. Ông nhấn mạnh rằng không nên nhờ cậy một nghệ sĩ để giải quyết những vấn đề chuyên môn chật hẹp.

Ông nói : « Đối với các vấn đề đặc biệt, chúng ta có những nhà chuyên môn. Công việc của họ là phê phán về cộng đồng, về số phận của chủ nghĩa tư bản, về những tai hại của sự say rượu... » Điều này có vẻ hợp lý lắm. Song từ khi quan điểm này được đem ra thảo luận rộng rãi trong giới văn học, tôi muốn nêu lên một vài nhận xét mà tôi đã ghi được cách đây vài năm, nhân dịp tôi diễn thuyết tại « Liên-đoàn Sách-vở Quốc-gia ! »

Một hôm, theo thói quen, tôi được dịp đọc một bài đăng trong một tờ tuần báo Anh nổi tiếng liên quan đến nền văn chương hàng ngày. Nhân dịp đó, người diễm sách đã mở đầu bài phê bình một tác phẩm vừa được xuất bản bằng những dòng chữ sau đây : « Ông X. không phải chỉ là người viết truyện ngắn. » Chữ « chỉ là » làm tôi khó chịu, và cả ngày hôm ấy, tôi không đọc thêm được gì nữa.

cũng như Paolo và Francesca trong một dịp khác cũng có thái độ ấy ! Người điếm sách này cũng là một tiểu thuyết gia nổi tiếng, và mặc dầu tôi chưa được dịp nào đọc những tác phẩm của ông ta, tôi tin chắc rằng những tác phẩm này rất hay. Song vì sự nhận xét trên kia của ông, tôi đi đến kết luận là theo ý kiến của ông ta thì một tiểu thuyết gia phải là một hạng người trội hơn hẳn một tiểu thuyết gia. Tất nhiên rằng với một vài hồ nghi, ông ta đã chấp nhận ý niệm, được thịnh hành trong số những nhà văn hiện nay, là trong tình trạng hỗn loạn của thế giới trong đó chúng ta đang sống, nếu một tác giả chỉ viết những tiểu thuyết để giúp độc giả mua vui trong một vài giờ đồng hồ thì đó thực là một việc hão huyền. Như chúng ta đã biết, những tác phẩm như vậy sẽ bị bỏ quên, vì nó có tính cách không tương (escapist). Danh từ « escapist » này cũng như danh từ « pot-boiler » cần phải gạt bỏ khỏi ngữ vựng của nhà phê bình sách.

Tất cả mọi nghệ thuật đều không tương, những hợp tấu khúc của Mozart cũng như bức tranh thủy mặc của Constable. Và khi chúng ta đọc những bài thơ của Shakespeare hay của Keats phải chăng không phải là để mua vui ? Tại sao chúng ta lại đòi hỏi ở một tiểu thuyết gia nhiều hơn ở thi sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ ? Thực ra thì không có một cái gì gọi là « chỉ là » một tiểu thuyết. Khi viết một truyện, tác giả đôi khi đã vô tình công kích cuộc sống, tuy mục đích của ông chỉ cốt làm sao viết truyện cho người đọc được. Khi Rudyard Kipling trong cuốn « Plain Tales From the Hills » viết về những người thương dân Ấn-độ, những sĩ quan cưỡi ngựa đánh cầu cùng những bà vợ của họ, ông viết với một lòng khâm phục chất phác của một ký giả xuất thân từ giới thương dân và quáng mắt vì những cái mà ông cho là duyên dáng. Kể cũng lạ là, trong thời đó, không ai nhận thấy rằng những truyện này là một bản cáo trạng chỉ trích nhà cầm quyền. Ngày nay, nếu bạn đọc lại những truyện ấy, bạn sẽ nghĩ ra rằng chúng chầy người Anh cũng phải rút lui khỏi Ấn-độ. Đối với Chekhov cũng vậy. Ông đã cố giữ sự khách quan, ông chỉ cố gắng mô tả cuộc sống một cách rất thực, và nếu bạn đọc những truyện của ông, bạn sẽ thấy rằng sự độc ác, ngu dốt, những lạm, cảnh

dối khổ của người nghèo, sự vô tư lự của người giàu mà ông đã mô tả sẽ chần chẫn đưa đến một cuộc cách mạng đẫm máu.

Tôi chắc rằng phần lớn con người ta thường đọc những tiểu thuyết tưởng tượng, vì lẽ họ không có gì khác để làm. Họ đọc để mua vui — và đó là một điều nên làm — song những người khác lại tìm trong sự đọc tiểu thuyết những thú vui khác nhau. Chẳng hạn thú vui để tự tìm hiểu mình. Trước đây, khi những tập ký sự "Barsetshire Chronicles" của Trollope (14) được xuất bản, người thời đó đã đọc với sự mãn nguyện trong lòng, vì tập ký sự ấy đã hình dung lối sống mà họ vẫn theo. Phần lớn những độc giả này thuộc giới trung lưu và họ có cảm tình với giới trung lưu mà tác giả đã mô tả. Họ cảm thấy thỏa mãn với họ, cũng như khi họ nghe thấy ông Browning nói với họ rằng: "Thượng đế ở trên trời. Mọi sự đều tốt đẹp trên trần gian". (15) Thời gian đã làm cho những tiểu thuyết này có tính cách hấp dẫn. Chúng ta thấy những tiểu thuyết ấy tức cười, khá cảm động, (sống trong một thế giới trong đó cuộc sống của mọi người đều dễ dàng và mọi sự rút cục đều trôi chảy dễ chịu biết bao!) và nó cũng có cái quyến rũ của những bức tranh dật sử sản xuất hồi giữa thế kỷ thứ XIX hình dung những người đàn ông râu rậm, mặc áo dài, đội nón cao cùng những bà vợ xinh đẹp đội nón có lỗ thủng và mặc váy cứng như gỗ. Những độc giả khác tìm trong những tiểu thuyết đó cái mới lạ và cái dị kỳ. Những chuyện ngoại lai thường vẫn luôn luôn có nhiều người hâm mộ. Phần nhiều con người ta thường sống những cuộc sống buồn tẻ, và đọc những truyện ấy tức cũng như thoát được trong giây phút cuộc sống buồn tẻ ấy để chìm đắm trong một thế giới đầy ngẫu nhiên và đầy sự phiêu lưu nguy hiểm.

Chỉ có những người rất tinh khôn mới có thể thấy rằng một

(14) Anthony TROLLOPE, tiểu thuyết gia người Anh, sinh tại London 24-4-1815, chết tại London ngày 6-12-1882.

(15) Robert BROWNING, thi sĩ lớn người Anh, sinh tại Camberwell, London, 7-5-1812, chết tại Venice 12-12-1889. Câu thơ trên của ông đã được rất nhiều người trích dẫn, kể cả TPG trong "Nửa đêm thức giấc".

tác phẩm tưởng tượng có thể giúp ta những tin tức đáng tin cậy về những vấn đề rất quan hệ cho chúng ta để đối xử phải lối trên đời. Chính do bản chất của những thiên tài sáng tạo, một tiểu thuyết gia không đủ lực để bàn về những vấn đề như thế; ông ta không chịu lý luận mà chỉ ưa cảm xúc, tưởng tượng và sáng tạo. Tiểu thuyết gia là một người thiên kiến. Những đề tài mà nhà văn đã lựa chọn, những nhân vật mà ông tạo ra cùng thái độ của ông về những nhân vật ấy chịu ảnh hưởng của những thiên kiến trên. Điều mà nhà văn đó viết ra là một biểu thị của nhân cách, của những bản năng, cảm xúc, trực giác, và kinh nghiệm của ông, ông ta chơi sức sắc, đôi khi không rõ rệt số phận của ông sẽ ra sao, song cũng có đôi khi lại biết rất rành. Và sau đó nhà văn xử dụng tất cả sự khôn khéo của mình để giấu mình đi để độc giả khỏi tìm ra được. Henry James (16) đã nhấn mạnh rằng nhà văn viết tiểu thuyết tưởng tượng cần phải thêm thật câu chuyện cho thêm phần bí trắng. Đó là một lối viết truyện, có lẽ kém phần sáng sủa, song nhà văn đó cần phải xếp đặt các sự kiện để quyến rũ độc giả.

Từ thời tiền sử đến nay, một số người nhờ ở khả năng sáng tạo thiên phú đã tạo nên những tác phẩm nghệ thuật khiến cho cuộc sống đang đen tối trở nên vui vẻ hơn. Những ai có dịp đi thăm vùng Crete đều được xem những tách, chén, bát, bình nước, được trang trí với nhiều kiểu vẽ. Sự trang trí ấy không phải là để cho những vật dụng đó hữu ích hơn mà là để cho đẹp mắt hơn. Qua bao thời gian, các nghệ sĩ đã tìm thấy sự thỏa mãn hoàn toàn trong việc sản xuất nghệ phẩm. Nếu nhà văn viết tiểu thuyết tưởng tượng cũng làm được như thế thì ông ta đã thực hiện được những điều mà mọi người trông đợi ở ông ta. Xử dụng tiểu thuyết làm một giảng đường hay một diễn đàn là một lạm dụng bị đời...

(16) Henry JAMES, nhà văn lớn người Bắc — Hoa-kỳ, sanh tại New York 15-4-1843, chết tại London 28-2-1916, tác giả nhiều tiểu thuyết trứ danh đã được quay thành phim-ảnh như *Washington Square* (1900), *The Ambassadors* (1904) —

đặt khách quê người

(truyện ngắn)

Tôi là người có bản tính thích ngao du ; nhưng tôi du lịch không phải để xem những lâu đài đồ sộ, mà thực ra tôi hơi ngán, cũng không phải để xem thắng cảnh, mà tôi thường chóng chán. Tôi du lịch để xem người. Tôi tránh những người quyền cao chức trọng. Tôi sẽ không băng qua đường để gặp một vị tổng thống hay một quốc vương ; tôi bằng lòng quen biết nhà văn trong những trang sách của ông ta và họa sĩ trong bức họa của ông ; nhưng tôi đã du lịch hàng trăm hải lý để thăm một nhà truyền giáo mà tôi đã được nghe một câu chuyện kỳ lạ về ông ta ; và tôi đã ở nửa tháng trong một khách sạn hạ tiện để tăng thêm sự quen biết với một người ghi điểm bi-a. Tôi có khuynh hướng nói rằng tôi không ngạc nhiên khi gặp bất cứ hạng người nào với điều kiện là có một hạng tôi thường tình cờ gặp gỡ, mà họ không bao giờ lại không cho tôi một cảm giác sùng sốt nho nhỏ đến kinh ngạc vui thú. Đây là người phụ nữ Anh luống tuổi, thường thường khá giàu, người ta thấy bà sống một mình, nay đây mai đó trên thế giới, ở những chỗ bất ngờ. Bạn không lạ khi bạn nghe thấy bà ta sống tại một biệt thự trên một khu đồi bên ngoài một thành phố nhỏ ở Ý, người đàn bà Anh độc nhất ở trong vùng. và hầu như bạn sẵn sàng tới nơi đó khi người ta chỉ cho bạn thấy một căn nhà chơ vơ ở Andalusia và

(*) Nguyên tác « In a Strange Land » trích trong tập « Cosmopolitans ».

người ta nói với bạn là đã có một bà người Anh ở đó lâu rồi. Nhưng ngạc nhiên hơn nữa khi bạn nghe thấy nói người da trắng duy nhất sống trong một thành phố Trung-hoa là một phụ nữ Anh, không phải là nhà truyền giáo, sống ở đó mà không ai biết lý do ; và có một người khác sống ở một hòn đảo ở những Biền ở Miền-nam và một người thứ ba làm chủ một căn nhà một tầng lầu ở rìa một ngôi làng lớn tại trung tâm Java. Những phụ nữ này sống cuộc sống cô độc, không bạn bè, và họ cũng không tiếp đón khách lạ. Mặc dầu họ có thể hàng tháng không gặp một người cùng chủng tộc, họ sẽ đi phớt qua bạn trên đường tựa hồ họ không trông thấy bạn, và nếu, bạn dựa vào quốc tịch của mình, bạn sẽ gọi, dường như họ không từ khước gặp bạn ; nhưng nếu họ chịu gặp, họ sẽ mời bạn một tách trà rót từ một bình trà bạc và trên một chiếc khay kiểu Worcester. Ngày xưa bạn sẽ thấy những chiếc bánh kẹp bằng bột lúa mạch. Họ sẽ lễ phép chuyện trò với bạn, dường như họ đang tiếp chuyện bạn trong một giáo khu ở miền Kent, nhưng khi bạn từ biệt họ không biểu lộ một thích thú đặc biệt nào để tiếp tục mối liên lạc. Người ta tự hỏi một cách vô ích rằng bản năng kỳ lạ nào đã lôi kéo họ tự tách biệt khỏi quyền thuộc của mình và sống xa rời những nguồn lợi tự nhiên của mình như vậy, trong một nơi đất khách. Họ đã tìm truyện hoang đường hay tự do ?

Nhưng trong những phụ nữ Anh mà tôi đã gặp, hay có lẽ chỉ nghe tiếng thôi (vì tôi đã nói khó mà gặp được họ) người sống động nhất trong ký ức của tôi là một bà luống tuổi sống ở miền Trung-Á. Sau một cuộc du hành tẻ nhạt tôi tới một thành phố nhỏ nơi đó tôi dự định mở một cuộc leo lên ngọn núi nổi tiếng, và tôi được đưa tới một khách sạn xây cất không chắc chắn ở chân núi. Tôi tới khách sạn lúc đã khuya và ký tên vào sổ. Tôi lên phòng. Trời lạnh và tôi rung mình khi cởi áo, vừa lúc đó có tiếng gõ cửa và người thông ngôn bước vào.

“ Xin có lời chúc tụng của Signora Niccolini », hân nói.

Trước sự kinh ngạc của tôi hân đưa cho tôi một chai nước nóng. Tôi cầm chai nước với đôi tay biết ơn.

« Ai là Signora Niccolini ? » tôi hỏi :

« Bà là chủ khách sạn này. »

Tôi gửi lời cảm ơn bà ta và hần rút lui. Điều cuối cùng mà tôi mong ước trong một khách sạn xoàng xĩnh ở miền Trung-Á do một người đàn bà Ý già làm chủ là một chai nước nóng thú vị. Không còn gì tôi thích hơn nữa (nếu chúng ta chán ngán chiến tranh tôi sẽ kể cho bạn nghe câu chuyện sáu người liêu chết ra sao để kiếm một chai nước nóng từ một lâu đài ở Flanders đang bị oanh tạc) ; và sáng hôm sau, để tôi có thể đích thân cảm ơn bà ta, tôi hỏi xem tôi có thể yết kiến Signora Niccolini được không. Trong khi chờ đợi bà, tôi gắng mọi móc ký ức xem loại nước nóng nào có thể là của Ý. Một lát sau bà ta bước vào. Bà là một người đàn bà hơi mập mạp, không phải là không có phẩm cách, bà mang một chiếc tạp-dề có dây buộc và một chiếc mũ đen nhỏ. Bà ta đứng khoanh tay. Tôi ngạc nhiên trước bề ngoài của bà vì bà trông đúng như một quản gia trong một gia đình người Anh bề thế.

« Thưa ông, ông muốn nói với tôi ? » Bà ta là người Anh và với mấy chữ đó tôi nhận ra một cách chắc chắn dấu vết của giọng nói những người bình dân ở Luân-đôn.

« Tôi muốn cảm ơn bà về chai nước nóng », tôi hơi bối rối đáp lại.

« Thưa ông, tôi xem thấy trong sổ khách trọ ông là người Anh, và bao giờ tôi cũng cho người đem một chai nước nóng lên cho các quý ông người Anh ».

« Xin bà tin tôi, tôi rất mừng được tiếp nhận nó. »

« Thưa ông, tôi đã giúp việc lâu năm cho Ngài Ormskirk đã quá cố. Ngài thường đi du lịch mang theo một chai nước nóng. Thưa ông, ông cần dùng gì nữa không ạ ? »

« Giờ thì không cần gì, cảm ơn bà. »

Bà lễ phép cúi chào tôi và rút lui. Tôi tự hỏi tại sao trên đời lại có một phụ nữ Anh già kỳ cục như thế lại có thể là chủ nhân của một khách sạn miền Trung-Á. Không dễ gì làm quen được bà, như chính từ miệng bà đã nói ra, và bà

không muốn thân thiện với tôi. Không phải không vì một lẽ gì mà bà đã giúp việc cho một gia đình quý phái người Anh. Nhưng tôi cố nài nỉ và cuối cùng tôi thúc đẩy bà mời tôi dùng một tách trà trong phòng khách nhỏ riêng của bà. Tôi được biết rằng bà đã là người hầu gái cho một Phu-nhân Ormskirk nào đó, và Signor Niccolini (vì không bao giờ bà ta đã động đến ông chồng quá cố dù bằng cách nào) là đầu bếp của ông chủ. Signor Niccolini hồi đó là người rất bình trai và trong vài năm đã có một sự « thông cảm » giữa hai người. Khi cả hai đình được một số tiền họ lấy nhau, thôi việc, và kiếm mua một khách sạn. Họ mua khách sạn này do quảng cáo vì Signor Niccolini nghĩ rằng ông muốn mở mặt với đời. Đó là việc cách đây gần 30 năm và Signor Niccolini đã chết khoảng 15 năm trước. Bà vợ góa của ông không lần nào trở về Anh-quốc. Tôi hỏi bà có bao giờ nhớ quê hương không.

« Tôi không nói rằng tôi sẽ không thích trở về thăm quê nhà, mặc dầu tôi mong rằng tôi sẽ thấy nhiều sự thay đổi. Nhưng gia đình tôi không thích tôi lấy chồng ngoại quốc và từ ngày ấy tôi không nói với gia đình về chuyện đó. Dĩ nhiên ở đây có nhiều cái không giống như những cái họ có ở bên nhà, nhưng thật là ngạc nhiên mà ông làm quen với những cái đó. Tôi đã sống nhiều. Tôi không biết tôi có thích sống cuộc sống tẻ nhạt mà họ vẫn sống trong một nơi như ở Luân-đôn không. »

Tôi cười. Vì điều mà bà ta nói thật không ăn nhập một cách lạ kỳ với dáng vẻ của bà. Bà ta là một mẫu người đáng hoàng. Thật là lạ lùng về việc bà ta có thể sống 30 năm ở một xứ hoang vu, gần như mọi sự, mà không bị đồng hóa. Mặc dầu tôi không biết tiếng Thổ-nhĩ-kỳ và bà ta nói được khá thạo, tôi tin rằng bà nói tiếng đó hầu như không được đúng lắm bằng một giọng bình dân. Tôi cho là bà vẫn còn giữ tính cách khúc chiết, chín chắn của người hầu gái cho phu nhân người Anh, biết địa vị mình, qua bao nhiêu thăng trầm bởi vì bà ta không có năng khiếu ngạc nhiên. Bà ta coi mọi sự xảy ra như một việc dĩ nhiên. Bà coi tất cả những người không phải người Anh như người ngoại quốc và do đó, như một người nào đó hầu như ngu xuẩn, phải được tha thứ. Bà ta cai quản các nhân viên một cách khắc nghiệt — bà có không biết rằng một người đầy tớ hạng trên trong một gia đình quý phái xử dụng

quyền hành ra sao đối với hạng đây tớ ở dưới không? — và mọi thứ trong khách sạn đều sạch sẽ và gọn gàng. •

Khi tôi khen ngợi bà về điếm này, bà nói "Tôi cố hết sức", bà vẫn đứng, như bất cứ khi nào nói với tôi, tay khoanh lại kính cẩn. « Dĩ nhiên mình không thể mong người ngoại quốc có những ý tưởng giống mình, nhưng, vì ông chủ thường nói với tôi rằng, cái gì mà mình phải làm, Parker ạ, ông đã dặn tôi rằng, cái gì phải làm trên đời này thì hãy triệt để xử dụng nguyên liệu của chúng ta một cách thích đáng. »

Nhưng bà kìm giữ sự kinh ngạc vô cùng vào buổi tối trước ngày tôi lên đường.

« Thưa ông tôi rất sung sướng là ông sẽ chưa đi trước khi ông gặp hai thằng con trai của tôi. »

« Tôi không biết là bà có con. »

« Chúng đã đi xa để lo công việc làm ăn, nhưng chúng vừa trở về. Ông sẽ ngạc nhiên khi gặp chúng. Tôi đã gây dựng cho chúng với hai bàn tay trắng, và khi tôi chết chúng sẽ tiếp tục trông coi khách sạn này. »

Một lát sau hai thanh niên cao lớn, da ngăm đen, vạm vỡ vào phòng khách. Mắt họ ánh lên niềm vui thích. Họ tiến tới bà, ôm bà và hôn bà rất kêu.

« Thưa ông, chúng không biết nói tiếng Anh, nhưng chúng hiểu chút ít, và dĩ nhiên chúng nói tiếng Thổ-nhĩ-kỳ như tiếng mẹ đẻ, cả tiếng Hy-lạp và tiếng Ý nữa. »

Tôi bắt tay cả hai, rồi Signora Niccolini nói gì đó với chúng và chúng đi nơi khác.

« Các cậu ấy đẹp trai lắm, thưa bà », tôi nói. « Bà phải lấy làm hãnh diện vì các cậu ấy. »

« Tôi rất hãnh diện, thưa ông, hai đứa đều ngoan cả. Chúng không bao giờ quấy rầy tôi kể từ ngày chúng ra đời, và chúng chính là hình ảnh của Signor Niccolini. »

« Tôi phải nói rằng không ai có thể nghĩ rằng chúng lại có một bà mẹ người Anh ».

« Thưa ông đáng ra tôi không phải mẹ đẻ của chúng. Tôi vừa bảo chúng nó đi hỏi thăm sức khỏe của mẹ chúng. »

Tôi dám nói là lúc đó trông tôi có vẻ hơi bối rối.

« Chúng là con của Signor Niccolini với một cô gái Hy-lạp thường giúp việc trong khách sạn, và vì không có con nên tôi nuôi chúng. »

Tôi tìm cách thêm một vài lời.

« Tôi hy vọng rằng ông không trách gì Signor Niccolini, » bà ta nói, hơi đứng thẳng. « Thưa ông, tôi không thích ông sẽ nghĩ như thế. » Bà khom lưng cúi đầu và lén cả niềm kiêu hãnh, chững chạc và thản nhiên, bà ta thêm câu cuối : « Signor Niccolini là một người rất hiền về tính lý, thưa ông. »

ĐẶNG-NHẬT HỒNG-KHANH dịch

KỂ TỪ ĐẦU NĂM 1966 :

Tạp-san VĂN sẽ xuất-bản mỗi tháng 3 (ba) kỳ thay vì hai (2) kỳ phát hành như trước đây. Ngoài hai số báo như thông-lệ, mỗi tháng kỳ phát hành phụ của VĂN sẽ trình bày một tác phẩm của một tác giả thời danh. Tháng giêng năm 1966 xuất bản cuốn :

TUỔI NƯỚC ĐỘC

truyện dài DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU

Phát hành khắp nơi đúng ngày 6 Tết Nguyên-đán
gần 200 trang — giá 20 đồng

(độc giả mua báo dài hạn sẽ không nhận được số phụ này)

kinh nghiệm viết văn xuôi*

(tiểu - luận)

Trong đời tôi, tôi đã không được thụ nhận quá hai bài học Anh-văn, bởi vì mặc dầu tôi có viết những bài luận ở trường học, nhưng tôi không nhớ rằng tôi có đã từng được nhận lãnh một lời giảng dạy nào về cách làm sao để xếp đặt các câu chung với nhau hay không. Tôi đã thụ nhận hai bài học trong đời tôi một cách rất muộn đến nỗi tôi e sợ rằng tôi không thể hy vọng nhiều vào việc lợi dụng chúng. Bài học đầu tiên đã chỉ tới với tôi cách đây có mấy năm thôi. Đạo ấy tôi qua vài tuần lễ ở Luân-đôn và có thuê một thiếu nữ làm thư ký tạm thời. Nàng thì bên lén, khá đẹp, và vướng vào một chuyện yêu đương với một người đàn ông đã có vợ. Lúc bấy giờ tôi viết xong cuốn *Bánh và Rượu* (Cakes and Ale) và khi bản thảo đánh máy được đưa tới cho tôi vào một buổi sáng thứ bảy, tôi hỏi nàng rằng liệu nàng có đủ lòng tốt mang nó về nhà và sửa chữa lại nó trong dịp nghỉ cuối tuần. Tôi chỉ có ý muốn bảo nàng ghi nhận những chỗ đánh máy sai sót mà người đánh máy có thể đã phạm phải và biên ra những chỗ sai lầm do bản chép tay đôi khi không rõ ràng gây ra. Nhưng nàng là một người trẻ tuổi có lương tâm và nàng đã làm quá cả điều tôi có ý định nhờ nàng làm. Khi nàng mang trả lại

(*) Trích trong cuốn *The Summing Up*, tự truyện của Somerset Maugham.

tôi bản thảo đánh máy vào sáng thứ Hai, thì bản thảo ấy được đính kèm theo bốn tờ giấy học trò ghi những điểm sửa chữa. Tôi phải thú nhận là thoát nhìn những tờ giấy đó tôi hơi bị méch lòng, nhưng rồi tôi nghĩ rằng hẳn tôi sẽ xuẩn ngốc nếu không lợi dụng cái công khó nhọc của nàng, và điều này khiến tôi ngồi xuống và xem xét những tờ giấy đó. Tôi đoán chừng thiếu nữ này đã học một lớp ở trường thư ký và nàng đã nhận xét cuốn tiểu thuyết của tôi bằng cùng một phương pháp mà các giáo sư của nàng đã dùng để xét các bài luận của nàng. Những nhận xét ghi đầy trong bốn tờ giấy học trò sạch sẽ thì sắc bén và nghiêm khắc. Tôi chỉ có thể ngờ rằng vị giáo sư Anh-văn ở trường thư ký đã không nói thẳng ra. Hẳn không nghi ngờ là ông đã chỉ dùng một dấu gạch dit, và ông không cho phép có thể có hai ý kiến về bất cứ một điều gì. Người học trò xứng đáng của ông hẳn không còn thắc mắc gì về giới từ ở cuối câu. Một dấu chấm than báo trước sự bất đồng ý kiến của nàng về một câu nói chuyện. Nàng đã có cảm nghĩ là bạn không thể dùng một tiếng hai ba trong một trang và mỗi lần gặp cái đó nàng lại sẵn sàng dùng một tiếng đứng riêng để thay thế. Nếu tôi tự nhân nhượng xài trong phần một của bài tôi mười dòng, thì nàng viết : « Hãy làm cho này ngắn đi hơn. Nếu cắt thành hai câu hoặc hơn nữa thì tốt ». Khi tôi chưa lúc đã hết của nhưng đang còn trốn đề hạ một dấu chấm phẩy, thì nàng ghi « Một dấu chấm » ; và nếu tôi hạ hai chấm sau ba một chút thì nàng nhận xét một cách nghiêm ngặt : « Lỗi thời ». Nhưng cái có vẻ nghiêm ngặt hơn cả chính là lời phê bình này của nàng, mà tôi nghĩ rằng nó nên là câu có tính cách đùa bỡn thì hơn : « Ông có chắc ý về những lý lẽ của ông không ? » Nhìn toàn diện, tôi đã tới chỗ kết luận rằng hẳn giáo sư của cô ta sẽ không cho tôi điểm cao lắm.

Bài học thứ nhì tôi đã thọ nhận từ một vị giáo sư đại-học, vừa thông minh vừa duyên dáng, kẻ có công việc bất ngờ phải sống bên tôi khi tôi đang chỉnh tề sửa lại bản thảo đánh máy một cuốn sách khác. Ông ta khá tốt để yêu cầu tôi cho ông đọc nó. Tôi ngần ngại, bởi tôi biết ông sẽ đứng ở một quan điểm về sự hoàn hảo khó đạt tới được để phán đoán nó ; và mặc dầu tôi biết

ông có một kiến thức sâu rộng về văn học triều đại Nữ-hoàng Elizabeth, sự thán phục quá đáng của ông đối với cuốn *Esther Waters* khiến tôi nghi ngờ nhận định của ông về những sáng tác phẩm của chính thời đại chúng ta : không ai có thể gán một giá trị lớn lao đến thế cho cuốn này, cuốn sách hiệu rõ về tiểu thuyết Pháp trong suốt thế kỷ mười chín. Nhưng tôi lo lắng đề làm cuốn sách của tôi được tốt đẹp đến chừng nào mà tôi có thể làm, và tôi hi vọng lợi dụng được những lời phê bình của ông ta. Thật ra thì những lời phê bình ấy cũng rộng rãi. Tôi chú trọng đến chúng một cách đặc biệt bởi vì tôi kết luận rằng đó là phương cách mà ông dùng để xét các bài luận văn của những sinh viên. Tôi nghĩ rằng ông giáo của tôi có thiên bẩm về ngôn ngữ mà ông đã ra công nghiên cứu : tôi thấy sự thâm văn của ông không có chỗ nào đáng chê cả. Tôi rất chú trọng đến chỗ ông nhấn mạnh vào khả năng của những tiếng cá biệt. Ông ưa một tiếng mạnh mẽ hơn là dùng cho êm tai. Một thí dụ : tôi viết rằng một pho tượng chắc sẽ được đặt (a statue would be placed) tại một công trường nào đó thì ông khuyên tôi nên viết : pho tượng sẽ đứng ở (the statue will stand). Tôi đã không viết thế bởi tôi bị chối tai vì sự điệp vận. Tôi cũng nhận thấy ông chủ trương là những tiếng cần được dùng không những để giữ thăng bằng cho một câu mà còn giữ thăng bằng cho một ý tưởng. Chủ trương đó thật sáng suốt, bởi vì một ý tưởng có thể mất hiệu quả của nó nếu nó bị phát biểu một cách đột ngột ; nhưng đó là một điều đòi hỏi sự tinh tế bởi nó có thể đưa tới chỗ dài dòng. Ở chỗ này, một sự hiểu biết về đối thoại của kịch sẽ rất có ích. Hẳn đôi khi một diễn viên phải nói với một tác giả rằng : « Ông có thể thêm cho tôi một vài tiếng nữa vào câu nói này được không ? Hình như lời diễn xuất của tôi sẽ không đạt nếu tôi không còn có gì để nói nữa. » Khi tôi nghe những nhận xét của vị giáo sư tôi chỉ có thể nghĩ rằng hẳn lúc này tôi sẽ viết khá hơn rất nhiều nếu trong thời trẻ tôi đã được thụ lãnh được lời khuyên tử tế, có ý thức và cao kiến này.

Do đấy, tôi đã tự học hỏi. Tôi đọc lại những truyện ngắn tôi đã viết thời kỳ tôi rất trẻ tuổi cốt để tìm hiểu khả năng tự nhiên

đôi tự nó đứng. Những người trẻ tuổi thông minh đã đọc Walter Pater với sự say mê. Lý trí thông thường của tôi đã gọi cho tôi hiểu rằng đó là những chất thiếu sức sống động ; đằng sau những câu cú điêu luyện duyên dáng này, tôi ý thức thấy một cá tính mệt mỏi, bạc nhược. Lúc ấy tôi trẻ tuổi, mạnh mẽ, cương quyết ; tôi muốn một thứ không khí mới, sự hoạt động, sự hung bạo, và tôi cảm thấy rất khó chịu phải thở cái bầu không khí nặng mùi, không sinh lực, phải ngồi trong những gian phòng im lìm, ở đấy, thật là bất lịch sự khi nói lớn vượt tiếng thì thầm. Nhưng tôi đã không chịu nghe theo cái lý trí thông thường của tôi. Tôi tự khuyến phục rằng đó là chỗ cao của nền văn hóa và đã khinh khỉnh quay lưng vào thế giới bên ngoài nơi mà người ta hò la và chửi thề, ăn chơi vung vít, đang điểm và say sưa. Tôi đọc cuốn *Intentions* và cuốn *The Picture of Dorian Gray*. Tôi bị đầu độc bởi màu sắc và cái tính chất cầu kỳ của những tiếng huyên hoặc nhan nhản trong cuốn *Salome*. Lo lắng vì số ngữ vựng của tôi nghèo nàn, tôi tới viện bảo tàng Anh-quốc với cây viết chì và giấy và ghi chép lại tên những hòn ngọc quý, những màu sắc Byzantin trên những lớp men cổ, những hàng dệt gợi ra cảm giác ham thích nhục dục, và viết những câu trau chuốt để gài chúng vào. Điều may mắn là tôi đã không bao giờ gặp cơ hội thuận tiện để dùng chúng và chúng vẫn cứ nằm trong cuốn sổ tay sẵn sàng cho bất cứ ai có ý định viết những cái vô nghĩa. Lúc ấy mọi người đều nghĩ rằng bản dịch bộ Thánh-kinh được công nhận là tác phẩm văn xuôi vĩ đại nhất mà ngôn ngữ Anh đã tạo ra. Tôi đã đọc bản dịch đó một cách sốt sắng, nhất là bài Thánh-ca của vua Solomon, vừa đọc vừa ghi chú những lỗi chuyển câu để dùng về sau này, những lỗi chuyển câu đã khiến tôi hết sức chú ý tới, và cũng ghi chép ra nhiều tiếng đẹp và thông dụng. Tôi đã nghiên cứu cuốn *Holy Dying* của Jeremy Taylor. Với mục đích dùng hóa lối hành văn của ông, tôi đã ghi lại từng đoạn và đã cố dùng ký ức chép lại chúng.

Cái kết quả đầu tiên của công phu này là một cuốn sách nhỏ dùng miền Andalusia làm bối cảnh, nhan đề *The Sand of the Blessed Virgin*. Một thời gian sau tôi đã có dịp đọc lại những đoạn của cuốn sách ấy. Lúc này tôi hiểu về miền Andalusia hơn dạo ấy rất nhiều,

và tôi đã thay đổi quan điểm về rất nhiều điều tôi đã viết. Từ khi cuốn sách này bán rất ít chạy ở Mỹ-châu, tôi đã có ý nghĩ là phải sửa lại nó. Nhưng chẳng bao lâu tôi thấy rằng việc sửa lại là điều bất khả. Cuốn sách đã được viết bởi một kẻ mà tôi đã hoàn toàn quên. Nó khiến tôi phải khổ tâm để quên. Nhưng cái mà tôi chú ý nhất chính là việc ruồi, bởi tôi đã viết nó đề tập lối hành văn. Nó là một thứ vụng, có tính chất ám chỉ và trau chuốt. Nó không được viết ra để dùng và hèn nhiên. Nó có hương vị những cái cây đặt trong phòng ăn và những bữa ăn Chủ-nhật giống như không khí những nhà ăn của một ngôi nhà lớn ở Bayswater. Có rất nhiều chất từ du dương. Ngữ vựng đầy tình cảm. Nó không nhắc nhở tới một mảnh gấm Ý-đại-Lợi có đầy những mẫu vàng, nhưng nhắc tới chất liệu của tấm màn do Burne-Jones định kiểu và thêu dệt.

Tôi không biết lúc ấy nó đã là cái cảm giác trong tiềm thức rằng nó là một lối viết trái ngược với khuynh hướng của tôi hay là một cái khuôn tư tưởng đúng phương pháp một cách tự nhiên khiến tôi hướng sự chú ý của tôi vào các nhà văn thời kỳ Cồ-điền. Văn mới của Swift đã mê hoặc tôi. Tôi đã tâm niệm rằng đó là lối viết hoàn hảo và tôi bắt đầu học hỏi ở Swift đúng theo cách tôi đã học hỏi ở Jeremy Taylor. Tôi đã lựa cuốn *The Tale of a Tub*. Người ta kể lại rằng khi về già đọc lại cuốn đó, Swift đã kêu lên: "Thời ấy thiên tài của ta thật là đáng kể!". Theo ý tôi thì thiên tài của ông được bày tỏ ở các tác phẩm khác hơn. Nó là một chuyện ngu ngôn làm người ta chán và lối châm biếm thì hơi hợt. Nhưng lối hành văn thì phi thường. Tôi không thể tưởng tượng rằng tiếng Anh có thể được viết hay hơn thế. Ở đó không có những câu hoa hoét, những lối chuyển câu quái đản hoặc những hình ảnh cao xa. Đó là thứ văn xuôi đã được khai hóa, tự nhiên, thận trọng và sắc bén. Nó không có cái lối cố dùng những tiếng hoang đường để làm người đọc sửng sốt. Nó có vẻ chứng tỏ là mặc dầu Swift viết với cái tiếng đầu tiên đến với bàn tay ông, nhưng vì ông có bộ óc hợp lý và sâu sắc, nên nó luôn luôn là cái tiếng đúng, và ông đặt nó vào đúng chỗ. Sức mạnh và sự thẳng băng của những câu ông viết ra đã do ở một năng khiếu tuyệt vời mà phát sinh. Cũng

như tôi đã làm từ trước, tôi đã chép những đoạn văn và cố gắng dùng ký ức viết lại chúng. Tôi đã cố gắng thay đổi những tiếng và thứ tự những tiếng ấy. Tôi đã nhận thấy rằng những tiếng khả dụng chỉ là những tiếng mà Swift đã dùng, và cái thứ tự mà trong đó Swift đặt chúng vào chính là cái thứ tự khả dụng độc nhất.

Đó là một thứ văn xuôi tuyệt hảo.

Nhưng sự hoàn hảo có một khuyết điểm hệ trọng: nó dễ bị tẻ nhạt. Văn xuôi của Swift giống như một con sông đào ở Pháp, hai bên bờ mọc những cây dương liễu, chảy qua một miền bằng phẳng và đẹp đẽ. Sự quyến rũ êm đềm của nó khiến bạn hài lòng, nhưng nó không kích động những cảm xúc cũng như không kích thích óc tưởng tượng. Bạn cứ tiếp tục thưởng ngoạn và ngay lúc đó bạn thấy hơi buồn chán. Vì thế, dầu là bạn thán phục sự trong suốt lạ thường, sự gọn gàng, sự tự nhiên của văn Swift đến đâu chăng nữa, thì một lúc sau sự chú ý của bạn cũng sẽ tản mạn, trừ phi nội dung cuốn sách khiến bạn chú trọng đến một cách đặc biệt. Tôi nghĩ rằng nếu tôi lại có thời giờ, hẳn tôi sẽ đề tâm nghiên cứu văn xuôi của Dryden như đã nghiên cứu văn xuôi của Swift. Tôi đã không nghiên cứu thấu đáo được văn xuôi của Dryden chỉ vì tôi mất cái ý lực là cũng phải khổ công nhiều như thế. Văn xuôi của Dryden có thú vị. Nó không có sự hoàn hảo của văn Swift cũng không có sự thanh lịch dễ dàng của văn Addison, nhưng có một sự vui vẻ của mùa xuân, có một sự dễ dàng trôi chảy trong lối văn đàm thoại, có một sự hồn nhiên linh hoạt khiến ta mê say. Dryden đã là một thi sĩ rất cừ, nhưng ý kiến chung không cho rằng thơ ông có tính chất trữ tình. Thật là điều kỳ lạ khi trong văn xuôi hơi náo hoạt của ông lại có tính chất ấy. Trước ông, tại nước Anh chưa hề có thứ văn xuôi như thế. Từ thời kỳ ông trở về sau cũng rất hiếm người viết được thứ văn xuôi ấy. Văn của Dryden bùng nổ vào một thời kỳ tốt đẹp. Tự trong bản chất ông vốn có những câu nghe rất kêu và có lối văn Trung-cổ năng nề của ngôn ngữ thời kỳ Hoàng-đế James I nhưng nhờ ảnh hưởng của sự nhẹ nhàng và vui vẻ được bồi dưỡng đầy đủ mà ông học được của người Pháp ông đã đổi lối hành văn căn bản thành một dụng cụ không những

ý tưởng bình dị của cái thời kỳ đang qua đi. Ông là người đầu tiên của những nghệ sĩ thuộc trào lưu văn học rococo. Nếu Swift biến bạn nhỏ đến một con sông đào ở Pháp thì Addison nhắc nhở bạn một con sông nhỏ ở Anh chảy uốn éo vui vẻ quanh những ngọn đồi, lặn dần xuống qua những thành phố náo nhiệt hoặc cận bên những ngôi làng đầm ấm, khi thì dừng lại ở khoảng cao quý giữa hai dãy núi, khi thì chảy mạnh mẽ qua những miền rừng rú. Nó thì linh động, càn rỡ hay thay đổi và phơi trải trong gió; và nó có cái hương vị thoáng khí dễ chịu của nước Anh.

Chưa việc tôi đã làm chắc chắn rất hữu ích cho tôi. Tôi đã bắt đầu viết khi hơn, đạo ấy tôi viết không giỏi. Tôi đã viết một cuốn sách nhỏ và hướng nội. Tôi cố gắng dùng một kiểu mẫu cho các câu của tôi, nhưng tôi không thấy rằng kiểu mẫu thì hiển nhiên. Tôi cố gắng để tâm mình đặt các tiếng như thế nào, nhưng không nghĩ rằng một thứ tự có vẻ tự nhiên hồi đầu thế kỷ mười-tám lại không tự nhiên một chút nào vào đầu thế kỷ chúng ta. Việc tôi cố gắng viết theo kiểu của Swift đã khiến tôi không thể hoàn thành cái hiệu quả của một cuốn sách hay không thể tránh được, tức là đúng cái mà tôi thần tượng ở Swift rất nhiều. Rồi tôi đã viết một số kịch và tôi không quan tâm đến việc gì cả trừ đối thoại. Mãi năm năm sau tôi mới lại viết một cuốn tiểu thuyết. Từ đây tôi chẳng còn có tham vọng làm một chuyên gia về hình văn nữa; tôi đã bỏ gác tất cả ý tưởng về cách viết cho tinh tế. Tôi muốn viết mà không bị ngôn ngữ làm phiền rộn, tôi cố dùng một lối hành văn tự nhiên không bị ràng buộc, mắc vướng gì cả. Tôi rất cần nhớ mỗi rằng tôi có thể viết mà không cần phụng phịu các tiếng. Tôi chỉ muốn viết ra những sự kiện thôi. Tôi bắt đầu thực hiện một cái ý định bất khả thi hành là không dùng tính từ nào cả. Tôi nghĩ rằng nếu bạn tìm được một danh từ chính xác thì hình dung từ có thể không cần dùng đến nữa. Khi tôi nhận thấy điều đó bằng cặp mắt của tâm trí thì hẳn nhiên cuốn sách của tôi có hình thức một bức điện tín dài vô tận trong đó, vì tiết kiệm, bạn đã gác bỏ tất cả những tiếng không cần thiết cho việc làm sáng tỏ ý nghĩa. Kể từ khi tôi sửa lại bản in thử tôi đã không đọc lại cuốn sách đó và ngày nay tôi không biết tôi đã hà tiện chữ như thế nào khi tôi làm cái mà tôi thử làm. Cảm tưởng

của tôi lúc này là ít nhất nó cũng đã được viết một cách tự nhiên hơn bất cứ những gì mà tôi đã viết trước nó ; nhưng tôi chắc chắn rằng nó thường có những chỗ lời thôi lố thốc và tôi đoán quyết là trong nó có rất nhiều lỗi về văn phạm.

Kể từ đó tôi đã viết nhiều sách khác ; và mặc dầu ngừng nghiên cứu theo phương pháp những nhà văn bác thầy ngày xưa (bởi vì dầu rằng tâm hồn thì muốn nhưng xác thịt thì yếu đuối), tôi đã vẫn tiếp tục càng ngày càng cố gắng viết cho khá hơn. Tôi đã khám phá ra những giới hạn của tôi và đối với tôi thì hình như cái điều độc nhất được cảm thấy rõ ràng chính là hướng vào cái gì hoàn hảo mà tôi có thể đạt được giữa những giới hạn ấy. Tôi đã biết tôi không hề có phẩm tính trữ tình. Tôi có một ngữ vựng nhỏ nhoi và chẳng có một cố gắng nào nhằm mở rộng nó giúp ích được cho tôi nhiều cả. Tôi đã có chút năng khiếu về phép ẩn dụ. Rất ít khi tôi dùng những từ ngữ kỳ quặc hoặc tạo xúc động mạnh. Những cái gì bay bướm thì vị và một óc tưởng tượng phong phú mãnh liệt cũng nằm ngoài khả năng của tôi. Tôi có thể chiêm ngưỡng chúng ở những kẻ khác cũng như tôi có thể thán phục những từ ngữ cầu kỳ của họ và cái ngôn ngữ không thông thường nhưng gợi ý họ dùng đề lồng những ý tưởng của họ vào, nhưng chính lối sáng tạo của tôi thì lại không có những cái vẻ trang hoàng ấy ; tôi đã mệt mỏi vì đã thử dùng những cái không đến với tôi một cách dễ dàng. Đáng khác, tôi đã có khả năng mạnh mẽ về quan sát và đối với tôi, hình như tôi có thể thấy rất nhiều sự vật mà những người khác không thấy được. Tôi có thể viết ra những cái tôi trông thấy bằng những tiếng minh bạch. Tôi có khả năng lý luận, và nếu tôi không có cảm quan mạnh mẽ về những dụng ngữ phong phú và kỳ lạ, thì tôi lại có sở trường về việc lãnh hội những âm tiết của những việc xảy ra. Tôi đã biết là tôi không hề viết được như ý tôi mong muốn nhưng tôi vốn nghĩ đau đầu rằng tôi có thể đi tới chỗ viết đúng theo cái mà những tật xấu tự nhiên của tôi cho phép. Khi nghỉ ngơi, thì đối với tôi, hình như tôi cần phải hướng vào sự trong sáng, sự đơn giản và phép hòa thanh. Tôi đã đặt ba đức tính này vào cái thứ tự của sự cần thiết mà tôi quy định cho chúng.

Tôi không bao giờ chịu đựng nổi những cây viết đòi hỏi người đọc phải cố gắng để hiểu điều họ muốn nói. Bạn chỉ cần đến với những đại triết gia để thấy rằng người ta có thể phát biểu một cách rõ ràng sáng sủa những ý nghĩ tinh tế nhất. Bạn có thể thấy khó khăn trong việc tìm hiểu tư tưởng của Hume, và nếu bạn không được huấn luyện chút nào về triết học thì hẳn là bạn không hiểu nổi tư tưởng ấy; nhưng chẳng có một ai, dầu ở trình độ giáo dục thấp kém đi nữa mà lại không hiểu được một cách chính xác ý nghĩa của mỗi câu. Rất ít người viết được tiếng Anh một cách duyên dáng hơn Berkeley. Có hai loại tối nghĩa mà bạn thấy trong các cây viết. Loại thứ nhất do ở sự viết ầu mà ra, loại thứ hai do dụng tâm của người viết mà ra. Người ta viết một cách tối tăm bởi vì người ta đã không hề chịu khổ cực học cách viết chu sáng sủa. Cái lối viết tối tăm này bạn thường gặp thấy ở các triết gia hiện đại, các khoa học gia, và ngay cả ở những nhà phê bình văn học. Ở chỗ này, điều ấy quả thực là kỳ quặc. Bạn phải nghĩ rằng những kẻ nào trong đời mình đã chịu khó nghiên cứu các cây viết bậc thầy trong văn học thì hẳn có đủ khả năng am hiểu được cái đẹp của ngôn ngữ để viết một cách nếu không hay đẹp thì ít nhất cũng minh bạch. Cho nên bạn sẽ thấy trong những tác phẩm của họ có nhiều câu mà bạn phải đọc tới hai lần để khám phá cái ý nghĩa. Thường khi bạn chỉ có thể đoán ý, bởi vì các cây viết hẳn nhiên đã không nói cái mà họ định nói.

Cái nguyên cơ thứ hai của sự tối nghĩa là chính người viết cũng không quan niệm rõ về điều mình viết. Ý chỉ có một cảm tưởng mơ hồ về cái mà y muốn nói, nhưng y, hoặc vì thiếu sức mạnh về tâm linh hoặc vì lười nhác, đã không sắp xếp nổi điều đó trong óc một cách chính xác và điều khá đương nhiên là hẳn y không tìm được một dụng ngữ chính xác cho một ý kiến rắc rối. Điều này phát sinh một phần lớn do sự kiện là những người viết đã không chịu suy nghĩ trước khi đặt bút mà chỉ suy nghĩ ngay lúc đang viết. Cây viết phát sinh ra tư tưởng. Điều bất lợi của cái đó (và thật tình đó là một sự nguy hiểm mà tác giả phải luôn luôn đề phòng) chính là cái tiếng được viết ra mang trong nó một thứ ảo thuật. Ý tưởng đạt lấy thực thể bằng cách mượn một bản

chất hữu hình và rồi đứng trong lối đi của sự sáng tỏ của chính nó. Nhưng cái loại tối nghĩa này bị chìm một cách rất dễ dàng vào sự cố ý. Một số nhà văn, vốn không suy nghĩ một cách minh bạch, có khuynh hướng cho rằng những tư tưởng của họ có một ý nghĩa lớn lao hơn cái ý nghĩa hiện ra lúc đầu. Họ tự khoái trí tin rằng những tư tưởng ấy quá sâu sắc không thể được phát biểu một cách quá rõ ràng để kẻ đang chạy cũng có thể đọc được, và lẽ rất tự nhiên là các cây viết đó không bao giờ nhận rằng đây là cái lỗi của các bộ óc của họ, những bộ óc không có khả năng suy nghĩ một cách chính xác. Đây lại là cái ảo thuật mà tiếng được viết ra đạt được. Thật là quá dễ dàng tự làm cho mình tin rằng một từ ngữ mà người ta không hiểu hoàn toàn thì có thể có cái nghĩa rộng hơn là người ta quan niệm. Từ cái đó chỉ có một con đường ngắn để đi đến chỗ rơi vào cái thói quen giải tỏ những cảm tưởng của mình trong tất cả sự mơ hồ kỳ lạ của chúng. Những kẻ điên luôn luôn được người ta coi là những kẻ khám phá ra cái nghĩa ẩn nấp trong chúng. Có một hình thức khác của sự tối nghĩa cố ý, sự tối nghĩa giả trang bằng mặt nạ như một sự độc quyền của những quý tộc. Tác giả gói điều muốn nói của mình trong sự huyền nhiệm để sự tâm thường khỏi tham dự vào nó. Tâm hồn y là một khu vườn bí mật mà chỉ một số người được tuyển chọn mới chỉ có thể đi sâu vào sau khi đã vượt qua một số những chương ngại nguy hiểm. Nhưng cái thứ tối tăm này không chỉ có tính cách tự phụ mà thôi; nó còn có tính cách thiên cận. Bởi vì thời gian sẽ chơi khăm nó một cách khác thường. Nếu cái ý nghĩa mà nghèo nàn, thì thời gian ắt sẽ hạ nó xuống thành lời lảm nhảm vô nghĩa không ai thèm đọc. Đó là cái định mệnh đã đến với lối văn gò găm cầu kỳ của những cây viết Pháp say mê lối viết của Guillaume Apollinaire. Nhưng đôi khi nó cũng chiếu một thứ ánh sáng lạnh và chói lọi vào cái có vẻ là sâu sắc và do đấy phát giác cái sự kiện là cái ngôn ngữ bị xoắn vặn đã cải trang những ý niệm rất tầm thường. Hiện nay thơ của Mallarmé chỉ có ít bài không sáng sủa. Người ta không thể sai lầm khi nhận xét rằng tư tưởng của ông đã thiếu tính chất tân kỳ một cách lạ thường. Có những từ ngữ của ông rất đẹp. Những chất liệu trong thơ ông là những thi vị bình thường của thời đại ông.

Sự đơn giản không có một giá trị hiển nhiên như sự sáng sủa. Tôi đã hướng vào nó bởi vì tôi không có khả năng dùng chữ một cách phong phú. Trong những giới hạn, tôi chiêm ngưỡng sự phong phú ở những nhà văn khác, mặc dầu tôi thấy khó mà tiêu hóa được nó về số lượng. Tôi có thể đọc được một trang của Ruskin với sự thích thú, nhưng chỉ đọc được hai mươi trang với sự mệt mỏi. Câu cú lòng vòng, hình dung từ trang nghiêm, danh từ giàu những liên tưởng có thi vị, những mệnh đề phụ khiến cho những câu trở thành nặng nề, tráng lệ, cái vẻ vi đại giống vẻ vi đại của những cơn sóng nối tiếp nhau ngoài biển khơi. Chắc chắn là ở tất cả những cái đó có một cái gì gây hứng cảm. Những tiếng hòa điệu với nhau như thể rót vào tai như âm nhạc. Sự kêu gọi thì giàu cảm giác hơn là tính cách tri thức, và cái đẹp của thanh âm đưa bạn một cách dễ dàng đến chỗ kết luận rằng bạn không cần băn khoăn về ý nghĩa. Nhưng những tiếng là những sự vật chuyên chế, chúng hiện tồn cho những ý nghĩa của chúng, và nếu bạn không để ý tới những cái đó, bạn sẽ không thể để ý tới điều gì hết. Tự tưởng bạn đi lông bông. Cái lối viết này đòi hỏi một đề tài xứng hợp với nó. Quả thật là đi ra ngoài chỗ nếu viết lại những điều không đáng kể bằng lối hành văn khoa đại. Không một ai viết theo lối này mà thành công hơn Huân-tước Thomas Browne, ấy thế mà ông ta vẫn luôn luôn không tránh khỏi cảnh xa hổ đó. Nội dung chương cuối cuốn *Hydriotaphia*, nói về số phận con người, đã xứng hợp một cách kỳ diệu với sự huy hoàng kiêu Trung-cổ của ngôn ngữ, và ở đây vị bác sĩ của thành phố Norwich đã sản xuất được một tác phẩm văn xuôi mà trong văn học của chúng ta chưa có cuốn sách nào vượt nổi; nhưng khi ông tả việc ông phát minh ra cái bình đựng hài cốt bằng cùng một lối văn huy hoàng ấy thì kết quả (ít ra cũng theo sự thẩm văn của tôi) ít may mắn hơn.

Nhưng nếu sự phong phú của ngôn ngữ cần đến những tài năng mà không phải ai cũng được phú bẩm cho, thì sự đơn giản, không lệ thuộc vào gì cả, đến bởi sự tự nhiên. Để hoàn thành nó, cần phải có kỷ luật khắc nghiệt. Từ khi tôi hiểu rằng chỉ có ngôn ngữ của chúng ta là thứ ngôn ngữ trong đó cần phải đặt tên cho một đống văn xuôi được tả như một mảnh vá màu tía. Hẳn

chẳng phải làm như vậy trừ phi nó có tính chất đặc biệt. Văn xuôi Anh thì điêu luyện hơn là giản dị. Nó không luôn luôn như vậy. Không có cái gì có thể nồng đượm, thẳng băng và sống động hơn văn xuôi của Shakespeare; nhưng phải nhớ rằng đó là thứ đối thoại được viết ra để nói lên. Chúng ta không biết ông sẽ viết văn xuôi như thế nào vì không như Corneille, ông không viết những bài tựa cho các vở kịch của ông. Nếu có thì hẳn chúng sẽ cũng kiểu cách như những bức thư của Nữ-hoàng Elizabeth. Nhưng lối văn xuôi từ trước đó, văn xuôi của Huân-tước Thomas More chẳng hạn, thì không nặng nề, hoa hoét, cũng không có vẻ hùng biện. Nó đã nói lên vang động xứ sở nước Anh. Theo ý tôi, cuốn Thánh-kinh do Vua James dịch đã là một ảnh hưởng rất tai hại đối với văn xuôi Anh. Tôi không quá ngu ngốc để phủ nhận vẻ đẹp lớn lao của nó. Nó thì oai nghiêm. Nhưng bộ Thánh-kinh là một bộ sách Đông-phương. Những vẻ tưởng tượng ngoại quốc ở sách đó không quan hệ đối với chúng ta. Những lối văn khoa trương ấy, những ăn dụ ngọt ngào ấy, thì xa lạ đối với tài năng của chúng ta. Tôi chỉ có thể nghi rằng từ sự ly khai khỏi La-mã đời sống tâm linh của xứ sở chúng ta không phải chịu đựng một chút bất hạnh nào, rằng trong một thời kỳ lâu dài, tác phẩm ấy đã trở thành môn đọc hàng ngày của dân tộc chúng ta (nhiều người còn đã chỉ có sách ấy như môn đọc độc nhất). Những nhịp tiết ấy, ngữ vựng hùng hậu ấy, lời lẽ khoa trương ấy, đã trở thành một phần của sự cảm xúc của quốc gia. Ngôn ngữ đơn giản, từ tốn của nước Anh đã bị những thứ trang trí bao phủ. Những người Anh dần dần đã uốn lưỡi để nói giống như những tiên-tri Hebrew. Tôi không biết rằng trong tính khí của người Anh liệu có hiển nhiên một cái gì, có thể là cái thiếu thốn căn bản về chính xác trong tư tưởng, có thể là sự thích thú ngây thơ về những dụng ngữ chau chuốt dùng cho chính quyền lợi của họ, một sự lập dị bẩm sinh và ưa thích những vẻ lá thêu hoa vẽ, hợp với nó chẳng; nhưng sự kiện vẫn còn là, từ đạo ấy đến bây giờ, văn xuôi Anh đã chiến đấu chống lại cái khuynh hướng về lối văn khoa trương. Khi luôn luôn tinh thần của ngôn ngữ tự biện hộ cho nó như trong văn của Dryden hay của những nhà văn dưới thời Nữ-hoàng Anne, nó chỉ bị chìm đắm một lần nữa

trong lối văn khoa trương ồn ào của Gibbon hay của Johnson. Văn xuôi Anh phục hồi được vẻ đơn giản với Hazlitt, Shelley của những bức thư, và Charles Lamb trong tác phẩm khá nhất của ông, nó lại bị thất lạc với De Quincey, Carlyle, Meredith, và Walter Pater. Điều hiển nhiên là lối hành văn khoa đại thì gây kích động nhiều hơn lối hành văn bình dị. Thật tình có nhiều người nghĩ rằng một lối hành văn không lôi kéo được sự chú ý thì không phải là hành văn. Những người đó hẳn sẽ tán phục lối hành văn của Walter Pater, nhưng họ có thể sẽ đọc một bài tiểu luận của Matthew Arnold mà không lúc nào phải chú ý tới cái vẻ lịch sự, trang nhã và điều độ mà Arnold dùng để phát biểu những điều ông cần nói ra.

Mọi người đều biết câu phương ngôn nói rằng văn tức là người. Đó là một trong những câu phương ngôn rất ồn ào mà ý nghĩa chẳng có bao nhiêu. Con người của Goethe ở đâu, ở trong những bài trữ tình riu rít như chim hót của ông hay ở văn xuôi vụng về của ông? Và Hazlitt nữa? Nhưng tôi cho rằng nếu một người có một đầu óc lộn xộn thì họ cũng viết theo một đường lối lộn xộn, nếu tính khí của y hay thay đổi thì văn xuôi của y cũng sẽ huyễn hoặc, và nếu y có một trí thông minh mau chóng, chớp nhoáng có thể nhớ nổi hàng trăm chuyện hồi hợt thì những trang y viết ra sẽ đầy những ẩn dụ và những hình ảnh tương tự như nhau. Có một sự khác biệt lớn giữa lối văn hùng hồn của các nhà văn thời kỳ vua James I, các nhà văn bị ngộ độc vì những vẻ giàu sang mới mẻ được mang vào ngôn ngữ một cách chậm trễ, với vẻ khoa trương của Gibbon và của Johnson, những nạn nhân của những lý thuyết tồi. Tôi có thể đọc tất cả những tiếng mà Johnson đã viết với sự thích thú, bởi vì ông ta có lương khiếu, sự quyến rũ và sự thông minh. Không ai có thể viết hay hơn ông nếu ông đã không cố ý tự ép mình vào lối hành văn khoa đại. Lúc ông quan niệm điều đó thì ông đã biết một thứ tiếng Anh tinh hảo. Không có nhà phê bình nào đã ca ngợi văn xuôi của Dryden một cách xứng hợp hơn. Bàn về văn Dryden, Johnson nói rằng ông thấy không có thứ nghệ thuật nào ngoài lối phát biểu một cách sáng suốt mà Dryden vốn quan

niệm một cách mạnh mẽ. Một cuốn trong bộ sách *Những Cuộc Đời* của Johnson đã được kết thúc bằng câu này : « Bất cứ ai muốn đạt tới một lối hành văn Anh, thân mật mà không thô lỗ, và lịch sự mà không phô trương, thì phải dành nhiều ngày và nhiều đêm của mình để đọc những bộ sách của Addison. » Nhưng chính khi Johnson ngồi xuống để viết thì lối văn của ông lại hướng vào một đường lối rất khác biệt. Ông đã nhầm lối văn hùng hồn là lối văn có giá trị. Tinh thần ông chưa được nuôi nấng đầy đủ để có thể hiểu rằng sự đơn giản và sự tự nhiên là những dấu hiệu đích thực của sự trang nhã.

Dẫu bạn có gán cho lối hành văn êm tai một sự cần thiết đến mức nào đi nữa, thì ba đặc tính cuối cùng mà tôi đã đề cập tới, đều tùy thuộc vào sự nhạy cảm của tai bạn. Rất nhiều người đọc và rất nhiều nhà văn được người ta chú ý tới đã không có đức tính ấy. Như chúng ta được biết, những nhà thơ vốn hay dùng lối điệp vần. Họ yên trí rằng việc nhắc đi nhắc lại một âm thanh sẽ tạo ra hiệu quả về cái Đẹp. Tôi không nghi rằng lối đó có thể dùng cho văn xuôi. Theo ý tôi thì trong văn xuôi lối điệp vần chỉ nên được dùng cho một lý do đặc biệt. Nếu ta dùng nó một cách tình cờ nó sẽ đập vào tai một cách rất khó chịu. Nhưng những vụ dùng nó một cách tình cờ thì lại rất thông thường đến nỗi người ta chỉ có thể cho rằng cái âm thanh của nó không đến nỗi hoàn toàn làm chói tai. Nhiều nhà văn không nghèo về ngữ vựng hẳn sẽ đặt hai tiếng có nhịp tiết chung với nhau, nối một tính từ dài một cách quái dị vào một động từ cũng dài một cách quái dị, hoặc giữa chữ tận cùng của một tiếng và chữ khởi đầu của một tiếng khác, họ đặt một liên tự của những phụ âm đến nỗi gần như làm bề hàm chúng ta. Đó là những điều thông thường và hiển nhiên. Tôi chỉ đề cập đến chúng cốt để chứng tỏ rằng nếu những nhà văn cẩn thận có thể dùng những cái như thế, chính chỉ vì họ thiếu khả năng nghe văn. Những dụng ngữ đều có sức nặng, âm thanh và dáng vẻ bề ngoài. Chỉ nhận định được những cái đó bạn mới có thể viết được những câu đẹp mắt và dễ nghe.

Nếu bạn có thể viết một cách trong sáng, đơn giản và êm tai và rồi với sự linh động, thì bạn có thể sẽ viết một cách hoàn hảo được : hẳn bạn sẽ viết được như Voltaire. Và tuy nhiên, chúng ta biết rằng việc theo đuổi cách viết cho linh động có thể rất tai hại : nó có thể kết cuộc bằng những trò nhào lộn mệt mỏi của Meredith. Macaulay và Carlyle đã ngừng lại ở những con đường khác nhau ; nhưng ở cái giá đắt của sự tự nhiên. Những hiệu quả lờ lợt của họ đã giải khuây cho tâm hồn. Họ phá hủy đức tính khuyến dụ của họ. Hẳn bạn không tin rằng một người có ý định cấy một luống đất khi y mang theo y một cái vòng và cứ mỗi bước lại nhảy qua cái vòng đó. Một lối hành văn tốt đẹp hẳn không bày tỏ một dấu hiệu nào của sự cố gắng. Cái gì được viết ra phải có vẻ như một sự tình cờ nhiều may mắn. Tôi nghĩ rằng ở Pháp hiện nay không có ai có thể viết một cách đáng thán phục hơn Colette, và lối diễn tả của bà thì dễ dàng đến nỗi bạn không thể nào ép mình tin rằng bà đã bị hơi một chút khó khăn bởi rồi nào về nó. Tôi được nghe kể lại rằng có những nhạc sĩ dương cầm có kỹ thuật chơi đàn tự nhiên đến nỗi họ có thể thanh thần đánh đàn bằng cái lối mà phần lớn những người đánh đàn chỉ có thể đánh được một cách rất vất vả cực nhọc, và tôi cố tình tin rằng có những nhà văn cũng nhiều may mắn như thế. Trong số những nhà văn ấy tôi có ý muốn đặt Colette vào nhiều nhất. Tôi đã hỏi han bà. Tôi đã ngạc nhiên một cách quá mức khi nghe nói rằng cái gì bà cũng phải viết đi viết lại. Bà kể cho tôi nghe là bà vẫn thường mất cả một buổi sáng để viết được một trang thôi. Nhưng điều này không ám chỉ là người ta đạt được hiệu quả của sự dễ dàng như thế nào. Về phần tôi, sở dĩ tôi đạt được nó, chính chỉ vì tôi đã cố gắng một cách nhiệt thành. Bản chất tự nhiên rất hiếm khi cung cấp cho tôi cái dụng ngữ và lối chuyển câu xứng hợp mà không phải tìm tòi nhiều hoặc tầm thường.

Tôi đã đọc thấy rằng Anatole France đã cố gắng chỉ dùng những lối cấu tạo và ngữ vựng của những nhà văn thế kỷ mười bảy mà ông rất thán phục. Tôi không biết điều đó có đúng không. Nếu đúng vậy, thì có thể cắt nghĩa tại sao cái tiếng Pháp đẹp đẽ và đơn

lại là sai lầm khi bạn không nói ra điều mà bạn cần phải nói chỉ vì bạn không thể nói nó ra bằng một lối nào đó. Người ta cần phải viết theo kiểu của thời đại của mình. Ngôn ngữ thì sống động và luôn luôn thay đổi. Việc cố gắng viết theo lối những tác giả của một quá khứ xa xưa chỉ khiến cho sự giả tạo phát hiện mà thôi. Hẳn tôi không ngần ngại dùng những từ ngữ thông dụng của thời nay dầu biết rằng tính chất hợp thời của chúng thì mau qua, hoặc dùng tiếng lóng mặc dầu biết rằng trong khoảng mười năm có thể chúng sẽ trở thành không ai hiểu được, nếu những từ ngữ và những tiếng lóng ấy có vẻ linh động và sát thời sự. Nếu lối hành văn mang một hình thức cổ điển, nó có thể chịu đựng được sự thu dụng thận trọng của ngữ pháp, thứ ngữ pháp chỉ có sự thích đáng địa phương và lâm thời. Tôi ước muốn làm một nhà văn bình thường hơn là một nhà văn kiểu cách bởi chung cuộc sống thì bình thường và nhà văn tìm tòi cuộc sống.

Tôi nghĩ rằng các nhà văn Anh-cát-lợi chúng ta cần học hỏi rất nhiều ở những tác giả bạn chúng ta ở Hoa-kỳ. Bởi vì lối viết văn của Hoa-kỳ thoát khỏi sự chuyên chế của bản Thánh-kinh do Vua James dịch và các nhà văn Hoa-kỳ đã chịu ảnh hưởng ít các nhà văn lớn thời xưa mà lối viết là một phần nền văn hóa của chúng ta. Họ đã tạo lấy lối hành văn của họ, có thể là vô tình, thẳng từ ngôn ngữ sống động chung quanh họ hơn; cái hay nhất của lối hành văn ấy là một sự phát biểu trực tiếp, một sinh khí, một thể chủ động nó làm cho cái hình thức có vẻ đồ thị hơn của chúng ta có một vẻ uể oải. Các văn sĩ Hoa-kỳ còn có ưu thế ở chỗ nhiều người trong bọn họ đã từng lúc này hoặc lúc khác là phóng viên, thành thử lối văn báo chí của họ được viết ra bằng một thứ Anh-văn sắc bén, nồng nàn và hợp với tự pháp hơn thứ Anh-văn của chúng ta. Bởi vì ngày nay chúng ta đọc báo cũng như ngày xưa tổ tiên chúng ta đọc Thánh-kinh. Cả hai đều không thứ nào không có lợi; bởi vì báo chí, đặc biệt là khi nó thuộc loại báo chí phổ thông, hiển cho chúng ta một phần kinh nghiệm mà các nhà văn chúng ta không thể có đủ phương tiện để thiếu nó được. Nó là thứ nguyên liệu lấy thẳng từ xưởng của người thợ đẽo và chúng ta thật là ngu ngốc nếu chúng ta quay mũi đi chỗ khác bởi vì nó bốc ra mùi máu

và mồ hôi. Dầu cố ý đi nữa, chúng ta cũng không thể tránh được ảnh hưởng của lối văn xuôi thực tế hàng ngày. Nhưng lối văn báo chí của một thời kỳ có cùng một kiểu viết; tất cả nó dường như được viết bởi cùng một bàn tay; nó thì vô cá tính. Điều nên làm là quân bình hóa những hiệu quả của nó bằng cách đọc những loại văn khác. Người ta chỉ có thể làm điều này bằng cách liên tục giữ sự tiếp xúc với lối văn của một thời kỳ không xa thời kỳ của chúng ta quá. Như vậy người ta có một trình độ nhờ nó để trác nghiệm lối hành văn của chính mình và một lý tưởng mà người ta có thể hướng tới, trong cái lối đi mới của mình. Về phần tôi, tôi đã tìm thấy hai nhà văn hữu ích nhất để nghiên cứu cho cái ý định này: đó là Hazlitt và Đức Hồng-y Newman. Tôi quyết cố gắng không bắt chước ai trong hai người ấy cả. Hazlitt có thể có vẻ hùng biện một cách không hợp cách; và đôi khi lối văn trang hoàng của ông thì cũng ồn ào như lối văn Gô-tích thời Nữ-hoàng Victoria. Văn của Newman có thể có vẻ hoa hoét phù phiếm. Nhưng ở cái khá nhất của họ, cả hai người đều đáng thần phục. Thời gian chỉ tác động rất ít vào lối hành văn của họ; nó gần như là lối văn hiện đại. Hazlitt đầy sinh lực, nhiều chất bổ dưỡng và quả quyết; ông có sức mạnh và sự sống động. Bạn cảm thấy con người trong những từ ngữ của ông, không phải con người ha tiện, hay than vãn, khó chịu như những người biết ông văn thường thấy, nhưng là con người bên trong cái ảo tượng lý tưởng của chính ông. (Và con người bên trong chúng ta thì, trong thực tại, cũng đúng như con người, đầy lòng ái ngại và phân vân, của vẻ bên ngoài của chúng ta.) Newman có một vẻ duyên dáng và cái nhạc điệu tuyệt diệu, đôi khi đùa cợt đôi khi nghiêm trang, có cái vẻ đẹp của từ ngữ giống như vẻ đẹp một khu rừng, có sự chững chạc và sự chín thắm. Cả hai người đã viết văn với sự trong trong sáng cực kỳ. Nhưng không ai hoàn toàn đơn giản đúng như sự đòi hỏi của năng khiếu thuần túy nhất. Tôi nghĩ rằng Matthew Arnold giỏi hơn họ ở chỗ này. Cả hai đều cân nhắc từ ngữ một cách kỳ diệu và cả hai biết cách làm thế nào để viết những câu đẹp mắt. Cả hai đều đã có cái tai cực kỳ nhạy cảm.

Nếu một người nào đó có thể phối hợp những giá trị của họ trong lối viết của ngày nay, thì kẻ đó chắc chắn sẽ viết văn được như bất cứ ai có thể viết nổi.

LÊ HUY OANH dịch

người thiếu nữ lãng mạn

(truyện ngắn)

Một trong nhiều nhược điểm của đời sống thực tế là ít khi đời cung cấp chất liệu cho một câu chuyện toàn vẹn. Một biến cố nào đó lưu ý bạn, những kẻ dính dứ vào chuyện phải sống lung túng khủng khiếp, và ta lo âu tự hỏi việc gì sắp phải xảy đến đây. Thế mà, thường thường chẳng có gì xảy ra. Cái tai họa không thể tránh mà ta tiên liệu rất cục chẳng có gì là không thể tránh và tấn bi hùng kịch nay chẳng tuân theo quy tắc kịch nào, bỗng nhiên giản lược xuống kịch thước loại hài kịch xa-lông.

Tuổi già có lắm bất lợi, nhưng bù lại ít ra nó được một lợi điểm (trong nhiều lợi điểm khác, phải công nhận thế), là đôi khi nó giúp ta biết hồi kết thúc xa xôi của một số biến cố mà trước đây lâu ta đã là nhân chứng. Có khi đã bỏ cuộc hết hy vọng biết đoạn gỡ nút của câu chuyện thì đúng một cái, giữa lúc bất ngờ nhất, họ bày câu chuyện ra cho ánh sáng rõ ra.

Những ý nghĩ này băng qua trí tôi trong khi đưa bà hầu tước San Esteban ra xe về xong, tôi trở lại khách sạn và ngồi chỗ cũ ở giữa gian phòng lớn. Tôi gọi một cốc rượu cốc-tai, đốt thuốc định thần cốt để sắp đặt thứ tự trong trí nhớ. Khách sạn mới tân và diễm lệ ; không khác mọi lữ quán lớn Âu-châu bao nhiêu, và nay được sử dụng độc mỗi phòng tắm tối tân, tôi lấy làm tiếc đã bỏ mất tòa Madrid khách sạn cổ kính bề thế mà mọi khi đến Séville tôi hay xuống đây. Quả thế, tôi từng ngắm dòng sông uy nghi từ

phòng tôi ở: sông Guadalquivir, thế nhưng sự đèn bù đó ít ỏi bên cạnh những buổi trà vũ cứ mỗi tuần hai ba ngày, phòng chính cùng gian bán rượu đầy đám người trung diện chuyện trò phù phiếm ồn lất gần trọn tiết tấu nhói tai của giàn Jazz.

Thế là sau khi dạo chơi suốt buổi chiều, tôi ở vào trạng thái như vậy khi về khách sạn giữa một đám người xô bồ. Vì muốn lên tầng phòng, tôi đi về phía bàn sở sách để lấy chìa khóa. Nhưng người gác cổng khi đưa chìa khóa cho tôi đã báo tôi có một bà hỏi tôi.

— Một bà ?

— Bà muốn gặp ông bằng được. Bà hầu tước San Esteban.

Tôi không quen ai tên đó.

— Chắc hẳn nhầm đấy.

Vừa thốt xong mấy tiếng và nhìn quanh vẩn vơ thì một người đàn bà đã bỏ vào tôi hai tay đưa ra với nụ cười rạng rỡ trên môi. Tôi lục lạo trí nhớ nhưng vô ích, tôi không nhớ đã gặp bà lần nào. Bà chăm lấy tay tôi lắc lư rồi rít. Bà nói trôi chảy tiếng Pháp.

— Gặp lại ông sau bao nhiêu năm tôi mừng lắm ! Tôi cố xem trong báo bảo ông xuống thành này tôi đến chào ông không chậm trễ. Tôi không có can đảm đếm bao nhiêu năm trôi đi từ dạo cùng khiêu vũ với nhau. Ông còn vũ không ? Tôi mập hơn xưa, cố nhiên ; nhưng vì tôi bất kê nên vì thế mập thêm ra.

Bà nói hồi hả đến nỗi tôi nghe theo hụt hơi. Bà người khỏe, tuổi đã hơn già dặn, nhiều phấn son, tóc đỏ tím, hẳn là được nhuộm và cắt khá ngắn ; bà phục sức theo thời trang mới nhất của Ba-lê, là điều không khi nào thật thích hợp với phu nữ Tây-ban-nha. Nhưng bà có nụ cười dễ và vui bắt người muốn cười ngay với bà. Bà biểu lộ rõ rệt cái hạnh phúc cao độ nhất được sống. Nhìn bà còn phong độ thế kia, người ta đoán bà hồi trẻ phải đẹp lắm. Nhưng tôi không nhận ra.

— Mời ông đến uống cốc sâm-banh với tôi, rồi cùng nhắc kỷ niệm xưa. Nhưng có lẽ ông thích cốc-tay hơn ? Séville thành phố thân mến của chúng ta đã thay đổi, ông ạ. Ở đây người ta thiết

trà vũ, uống cốc-tai, hoàn toàn như ở Ba-lê hay Luân-đôn. Mình đã vót vát thời gian để mất. Mình đã thành người văn minh.

Bà đưa tôi lại bàn, gần khoảng trống dành cho người khiêu vũ, và chúng tôi ngồi. Tôi sẽ không bảo rằng tôi dễ chịu gì cho lắm ; tôi có cảm tưởng tôi sẽ rơi ngay vào cái thế cùng quẫn nhất. Tôi nói :

— Tôi thật lấy làm ngượng, nhưng tôi không sao nhớ ra người mang quý danh tôi đã được quen xưa kia ở Séville.

Bà ngắt lời trước khi tôi kịp nói tiếp :

— San Esteban ? Phải. Chồng tôi người gốc Salamanque. Ông ở trong ngành ngoại giao. Nay tôi góa phụ. Ông biết tôi bằng tên Pilar Carreon. Màu tóc đỏ tím biến đổi đôi chút đi nhiên, nhưng ngoài ra, tôi tưởng tôi vẫn gần như xưa kia.

Tôi vội thêm vào :

— Như xưa hoàn toàn. Chỉ có cái tên bà nó lừa tôi.

Bây giờ tôi nhớ rõ bà này, và tôi chỉ còn một bận tâm : che đậy cái cảm giác sững sờ và thích thú lẫn lộn tôi đang sống khi thấy rằng nàng Pilar Carréon diễm kiều trước kia tôi cùng khiêu vũ tại bà bá-tước Marbella và tại phòng Triền-lâm nay trở thành bà lớn góa chồng với hình dáng mập nở. Tôi không sao yên với ý nghĩ đó. Nhưng tôi nghĩ không đề lộ sự kinh ngạc. Cùng lúc, tôi tự hỏi bà có ngờ rằng tôi nhớ lại đến độ nào một câu chuyện đã làm cả thành phố Séville đàm tiếu. Tôi cảm thấy nhẹ lòng, thú thật vậy, khi bà nói đôi lời từ già trong lúc bà nhắc nhở thêm những bằng chứng thân thiện và khi cuối cùng tôi có thể gọi lại kỷ niệm riêng tùy thích.

Đã bốn mươi năm, Séville chưa phải là thành phố trù phú thương mại như ngày nay. Đường sá yên tĩnh và trắng, lát sỏi, và ở đây thấy vô số lâu chuông có chim cò làm tổ ở trên. Những chàng đầu bo mộng, sinh viên cùng người đi vân vợ dạo chơi suốt ngày trên Sierpes : Đời sống ở đây sung sướng và dễ dàng. Chưa có xe hơi, dĩ nhiên, và dân Séville nào muốn tậu một cỗ xe thì phải sống bảnh bao. Để hưởng thụ món xa xỉ đó, họ có thể thi hành nhiều sự hy sinh. Chỉ có thể tự hào làm thành phần xã hội thượng

lưu là nếu mỗi chiều từ năm đến bảy giờ chạy xe khắp những khuôn viên rộng dọc sông Guadalquivir. Ở đây người ta thấy đủ loại xe, những cỗ xe bốn bánh lịch sử và những chiếc xe hai bánh cũ kỹ xộc xạch, nhiều ngựa đẹp cùng ngựa gầy gò khốn khổ sửa soạn làm quen với cuộc mãn đời đi đất trong cuộc đua bò mộng. Nhưng có một giàn xe không bao giờ khỏi thu hút sự chú ý của bất cứ người khách nào mới đến. Đó là một chiếc bốn bánh, sáng bóng và mới tân, đôi lừa tuyệt đẹp kéo; người đánh xe cùng người hầu mang quốc phục màu xám nhạt của người miền Andalousie. Đúng là giàn xe rực rỡ nhất của Séville từ trước đến nay và thuộc quyền sở hữu của bà bá tước Marbella, bà người Pháp kết hôn với một chàng Tây-ban-nha; nàng niềm nở tiếp nhận cách kiêu tập quán của quê chồng, song thêm vào đây vẻ thanh lịch cao cách riêng biệt của phụ nữ Ba-lê. Những cỗ xe khác sóng theo chân ngựa để người ngồi trong có thể nom thấy và được nom thấy, còn bà bá tước dằng sau đôi lừa vẫn phóng nước kiêu giữa hai hàng cứ chầm chậm kéo dài ra, bù đi rồi trở lại hai lượt theo suốt chiều dài những khuôn viên, sau đó biến dạng. Có cái gì vương giả bên trong cách kiêu của bà. Khi thấy bà ngồi có dáng trong chiếc xe đi nhanh, vẻ kiêu hãnh của ánh mắt, màu vàng của tóc, quá rực rỡ mắt tự nhiên, người ta không ngạc nhiên cho vẻ linh hoạt bạo dạn người Pháp đã xứng đáng cho bà chiếm địa vị hiện tại. Chính bà tung kiêu thời trang. Quyết định của bà không có hưởng ứng. Nhưng nữ bá tước có nhiều người ngưỡng mộ quý phái nên không khỏi có nhiều đàn bà thù nghịch và người quyết tâm nhất là nữ công tước Dos Palos, góa phụ chưa được bao lâu, bà này dòng dõi và tính chất quý phái đáng lẽ phải đảm bảo cho bà được địa vị mà người đàn bà Pháp kia đã chinh phục được nhờ đẹp, thông minh và độc đáo.

Trong khi đó bà công tước chỉ có một gái : công nương Pilar. Nàng hai mươi tuổi khi tôi quen biết nàng và nàng rất đẹp. Nàng có đôi mắt tuyệt vời và nhất là làn da hồng đào — thành ngữ nhằm nói nhưng trường hợp này buộc phải dùng đến. Pilar rất mảnh dẻ, đối với thiếu nữ Tây-ban-nha đã là khá lớn người, và son môi làm nổi bật vẻ đẹp sáng của răng. Tóc đôi dào, đen và mượt, được xếp kỹ theo thời trang phức tạp. Nàng vô cùng quyến rũ. Về nông nân

của mắt đen, vẻ đẹp của nụ cười, cái duyên của cử động gợi biết bao ham muốn làm cho bấy nhiêu cái có vẻ như không chính đáng. Nàng thuộc thể hệ cổ đoạn tuyệt với lễ lối cũ theo đầy thiếu nữ Tây-ban-nha gia phong nào cũng phải sống trong một thứ phong kín đến tuổi thành hôn. Thường thường tôi chơi quần vợt với nàng và dìu nàng nhảy những buổi lễ do bà bá tước mở. Bà công tước cho rằng những buổi tiếp tân do người đàn bà Pháp mở, với bữa ăn tối lớn và sâm-banh thật quá linh đình; trong khi bà, bà chỉ hội họp bạn bè tại nhà chỉ hai lần mỗi năm, và đề tiếp nước chanh và bánh ngọt. Nhưng bà có chẵn nuôi bò mộng đề đấu, cũng giống chồng bà xưa kia, và khi đàn thú non được đem thử thách, bà tổ chức những buổi ăn cắm trại; đó là những buổi hội họp vui vẻ và thân mật cùng một thứ lễ lạc trung cổ đã mê hoặc trí tưởng tượng lãng mạn của tôi. Một ngày kia bò mộng của nữ công tước phải đấu trong một đấu trường Séville, tôi quyết định theo chân đoàn tùy tùng kỳ mã đi theo chúng; đi đầu là công nương Pilar mang y phục nhắc nhở cho tôi y phục một nhân vật của Goya. Không gì đẹp bằng đi ngựa thể này trong đêm trên ngựa Andalousie nhanh nhẹn với sáu con bò mộng có bò bọc quanh đằng sau chúng tôi.

Nhiều người gạ gẫm, giàu có hay quý phái và có khi cả hai, xin cưới công nương Pilar nhưng mặc dù bà mẹ khiến trách, cô vẫn gạt họ ra ngoài. Bà công tước lấy chồng hồi mười lăm tuổi nên đối với bà con bà đã hai mươi tuổi chưa có chồng là điều như không thích hợp. Nàng đợi gì chứ? Ra về khó tính quá cuối cùng trở thành lỗ bịch. Nhưng Pilar cố không nghe. Nàng luôn luôn tìm lý do để gạt bọn người si mê nàng.

Song ngày kia sự thật chợt xuất hiện.

Trong những buổi dạo chơi thường nhật ở khuôn viên trong chiếc xe lớn đã lỗi thời, bà công tước và ái nữ thường giáp mặt bà bá tước cũng đi chừng đó chặng đường nhanh gấp hai lần. Các bà đang ở vào trường hợp không có hòa khí làm ra vẻ không trông thấy nhau; tuy nhiên Pilar không khỏi ngấm nhìn chiếc xe rực rỡ của nữ kinh địch với đôi lừa xám tuyệt mỹ; nhưng muốn tránh đôi mắt hóm hình của bà bá tước, nàng muốn nhìn chàng đánh xe hơn. Chàng đẹp trai nhất thành Séville và trong bộ đồng

phục bánh bao, chàng quả thật làm người nhìn thích thú. Cố nhiên không bao giờ có ai biết thật sự đã xảy ra điều gì nhưng chắc chắn là mỗi khi Pilar nhìn vào anh chàng đánh xe nàng càng ngưỡng mộ vẻ gọn gàng của anh ; ở đây câu chuyện vẫn bí mật, nhưng có điều chắc chắn là hai người tìm cách gặp nhau. Ở Tây-ban-nha các tầng lớp lẫn lộn lạ kỳ và có khi người tôi tớ mang trong huyết quản dòng máu quý phái hơn dòng máu chủ nhân. Pilar được biết, không khỏi hài lòng, chắc thế, rằng chàng đánh xe thuộc dòng họ Leon xưa không có dòng họ Andalousie nào khác quý phái hơn, về phương diện này, hai người hầu như đồng đẳng. Duy có điều số trời bắt nàng sống trong một chỗ ở công hầu còn chàng sinh sống trên chỗ ngồi cỗ xe bốn bánh. Hai người không ai có thể lấy làm tiếc về điểm sau, bởi vì nhờ vào cái chỗ trên cao giữa trời ấy mà chàng đã làm cho người thiếu nữ Séville khó tính nhất đề ý. Họ đâm yêu nhau kịch liệt.

Nhưng, cũng lúc đó một chàng, hầu tước San Esteban, người gặp ở Saint Sébastien mùa hè trước, viết cho nữ công tước thư cầu hôn tiều thư. Đây là một đám trư hạng, hơn nữa, hai họ thông gia nhiều phen từ triều Philippe đệ-nhị. Bà công tước quyết tâm không dung thứ tính chượng của con nư và khi bà báo tin cho Pilar, bà muốn cho nàng hiểu rằng nàng phải chọn : hoặc là kết hôn với hầu tước hoặc là vào nhà tu.

Pilar đáp :

— Hai điều con sẽ không thi hành điều nào.

— Thế cô muốn cái gì, hử ? Tôi giữ cô bên mình đã khá lâu rồi.

— Con sẽ kết hôn với José Leon.

— Ai đấy ?

Pilar do dự một lúc. Có lẽ, ít ra mong thế, nàng đỏ mặt phần nào cũng nên.

— Chàng đánh ngựa của bà bá tước.

— Bá tước nào ?

— Bá tước Marbella.

Tôi nhớ rõ bà bá tước và tôi biết rằng hễ bà đã giận là quên mình. Bà bộc lộ điên cuồng, bà van con, bà khóc, bà cố luận lý cho nghe. Cảnh tượng khủng khiếp. Có người cho rằng bà đánh đập con và bứt tóc nàng; nhưng tôi tưởng Pilar gặp cảnh ngộ đó, đủ sức chống trả. Nàng nói lại rằng nàng yêu José Leon và José Leon yêu nàng. Nàng đã quyết tâm lấy chàng. Cuối cùng bà bá tước cho vờ hội đồng gia tộc đề trình bày câu chuyện. Hội nghị quyết định rằng, muốn tránh nhục cho gia đình phải gửi Pilar về quê rồi để nàng ở đó cho đến khi nàng qua khỏi cơn cao hứng. Pilar được tin về dự định đó và phá ngay bằng cách trốn thoát, một đêm đẹp, bằng cửa sổ phòng để đi ăn thân tại nhà cha mẹ người yêu. Là những người hoàn toàn danh giá ở một căn nhà nhỏ vùng Triana khiêm tốn, bên kia sông Guadalquivir.

Sau vụ ồn ào đó, không còn thề nào che giấu sự thật nữa. Trong mọi câu lạc bộ vùng Sierpes, độc một vấn đề vụ xi-căng-đan đó. Bọn người hầu không ngừng đi đến những người bán nước uống bên cạnh kiếm những khay đầy cốc rượu nhỏ cho các hội viên nhắm nháp chậm rãi trong khi chuyện văn giữa từng tràng cười về tin bất ngờ đó; những kẻ gạ hỏi Pilar bị gạt ra ngoài trước kia được khen tặng hết lời. Bọn họ may thoát! Bà công tước thất vọng tới nơi. Bà không nghĩ gì ra hơn là đi tìm vị giám mục, một người bạn thành tín và là ông cha rửa tội cho bà xưa kia, và khẩn khoản xin người đem con gái vô phước của bà về lại đường chính.

Pilar được vờ đến tu viện và vị già cả từ tâm kia, đã quen can thiệp vào những vụ bất hòa trong gia đình, cố hết sức chỉ dẫn cho nàng sự tuyệt đường của tính nết nàng. Nhưng nàng không muốn biết gì hết. Không lý nào lay chuyển nàng. Nữ bá tước chờ đợi ở phòng bên đến phiên được đưa vào và mở một lời kêu gọi bi thiết cùng con gái. Vô kết quả, Pilar về lại nơi ở khiêm tốn còn bà đầm đĩa nước mắt một mình nán lại với vị giám mục. Vị này đủ mưu chước cũng đủ lòng trắc ẩn và khi ngài xét thấy người đàn bà khờ ở vào trạng thái nghe được tiếng nói của lý trí, người khuyên bà, như cái lợi cuối cùng, hãy đi tìm nữ bá tước Marbella. Đây là người đàn bà tinh ý nhất thành Séville và người ta có thể hy vọng bà dàn xếp mọi thứ được.

Thoạt tiên bà công tước không chịu mà bất bình. Đời nào bà chấp nhận chuyện hạ mình trước cừu địch lớn nhất của bà. Thà dòng họ Dos Palos lâu đời sụp đổ còn hơn! Giám mục biết phải dụng trí bằng cách nào đối với hạng đàn bà này. Từ từ người giỏi tài dụ bà thay đổi ý kiến và liền đó bà bằng lòng kêu gọi đến lòng tốt của người đàn bà Pháp. Điện trong lòng, bà gửi cho bà kia một thông điệp yêu cầu gấp. Ngay chiều hôm đó, bà được hướng dẫn vào phòng khách của bà bá tước. Tất nhiên bà này là một trong những người đầu tiên biết hết chuyện, nhưng bà lắng nghe như thể không biết đầu đuôi gì hết. Bà hả dạ. Vinh quang không hề mong ước thấy người đàn bà bấy thù hằn này là mình dưới chân bà! Tuy nhiên bà bá tước không có ác tâm: bà cũng không phải đại. Bà nói:

— Thật là tình cảnh khó nghi nhất. Tôi rất tiếc vì một gia nhân của tôi có dính dự vào. Khổ thay tôi không thấy rõ làm được gì.

Bà công tước hả hê nếu có thể tát bốp vào khuôn mặt trang điểm tinh vi kia và giọng bà thoáng run lên, vì bà khó nén giận dữ.

— Kỳ thật chẳng phải cho chính tôi mà tôi yêu cầu bà giúp. Chính vì Pilar. Tôi biết cũng như mọi người biết bà là người thông minh nhất thành. Đối với tôi, đối với giám mục, hình như hề có thể có một giải pháp bà có đủ trí để phám phá thấy ngay.

Bà bá tước xét lời ve vuốt hơi sỗ sàng. Nhưng bà không giận chút nào.

— Bà hãy cho tôi thời gian suy nghĩ.

— Phải. nếu là trường hợp một người quân tử, tôi đã cho gọi con trai tôi về, để nó hạ thủ đi, đảng này công tước Dos Palos không sao đấu tay đôi với tên đánh ngựa của bá tước Marbella được.

— Chắc thế.

— Ngày xưa thì dễ lắm. Tôi đã mượn hai tay lính sẽ chóng cứa cổ tên điểm nhục kia đi một tối nào đó. Nhưng với bao nhiêu lễ luật người ta làm ra ngày nay, những người đường chính vô phương đối phó với những sự lăng nhục.

Bà bá tước nói thấp giọng :

— Tôi sẽ phiên võ cưỡi cho bất cứ giải pháp nào bắt tôi mất sự giúp việc của một người đánh ngựa rất giỏi.

Bà công tước lớn giọng bất bình :

— Nhưng nếu hân cưới con tôi, làm sao hân còn đánh ngựa cho bà.

— Rồi đây bà có cấp cho Pilar món hồi môn đủ cho chúng có thể sống bằng lợi tức không ?

— Tôi ? Không đồng nào hết. Tôi đã báo trước ngay cho Pilar biết nó sẽ không nhận được gì của tôi. Chúng nó rất có thể chết đói nếu thích.

— Thế thì tôi thiết tưởng nó sẽ thích ở lại giúp việc đánh xe cho tôi hơn. Có nhiều phèng nhỏ xinh phía trên dãy chuồng ngựa.

Nữ công tước tái mét. Nữ công tước đỏ gay.

— Bà hãy quên những gì xảy ra giữa chúng ta. Chúng ta hãy là bạn. Bà không thể ép tôi chịu nhục đến thế. Giả dụ tôi đã làm bất cứ gì phật lòng bà, nay tôi quỳ xin bà tha thứ.

Nước mắt bà lăn xuống má. Cuối cùng người đàn bà Pháp bảo :

— Bà hãy thắm mắt. Tôi sẽ làm cái gì tôi có thể làm.

— Có cái gì bà có thể làm chứ ?

— Có lẽ. Chắc chắn Pilar hiện tại và nay mai không có của riêng ?

— Không một xu, nếu nó kết hôn không được tôi đồng ý.

Khuôn mặt nữ bá tước sáng lên một nụ cười rạng rỡ nhất.

— Người ta quen cho rằng người Nam lãng mạn còn người Bắc là tẻ. Ngược lại mới đúng. Người Bắc là những người tình cảm không chữa được. Tôi sống khá lâu giữa người Tây-ban-nha để biết ra rằng họ thực tế trước hết.

Nữ công tước quá tan nát để có thể theo dõi những lời bình phẩm khó chịu nhưng chưa bao giờ bà ghét người đàn bà đó đến thế này ! Nữ bá tước Marbella đứng dậy.

— Bà sẽ được tìm tôi nội nhật hôm nay.

Nói thế, đối với khách, có nghĩa là cuộc gặp mặt kết thúc.

Xe phải được sẵn sàng lúc năm giờ. Mười phút trước, bà bá tước, mặc đồ đi dạo thường ngày, cho người tìm José đến. Khi bà nhìn thấy anh chàng đi vào phòng khách trong bộ y phục màu xám nhạt, bà phải nhận rằng anh có dáng điệu lớn và không phải xấu trai. Nếu không phải là người đánh ngựa của bà... nhưng không phải lúc buông xuôi theo bao chuyện lật vạt thế. Anh thẳng người trước mặt bà, thoải mái, lại còn có vẻ thêm một thứ li lợm kiêu hãnh nào đó. Không có vẻ gì tôi đòi trong thái độ của anh. Bà bá tước không khỏi nghĩ. « Y như thần Hy-lạp. Chỉ có Andalousie mới sản xuất những gã thế này ».

Bà nói :

— Tôi có nghe nói anh sắp sửa cưới con bà công tước Dos Pales.

— Nếu bà bá tước không chống đối.

Bà nhún vai.

— Anh có thể cưới ai anh muốn, đối với tôi không có gì. Nhưng anh đừng quên rằng công nương Pilar không có của 'cái nào.

— Thưa bà, phải. Nhưng tôi hiện có chỗ làm tốt và tôi có thể cung ứng cho những đòi hỏi của vợ tôi. Tôi yêu nàng.

— Tôi đâu trách anh điều đó. Nàng đẹp. Nhưng tôi thiết tưởng cần lưu ý anh rằng tôi tự thâm tâm chống đối với sự lưu giữ người đánh ngựa có vợ giúp việc cho tôi. Ngày nào tôi thiết đãi lễ thành hôn của anh, ngày đó anh không còn là người của tôi nữa. Đó tất cả điều tôi muốn nói với anh. Anh có thể lui.

Bà lại đọc tờ báo vừa gửi từ Ba-lê sang nhưng José, như bà đã đoán trước, không nhúc nhích. Anh nhìn xuống đất. Sau một lát, bà bá tước lại ngược mắt lên.

— Anh chờ gì ?

— Tôi không hề nghĩ rằng bà có thể cho tôi nghỉ việc, anh chàng trả lời giọng thiếu vững vàng.

— Tôi chắc chắn anh sẽ tìm ra một chỗ làm khác dễ dàng.

— Vâng, nhưng...

Bà hỏi khô :

— Thế nào, gì đấy ?

Anh thở ra khò sờ.

— Không có đâu hai con lừa khác trong cả xứ Tây-ban-nha bằng được lừa của mình. Chúng thành như bạn đối với tôi. Chúng hiểu mọi điều tôi bảo.

Nữ bá tước phác một nụ cười có thể làm cho bất kỳ người đàn ông nào chưa yêu phải xoay đầu nhìn.

— Tôi ân hận bắt anh chọn lựa giữa tôi và người yêu của anh.

Anh đứng không vững trên chân này chân kia. Anh đưa tay vào túi như để lấy thuốc, nhưng bỗng nhớ ra mình đang ở đâu, ngừng cử động. Anh nhìn bà bá tước và khuôn mặt bà sáng lên nụ cười tinh quái mà những ai đã sống ở Andalousie đều biết rõ.

— Trong trường hợp này, tôi không thể do dự. Pilar sẽ thông cảm rằng nếu thế sẽ thay đổi hoàn cảnh toàn diện. Có thể tìm ra cưới xin mỗi ngày trong tuần, nhưng một chỗ làm như thế này, chỉ có thể tìm ra một lần trong đời. Thật điên mới bỏ vì một người đàn bà.

Chuyện kết thúc như thế. José Leon tiếp tục đánh xe cho bà bá tước Marbella, nhưng kể từ đó, bà nhận thấy khi ngang qua các khuôn viên rằng anh đánh xe đẹp trai của bà đã thu hút tia mắt cũng ngang bằng chiếc nón đẹp nhất của bà. Một năm sau, Pilar kết hôn với hầu tước San Esteban.

BỮU - Y dịch

VĂN số 52

TUYỂN TẬP THƠ VĂN

viện dưỡng lao

(tân truyện)

Trong sáu tuần đầu ở viện dưỡng lao, Ashenden nằm liệt giường. Chàng không thấy ai khác ngoại trừ ông bác sĩ đến khám bệnh sáng và chiều, các nữ y tá săn sóc chàng và chị lao công mang bữa ăn tối. Chàng mắc bệnh lao phổi và bởi vài lý do không cho phép chàng sang Thụy-si, một thầy chuyên khoa ở Luân-đôn đã gửi chàng đến một viện dưỡng lao ở miền bắc Tô-cách-lan. Mãi rồi cũng tới ngày rất nóng lòng chờ đợi, bác sĩ cho phép chàng ngồi dậy, khoảng chiều cô y tá sau khi giúp chàng mặc áo quần, đưa chàng ra ngoài hành lang, xếp chồng gối sau lưng chàng, lấy mền khoác lên bao bọc và để cho chàng được ngồi sưởi ánh nắng đang chói sáng dưới nền trời không vẩn mây. Bây giờ là giữa mùa đông. Viện dưỡng lao nằm trên đỉnh một ngọn đồi và từ trên đó người ta có thể nhìn xuống một phong cảnh rộng lớn phủ tuyết. Suốt dọc hành lang các bệnh nhân nằm dài trên những ghế bành, dăm người đang nói chuyện, vài người khác đang đọc sách. Thình thoảng, một đôi người trong đám lên cơn ho, khi hết cơn ho lại nhìn chiếc khăn tay một cách lo lắng. Trước khi đi, cô y tá quay sang phía người nằm kế bên với một vẻ rành nghề và nói :

— Xin giới thiệu với cụ, ông Ashenden.

Rồi quay về phía Ashenden :

— Xin giới thiệu với ông, cụ Mc Leod, cụ Campbell và cụ đây là khách kỳ cựu nhất trong viện chúng tôi.

Phía bên kia Ashenden là một thiếu nữ xinh đẹp, tóc màu hung và mắt trong xanh, nàng không trang điểm nhưng đôi môi rất đỏ, má nàng tươi thêm làm nổi bật nước da trắng nuốt. Người ta không thể giữ khỏi rung động bởi nhan sắc của nàng dù biết rằng nhan sắc ấy là do bệnh hoạn. Nàng mặc một cái áo choàng lông thú, lại còn phủ thêm mền nữa, khiến không thể phân biệt gì được thân hình nàng. Khuôn mặt nàng có những nét rất thanh tú, thành ra mũi nàng, thật thì không dài, mà lại có vẻ hơi thô, nàng nhìn Ashenden một cách khả ái nhưng không nói gì, và Ashenden, hơi nhút giữa đám đông người không quen thuộc, nằm đợi người ta khơi chuyện trước.

— Mới được phép trở đây lần đầu phải không ? Mc Leod hỏi.

— Vâng,

— Phòng ông ở đâu ?

Ashenden đưa tay chỉ.

— Nhỏ quá. Trong viện phòng nào tôi cũng biết. Tôi ở đây mười bảy năm rồi. Hiện tôi ở căn phòng tốt nhất, và dĩ nhiên là tôi có quyền như vậy chứ. Lão Campbell đã tìm cách đẩy tôi ra nhưng đời nào tôi chịu nhường giả, tôi được ưu tiên hơn giả mà, tôi tới đây trước giả sáu tháng lận.

Năm duỗi thẳng, Mc Leod làm người ta tưởng là lão bề dài quá khổ. Da lão căng trên xương, hai má và thái dương hóp lại tới mức người ta có thể nhìn rõ hình dạng chiếc so, trên cái mặt hốc hác ấy với cái mũi quặm lớn đôi mắt có to vẻ dị thường.

— Mười bảy năm, lâu quá nhỉ ? Ashenden nói, không biết bắt chuyện gì khác hơn.

— Thời gian mau lắm. Tôi lại thấy thích ở trong nhà này. Hai hay ba năm đầu tôi còn ra khỏi đây mùa hè, nhưng rồi tôi bỏ không đi nữa. Giờ, tôi cảm thấy ở đây như ở nhà vậy. Tôi có một người em trai và hai người em gái, nhưng họ đã có gia đình

và con cái cả rồi, họ không cần tới tôi nữa. Khi ông đã ở đây vài ba năm rồi chừng trở về đời sống bình thường ông sẽ cảm thấy hơi lạc loài, ông thấy không. Các bạn hữu đường ai nấy đi, và mình không còn gì chung đụng với họ nữa, mình thấy bỗng nhiên lẫn mình vào trong một sự náo động ghê sợ. Huyền não ăm ỉ lên mà chẳng có việc gì cả. Mình như bị xô đẩy, ngột ngạt. Thật chứ, ở đây hay hơn nhiều. Giờ tôi chẳng thêm cựa quậy gì nữa cho tới khi ra đi hai chân thẳng trước, trong chiếc áo quan.

Ông thầy chuyên khoa có nói với Ashenden là nếu chàng chịu khó tĩnh dưỡng trong một thời gian thì sẽ bình phục được. Bởi vậy chàng nhìn Mc Leod một cách tò mò và hỏi :

— Thế cụ làm gì suốt ngày ạ ?

— Làm gì ấy à ? Thì khi mà chữa bệnh lao thì bận rộn suốt ngày, ông bạn ơi. Trước hết là lấy thủy này, rồi cân này. Cứ thủng thỉnh mà mặc áo quần. Rồi ăn điểm tâm. Đọc báo rồi đi dạo một vòng. Sau đó đi nằm nghỉ. Rồi ăn trưa và đánh bài. Lại nghỉ, rồi lại ăn tối. Lại đánh bài thêm lát nữa rồi đi ngủ. Thư viện ở đây khá lắm, có đầy đủ sách mới nhé nhưng thật ra đâu có nhiều thời giờ cho lắm mà đọc. Còn chuyện trò với người này người khác. Ở đây gặp đủ các hạng người. Họ tới rồi họ lại đi. Có khi, họ đi vì tưởng tượng rằng đã lành được nhưng phần lớn rồi cũng quay trở lại, và có khi họ đi luôn vì lẽ giản dị là họ tịch. Tôi đã thấy bao nhiêu người đi suốt như vậy, và trước khi tới lượt tôi, tôi hy vọng rằng còn chứng kiến nhiều kẻ khác đi trước nữa.

Thiếu nữ ngồi phía bên kia Ashenden bỗng cất tiếng nói :

— Tôi chắc là chẳng có ai lại nói chuyện về chiếc xe tang mà lại thích thú như cụ Mc Leod. Mc Leod cười thầm.

— Không biết được, nhưng tôi chẳng là giống người nếu không tự nhủ rằng : « Dù sao tới lượt họ cũng hơn là tới lượt mình được chờ đi dạo như vậy ».

Lão chợt nghĩ rằng Ashenden chưa quen với cô gái xinh đẹp này, lão vội giới thiệu :

— Nhân thế, chắc là cô em chưa biết ông Ashenden.

Rồi nói với Ashenden :

— Cô Bishop. Cô em người Anh-cát-lợi, nhưng ngoan lắm. (1)

Ashenden hỏi :

— Cô ở đây được bao lâu rồi ạ ?

— Mới có hai năm thôi. Đây là mùa rét cuối cùng của tôi ở đây. Bác sĩ Lennox bảo là tôi sẽ bình phục trong vài tháng nữa và tôi không thấy lý do gì lại không trở về nhà.

Mc Leod nói :

— Tôi xin khuyên cô cứ ở đây cho nó chắc khỏi. Chớ đại.

Vào lúc đó, một người đàn ông chống gậy từ trong hành lang chậm rãi bước ra.

Cô Bishop kêu lên, nụ cười làm rạng ánh mắt xanh :

— Ô ! nhìn kia ! Thiếu-tá Templeton đấy.

Người đàn ông tới gần.

— Tôi rất sung sướng được gặp lại ông, nàng nói.

—Ồ ! Có gì đâu. Chỉ cảm lạnh xoàng thôi. Giờ tôi mạnh hoàn toàn rồi.

Ông ta vừa nói dứt câu thì một cơn ho làm rung cả người. Ông ta chống lên chiếc gậy một cách nặng nề. Nhưng khi cơn ho vừa dứt, ông mỉm cười vui vẻ :

— Không tài nào dứt hẳn được cái ho mắc dịch này. Tôi thuốc lá nhiều quá, bác sĩ Lennox cứ bắt tôi bỏ thuốc nhưng ông tốn thời giờ vô ích. Tôi chẳng thể dừng được.

Ông ta người dong dỏng cao, dáng điệu có vẻ phờ phạc nhưng người rất có thiện cảm với khuôn mặt u buồn và căng thẳng như trống, với đôi mắt đen đẹp và bộ râu mép nâu xinh. Ông bận chiếc áo choàng lót bông, cổ da cừu. Lối phục sức của ông lịch sự có lẽ hơi cầu kỳ quá. Cô Bishop giới thiệu Ashenden với ông. Thiếu-tá Templeton nói mấy lời khả ái với kẻ mới

(1) Người Tô-cách-lan vẫn có mặc cảm kỳ thị với người Anh-cát-lợi (L.N.D.)

đến, giọng giản dị thân mật, rồi mời người thiếu nữ đi dạo một vòng, người ta buộc ông phải đi dạo cho tới một chỗ nào đó trong khu rừng ở phía sau viện dưỡng lão rồi thư thả trở về. Mc Leod nhìn theo họ từ từ đi xa. Lão nói :

— Tôi tự hỏi giữa hai người có chuyện gì không ? Người ta kể rằng trước khi bị bệnh, Templeton không phải là tay sống như nhà ta hiện thời khổ đâu.

— Tiếp :

— Giờ thì coi bộ y không được sung sức lắm.

— Làm sao mà biết được. Từ khi ở đây tôi được chứng kiến rất nhiều chuyện ly kỳ. Nếu thích kể cho ông nghe thì không hại sao hết.

— Thì coi bộ cụ đang thích đấy, xin cụ kể đi.

Mc Leod nhìn mặt cười.

— Nào ! Xin kể cho ông nghe một câu chuyện vậy. Cách đây chừng ba hay bốn năm, ở đây có một bà thật là bốc hỏa. Chồng bà ta cứ cách một chủ nhật lại tới thăm, y rất mực say mê vợ, đi từ Luân-đôn tới đây mà chẳng ngại ngừng gì, nhưng ông bác sĩ Lennox lại gần như chắc rằng bà ta lại tăn măn với một người nào. Với ai ? Ông ta mãi vẫn chưa tìm ra được. Một tối nọ, khi chúng tôi ngủ cả rồi, ông ta mới quét một lớp sơn mỏng ngay trước phòng bà ta, và hôm sau ông ta cho khám tất cả giếp. Kể cũng không biết chứ hả ? Cái người đi đôi giếp dính sơn bị trục xuất ngay. Ông thấy là bác sĩ Lennox bắt buộc phải canh chừng chứ. Ông muốn giữ tiếng cho viện của ông mà.

— Templeton ở đây bao lâu rồi ?

— Ba hay bốn tháng. Y nằm suốt ngày. Y không khỏi được đâu. Evie Bishop mà phải lòng y thì thật là dại. Cô ấy có nhiều hy vọng bình phục. Tôi đã thấy nhiều người qua đây quá rồi nên tôi không lăm được. Khi thấy ai mới tới tôi ước lượng ngay cái cơ vận của họ và nếu chẳng có chút hy vọng nào, tôi đoán chừng xem họ còn sống được bao lâu. Hầu như luôn luôn tôi tính đúng. Tôi kỳ hạn cho Templeton hai năm.

Mc Leod bỗng nhìn Ashenden có vẻ như đang tính toán và Ashenden đoán biết được nên cố gượng cười, nhưng chàng vẫn không thể tránh khỏi hơi khó chịu. Một tia ranh mãnh thoáng qua trong mắt Mc Leod. Lão cũng như hiểu điều gì đang làm rộn trí Ashenden.

— Ông thế nào cũng bình phục được. Tôi mà không yên tâm được về ông thì lúc này đã không nói việc đó. Tôi không muốn rằng bác sĩ Lennod tống cổ tôi ra ngoài vì gieo khủng khiếp trong đám người lưu trú viên của ông.

Ngay lúc đó, cô y tá của Ashenden tới kiểm chàng để dẫn trở lại giường. Tuy chỉ ngồi có một giờ, chàng cũng cảm thấy mệt nhọc và chui vào mền một cách khoan khoái. Tối lại, bác-sĩ Lennox tới thăm chàng, ông liếc nhìn tấm giấy ghi nhiệt độ rồi nói :

— Được.

Bác sĩ Lennox người nhỏ thó, lanh lợi và thân mật. Ông là một thầy thuốc khá giỏi, một thương gia ưu hạng và một người đi câu hăng say. Cứ đầu mùa ông lại bị lôi cuốn để bệnh nhân cho các người phụ tá săn sóc, các thân chủ hơi xăm xỉ, nhưng lại cũng hài lòng được ăn cá hồi tươi do ông đem về, ông rất hay nói, và lúc này, đứng cạnh giường Ashenden, ông hỏi chàng với giọng đặc Tô-cách-lan, xem buổi chiều đã bắt chuyện được với bệnh nhân nào chưa ; Ashenden trả lời là cô y tá đã giới thiệu với Mc Leod. Bác sĩ Lennox bật cười :

— Đó là bệnh nhân kỳ cựu nhất của tôi. Lão ấy còn biết nhiều hơn tôi về viện dưỡng lão và lưu trú viên trong này. Không biết lão tìm cách nào mà hay được, nhưng không có cái gì liên quan đến đời tư của mọi người ở đây mà qua mắt lão được. Xoi mới từng chuyện riêng tư nhỏ nhất nhất thì không bà già nào thắm gót lão cả. Lão có nói chuyện về lão Campbell không ?

— Dạ có nhắc tới tên.

— Lão không thể chịu được lão Campbell và lão Campbell cũng trả đũa lại đúng vậy. Kề cũng lạ về số phận của hai người ấy, cả hai đã ở đây tới mười bảy năm và cả hai cũng chỉ còn một lá phổi tốt. Họ lại ghét nhau. Tôi phải từ chối không chịu nghe những lời

họ kiện tụng về nhau nữa. Phòng lão Campbell nằm ở đúng trên phòng lão Mc Leod và lão Campbell lại chơi vi cầm. Lão Mc Leod kiên tiết vì thế. Lão khẳng khẳng rằng từ mười lăm năm nay, cứ phải nghe mãi những bản cũ mèm, nhưng Campbell lại quả quyết rằng Mc Leod không thể phân biệt điệu này với điệu khác. Lão Mc Leod muốn tôi cấm không cho lão Campbell đàn, nhưng tôi không thể làm vậy, lão có toàn quyền chơi đàn miễn là không nhằm giờ cần yên lặng. Tôi có đề nghị với Mc Leod là đổi phòng cho lão, nhưng lão nhất quyết không chịu. Lão đã quả quyết rằng Campbell chơi đàn chỉ nhằm khiến lão phải rời đi phòng khác vì phòng lão là phòng tốt nhất trong viện, và không cái gì có thể cưỡng bức lão thế được. Nghi cũng kỳ phải không? Hai người trạc tuổi như vậy lại có thể thích thú chơi nhau từng vố như thế. Và họ lại không thể rời nhau được. Họ ăn uống cùng bàn, họ cùng đánh bài với nhau, và không ngày nào mà họ không cãi lộn với nhau. Thỉnh thoảng tôi phải dọa là trục xuất cả hai nếu họ không biết điều hơn. Như thế khiến họ yên đi trong một thời gian. Họ muốn ở lại đây lắm. Họ ở đây lâu quá rồi, thành ra không còn ai thông thuộc bận tâm tới họ nữa, giờ họ không thể hòa mình với thế giới bên ngoài nữa. Cách đây mấy năm, Campbell định ra ngoài hai tháng. Chỉ chừng một tuần, lão đã trở lại rồi, lão không chịu đựng được, cảnh đám đông chen chúc trong các đường phố làm lão khiếp hãi.

Khi sức khỏe ngày một khả quan dần dần và chàng có thể hòa nhập với các bệnh nhân khác, Ashenden thấy mình đi sâu vào một thế giới kỳ lạ. Một buổi sáng, bác-sĩ Lennox cho chàng hay từ giờ chàng có thể dùng bữa trưa trong phòng ăn. Đó là một căn phòng rộng thấp, với nhiều cửa lớn, các cửa sổ luôn luôn mở rộng và khi đẹp trời, ánh nắng tràn ngập vào. Chàng có cảm tưởng ở đây có rất nhiều người và phải mất một thời gian chàng mới có thể phân biệt kẻ này với kẻ khác. Có đủ các loại người trẻ trung, đứng tuổi, già cả. Một số người như Mc Leod, Campbell đã sống hằng năm ở viện dưỡng lão và chỉ còn hy vọng rời khỏi viện khi chết thôi. Một số người khác mới tới chừng vài tháng. Có một cô khá lớn tuổi, cô Atkin, tới ở đây suốt mấy tháng mùa đông và mùa hè thì

về ở với thân thuộc và bạn bè. Đứng ra thì cô ta hết bệnh rồi và có thể chẳng cần trở lại nữa, nhưng cô ta thích đời sống ở viện dưỡng lão. Sau một thời gian lưu trú khá lâu trong viện, cô ta đã tạo được một vị thế : cô làm quản thủ danh dự và rất ăn ý với bà y tá trưởng. Cô ta lúc nào cũng sẵn sàng nói chuyện với bạn, nhưng bạn sẽ được nghe nói lại rằng tất cả những lời tiếng của bạn đều đã bị báo cáo hết. Bác-sĩ Lennox muốn được biết các bệnh nhân của ông thuận hòa với nhau, họ sung sướng, họ không khi nào bất cần, họ theo đúng các tiêu lệnh của ông. Ít điều gì có thể lọt khỏi đôi mắt sắc sảo của cô Atkin và mọi chuyện cô quan sát được thông báo cho bà y tá trưởng và bà này lại trình cho bác sĩ Lennox. Vì là thân chủ đã từ bao nhiêu năm nay, cô được ngồi cùng bàn với Mc Leod và Campbell, người đồng bàn thứ tư là một ông đại tướng già, được hưởng cái vinh dự ấy nhờ cấp bậc. Bàn này không khác chút nào các bàn khác và chỗ cũng không phải là chỗ tốt hơn, tuy nhiên vì những thân chủ kỳ cựu nhất của viện ngồi đó, nên mọi người đều thích được sắp vào đấy và nhiều bà cụ già cảm thấy chút ít cay đắng khi thấy cô Atkin, hè nào cũng đi bốn năm tháng, lại được sắp ngồi đấy trong khi họ quanh năm ở viện lại bị hiếm đi chỗ khác. Có một cụ già Ấn-độ là lưu trú viên kỳ cựu nhất sau Mc Leod và Campbell. Ông cụ đã có hồi làm thống đốc một tỉnh, và ông cụ sốt ruột chờ đợi cái chết của Mc Leod hay Campbell để chiếm lấy chỗ mà ông có quyền ở bàn danh dự. Ashenden làm quen với Campbell. Lão cao, xương xẩu, hói hết đầu và gầy gò tới nỗi người ta phải thăm hỏi do phép mẫu nhiệm nào mà tay chân của lão không long khớp ra, khi lão co ro người trong chiếc ghế bành lão tạo cho người nhìn cảm tưởng là lưng của một con nộm giấy bị vứt bỏ. Lão hay giở chứng, xét nét và nõi khùng. Câu đầu tiên lão hỏi Ashenden như sau :

— Ông có thích âm nhạc không ?

— Thừa có.

— Ở đây ai cũng cóc cần âm nhạc ! Tôi đàn vi cầm. Nếu ông thích, hôm nào lại buồng tôi, tôi kéo hầu ông nghe.

Mc Leod nghe vậy, nói :

— Đừng đến đấy nhé. Nghe mà kinh.

Cô Atkin thốt lớn :

— Sao cu lại có thể nói vậy nhi ? Cụ Campbell đàn hay lắm chứ ?

— Chỉ người nào trong cái nhà khốn kiếp này phân biệt nổi một nốt nhạc, Campbell lâu nhầu.

Mc Leod cười nhạo đi xa và cô Atkin cố tìm cách để đem lại hòa khí.

— Cụ đừng bận tâm tới những lời cụ Mc Leod vừa nói.

— Ô ! Cô im thua gì tới tôi. Cái đó đâu có ngăn cản được tôi tiếp tục đàn.

Buổi trưa hôm đó lão chơi đi chơi lại một điệu không ngừng. Mc Leod đập lên sân nhà nhưng Campbell cứ đàn. Mc Leod cho bà lao công xuống nói lão bị nhức đầu và nếu ông Campbell nghỉ đàn thì thật là khả ái. Campbell trả lời là lão có toàn quyền chơi đàn và nếu ông Mc Leod không ưa nhạc của lão thì cứ việc xéo đi nơi khác. Đến sau lại họ gặp nhau, lời qua tiếng lại thật gay gắt.

Ashenden được xếp vào cùng bàn với cô Bishop xinh đẹp, với Templeton và một người làm kế toán ở Luân-đôn tên là Henry Chester. Đó là một người thấp, mập lực lưỡng, vai rộng, người mà không ai ngờ là có thể mắc phải bệnh lao. Bệnh hoạn đã quật ngã y một cách tàn bạo và bất ngờ. Y là một người ta thường gặp rất nhiều, khoảng từ ba mươi đến bốn mươi tuổi, có vợ hai con. Y ở một vùng ngoại ô rất xinh đẹp, mỗi sáng y xuống phố đi làm, ngồi đọc báo buổi sáng, mỗi chiều y từ phố về, lại đọc báo chiều. Y không bận tâm gì khác hơn là việc làm ăn của y và gia đình y. Y yêu nghề kế toán, y kiếm được khá tiền để sống một cách sung túc, mỗi năm, y đề dành được một số tiền vừa phải, y chơi đánh cù chiều thứ bảy và ngày chủ nhật, tới tháng tám thì y nghỉ ba tuần lễ, mà bao giờ y cũng nghỉ một nơi, trên một bãi biển miền bắc, con cái y sẽ trưởng thành và lập gia đình một ngày kia, y sẽ giao công việc làm ăn lại cho con trai y. Y và vợ y lui về hưu trí trong một căn nhà nhỏ tại miền quê, sẽ vui việc vật vãnh cho tới khi già cả và thần chết tới bắt y đi. Đó là tất cả những gì y đòi hỏi ở

cuộc đời, và hàng ngàn, hàng vạn người đồng loại của y cũng không đòi hỏi gì hơn y. Y là mẫu mực của hạng người dân trung bình.

Nhưng câu chuyện sau đây đã xảy ra cho y. Y bị cảm khi chơi đánh cù, bệnh cảm lan xuống ngực và y ho không dứt khỏi nữa. Từ trước y vẫn luôn luôn mạnh mẽ và khỏe khoắn, bởi vậy y không trọng vì các ông bác sĩ bao nhiêu. Tuy nhiên, vợ y cuối cùng cũng thuyết phục được y đi khám một ông bác sĩ. Thật là một tin khủng khiếp khi y hay rằng mình bị lao hai lá phổi và còn cái may mắn độc nhất sống được là phải vào ngay một viện dưỡng lao. Ông thầy chuyên khoa nói với y là chừng hai năm y có thể tiếp tục lại công việc, nhưng hai năm đã trôi qua và ông bác sĩ Lennox lại báo cho y biết không nên nghĩ gì tới việc làm ăn trước một năm nữa là ít. Ông ta còn chỉ cho y xem vi trùng trong đờm và trên những tấm phim quang tuyến chụp phổi, những chấm chứng tỏ sự tiến triển của bệnh tình. Chester mất tinh thần, đối với y hình như số phận đã chơi y một vố vừa ác nghiệt vừa bất công. Y cam chịu được như vậy nếu y đã sống phóng dăng, nếu y say sưa rượu chè, nếu y xoắn xuýt con gái, hay là nếu y ham việc thức quá nhiều. Nếu vậy thì y đáng để chịu. Nhưng này y đã sống hoàn toàn ngược lại. Điều xảy tới cho y thật bất công quá đỗi. Không hề có một đời sống nội tâm, không hề đề ý đọc sách báo, y chỉ có nghĩ tới sức khỏe của y thôi. Không bao lâu thành ra một ám ảnh. Y chăm chú quan sát những triệu chứng của bệnh. Người ta phải tưới cái ống thủy đi vì y lấy nhiệt độ cả chục lần mỗi ngày. Y này ý nghĩ trong đầu óc là các bác sĩ không lưu tâm mấy tới trường hợp của y, và đề họ được chú ý tới, y làm mọi cách làm cho ống thủy tăng lên tới những nhiệt độ thật lo ngại, khi người ta khám phá ra mưu kế của y, y trở nên buồn bã và hay cần nhân. Tuy nhiên bản tính vốn vui vẻ hòa nhã nên lúc nào y quên hiện trạng của mình thì y chuyện trò vui cười nhưng bất thành linh mà y nghĩ tới bệnh của mình, thì người ta có thể nhìn thấy trong mắt y sự lo sợ chết chóc.

Cuối mỗi tháng, vợ y lại tới ở một hai ngày trong một ký túc xá nhỏ kề cận. Bác sĩ Lennox không mấy ưa những cuộc thăm viếng người bệnh của các thân nhân. Thăm viếng làm họ thêm kích động.

và bất an. Cái cảnh Henry Chester nóng lòng chờ đợi vợ thật rất vui lòng, nhưng khi bà vợ tới đó rồi, người ta ngạc nhiên nhận thấy y có vẻ kém sung sướng rất nhiều hơn là người ta tưởng tượng.

Bà Chester là một thiếu phụ nhỏ bé, dễ chịu, vui vẻ, không đẹp nhưng có duyên, trung bình về mọi phương diện như ông chồng. Chỉ cần nhìn bà là hiểu ngay rằng đó là một người vợ đảm và một người mẹ hiền, một người nội trợ cần trọng, một con người trầm lặng, tươi cười mà làm bồn phận và không dính dấp vào chuyện gì khác. Trải qua bao nhiêu năm sống lặng lẽ đã hoàn toàn sung sướng, sự giải trí duy nhất của bà là xem chớp bóng và niềm vui độc nhất là những cuộc bán « xôn » tại các nhà hàng lớn Luân-đôn, không bao giờ bà ta có ý nghĩ là cuộc đời nhạt nhẽo, bà đã hoàn toàn theo nếp sống vậy rồi. Ashenden có thiện cảm với bà ta. Chẳng nghe một cách chăm chú khi bà kể chuyện về con cái, về căn nhà ở ngoại ô, về hàng xóm láng giềng và về những công việc đơn giản của bà. Một hôm y gặp bà ta giữa đường. Ashenden mời bà ta cùng đi một đoạn. Họ nói chuyện tầm phào một lát. Rồi bỗng dưng bà ta hỏi chàng nghĩ sao về tình trạng của chồng bà.

— Tôi tìm là ông nhà không có gì nặng cả.

— Tôi thì rất lo ngại.

— Bà dự biết rằng phải điều trị rất lâu ngày. Ta không nên mất sự kiên nhẫn.

Họ đi thêm vài bước, rồi chàng chợt nhận thấy bà ta khóc. Ashenden nói dịu dàng :

— Bà có điều gì phải ngại về ông nhà đâu.

— Ồ, ông biết được tôi cảm khổ như thế nào mỗi lần tôi tới thăm nhà tôi. Lẽ ra tôi không được nói, nhưng tôi không thể dừng được. Tôi có thể tìm ông được chứ ?

— Đã hẳn rồi.

— Tôi yêu nhà tôi, tôi quyến luyến nhà tôi lắm. Căn, tôi sẽ hy sinh tất cả cho nhà tôi. Chúng tôi không bao giờ có một tiếng nặng, điều gì vợ chồng cũng ăn ý với nhau. Bây giờ, nhà tôi lại sinh ra chán ghét tôi, và điều đó làm tôi nát cả lòng.

— Ồ ! Không thể có chuyện thế đâu. Xem nhé, khi bà không có ở đây, ông nhà luôn luôn nhắc tới bà và nói rất âu yếm. Ông nhà quyến luyến bà nhiều lắm.

— Dạ, nhưng đó là khi tôi không ở đây kia. Còn khi tôi ở gần nhà tôi, thấy tôi mạnh mẽ khỏe khoắn thì nhà tôi lại giờ chúng. Ông xem nhé, nhà tôi thì ốm đau, còn tôi rất khỏe mạnh cứ nghĩ như thế làm nhà tôi không chịu đựng nổi. Nhà tôi sợ mình chết và chán ghét tôi bởi vì chắc chắn là tôi hãy còn sống. Lúc nào tôi cũng giữ ý tứ, tôi mà nói bất cứ chuyện gì, về chuyện lữ nhò, về chuyện tương lai là nhà tôi đâm ra tức tối, nhà tôi nói lại những điều tàn nhẫn và xúc hại. Khi tôi nói về chuyện trong nhà, ví thử như tới một người ở chẳng hạn, là nhà tôi nổi giận không tưởng tượng được. Nhà tôi trách móc tôi coi ảnh như là không có. Ngày xưa chúng tôi thăm thiết bao nhiêu, bây giờ tôi có cảm tưởng như một bức tường bất hòa ngăn cách giữa chúng tôi. Tôi hiểu là không phải bản tính nhà tôi vậy, đây là vì bệnh hoạn thật ra thì ảnh tốt hết sức, ảnh chính là lòng tốt hiện thân. Khi bình thường ảnh là người dễ sống nhất thế gian, nhưng bây giờ tôi thật tình rất lo sợ mỗi khi đến đây, và tôi sung sướng khi ra về. Nếu tôi mà bị lao chắc là nhà tôi sẽ tuyệt vọng nhưng tôi cũng chắc là trong thâm tâm nhà tôi sẽ vui khờ phần nào. Nếu nhà tôi nghĩ được rằng chính tôi cũng phải chết bệnh, thì chắc nhà tôi sẽ tha thứ được cho tôi, và bằng lòng với số mệnh. Nhiều bạn nhà tôi chủ tâm dày vò tôi bằng cách nói chuyện sau khi ảnh chết thì tôi phải làm gì và khi tôi nổi giận và khóc van ảnh thôi đi, ảnh trả lời là tôi có thể cho phép ảnh đùa một tí trong lúc ảnh không còn bao nhiêu ngày, còn tôi, thì tôi còn sung sướng trong bao nhiêu năm.

Ôi ! Thật là kinh rợn khi nghĩ rằng mỗi tình của vợ chồng tôi trong bao nhiêu năm hoàn toàn đến thế mà bây giờ phải tiêu tan một cách thảm thương và ghê tởm như vậy.

Bà Chester ngồi xuống một tảng đá bên vệ đường, khóc sụt sùi. Ashenden nhìn hết sức cảm thương, nhưng không một câu

nói an ủi nào đến được trong trí chàng. Những điều bà ta nói với chàng đã quả tình không làm chàng kinh ngạc. Sau cùng bà ta nói :

— Xin ông một điều thuốc. Phải làm sao đừng đỏ và sưng mắt, nếu không anh Henry lại biết là tôi khóc và anh lại cho là tôi vừa được tin không lành về bệnh tình anh. Sự chết kinh khủng đến thế ư ? Tất cả mọi người đều sợ chết đến thế chẳng ?

— Tôi cũng không biết nữa, Ashenden trả lời.

— Khi bà cụ tôi mất, bà chẳng tỏ ra ưu lo gì cả. Bà biết là thế nào cũng phải đi qua đấy và bà còn đùa cợt nữa. Nhưng mà cụ đã già lắm.

Bà Chester trở lại bình thường và hai người lại đi dạo lại. Họ đi im lặng trong một lúc.

— Tôi hy vọng là sau câu chuyện tôi nói ông chẳng nghĩ xấu về anh Henry chứ ?

— Thưa không.

— Ảnh đối với vợ với con thật là tốt. Trong đời tôi chưa gặp ai tốt hơn ảnh. Cho tới ngày ảnh gặp bệnh hoạn, tôi chưa khi nào thấy ảnh có một tư tưởng xấu hay là một ý nghĩ hèn hạ.

Buổi nói chuyện đó làm cho Ashenden trầm tư. Bạn bè của chàng thường bảo là chàng có một quan niệm thấp kém về đồng loại. Sự thật thì chàng không bao giờ phán đoán con người theo những tiêu chuẩn thông thường. Lắm khi chàng chấp nhận bằng một nụ cười, bằng một lời phản nộ hoặc bằng một cái nhún vai, những điều mà người khác xem như là kinh dị. Đúng như vậy, khi mà ta đã thấy Chester giản dị, hồn nhiên, đến thế, ta không thể nào tưởng tượng nơi y lại có nhiều chua xót, nhiều oán hận đè hèn như vậy, nhưng mà ai còn biết được con người có thể rơi xuống tận vực thẳm nào hay là có thể vượt lên cao đến mức nào ? Hiên nhiên là Chester không có một lý tưởng gì. Giai cấp của y. Giáo dục của y tạo y để sống một cuộc đời trung bình, để chịu những nỗi phù trầm thông thường của cuộc thế, bởi vậy khi mà điều bất ngờ giáng xuống cho y, y không có khả năng chống trả. Y như là một viên gạch, được tạo ra để sắp xếp cùng với triệu viên gạch

khác trong một cơ sở kiến trúc rộng lớn, ngẫu nhiên lại khiến viên gạch kia bị nứt rạn, và bây giờ nó bị ném ra không dùng nữa. Nếu viên gạch có linh hồn, nó cũng có thể khóc than vậy ! Tôi đã làm gì để người ta từ chối không cho đảm nhiệm cái công việc tầm thường đã dự tính dành cho tôi, để người ta biếm riêng tôi ra khỏi những hàng gạch khác đáng lẽ phải chịu đựng hỗ trợ với tôi, để người ta ném tôi vào đám mảnh vụn ? Không phải lỗi của Henry Chester nếu y đã không tìm được trong mình một điều gì giúp y chịu đựng được những thử thách. Không phải ai cũng có thể tìm nguồn an ủi trong nghệ thuật hay là trong sinh hoạt suy tư. Điều bất hạnh của thời bây giờ muốn rằng những tâm hồn chất phác mất lòng tin ở Thượng-đế là một nguồn hy vọng, mất lòng tin trong sự tái sinh ở thiên đường là nơi họ sẽ gặp được nguồn hạnh phúc mà ở thế gian họ không có, mất những thứ đó mà không có gì thay thế cả.

Nhiều người cho rằng sự đau khổ làm nên cao thượng. Thế là sai. Một cách thông thường, sự đau khổ làm cho con người trở nên ty tiện, hằn thù và ích kỷ. Tuy nhiên trong viện dưỡng lão này, sự thống khổ không mấy gì nhiều lắm. Vài trạng thái lao làm sốt nhẹ và kích thích bệnh nhân nhiều hơn là làm suy nhược, người ốm cảm thấy đầy khoái hoạt, thúc đẩy bởi hy vọng họ lạc quan về tương lai nhưng dẫu sao chẳng nỡ ý nghĩ chết chóc ám ảnh tiềm thức họ. Đó như là một chủ đề mà ta nhận giác được trong bản hòa tấu trường thiên một tiểu ca kịch vui. Đây đó nhiều điệu nhẹ nhàng và du dương, vài khúc vũ đồn dập lại độc đáo điểm một giọng bi thảm làm giao động mỗi thớ thịt trong người. Những điều tư lợi ty tiện hằng ngày, những sự ganh ghét nhỏ nhen, những mối lo nghĩ tầm thường không còn có nghĩa gì nữa, niềm ưu lo và kinh hãi làm tim bỗng nhiên ngừng đập và sự khủng khiếp của cái chết đến xâm chiếm, như sự yên lặng xâm chiếm rừng thiêng trước một cơn bão nổi.

Ashenden ở trong viện dưỡng lão được ít lâu thì thấy một gã chừng hai mươi tuổi tới viện. Y là một trung-úy trên tàu ngầm, y mắc chứng bệnh mà người ta gọi trong truyện là chứng bệnh lao phổi cấp tính. Y là một thanh niên cao lớn, dễ thương, tóc nâu và quần tưng chùm, mắt xanh và nụ cười rất thuần hậu. Ashenden gặp hẳn hai hay ba lần nằm phơi nắng trên sân thượng rồi chàng ở suốt ngày với gã. Y rất hoạt động. Y nói về nhạc kịch và xi-nê, và y thích đọc báo, rất chăm chú tới kết quả các trận đấu túc cầu và đấu quyền Anh. Sau đó y phải nằm liệt giường và Ashenden không gặp lại y nữa. Người ta cho đi kiểm thân nhân của y, khoảng chừng hai tháng thì y chết. Y chết mà không oán hận gì cả. Y không hiểu đến cả cái điều đã xảy ra cho y như là một con vật vậy. Trong một hay hai hôm, phảng phất trong viện, giống hệt như trong một nhà tù, bầu không khí ngột ngạt như khi có một người treo cổ, nhưng rồi như là có một sự thỏa hiệp nhất loạt mọi người tuân theo bản năng tự tồn, quên ngay gã thanh niên đó, cuộc sống của toàn thể, với ba bữa ăn một ngày, cuộc chơi gon trên một bãi cù nhỏ, những buổi tập tành có giờ giấc, những sự nghỉ ngơi bắt buộc, những cuộc cãi vã và những mối tị hiềm, các điều "si-căng-đan" nhỏ và những điều bất mãn không đáng, cái cuộc sống tập thể ấy lại tiếp tục như cũ. Lão Campbell lại tiếp tục đàn vi-cầm những điệu cũ mèm làm lão Mc Leod điên tiết. Mc Leod lại khoe mãi những nước bài hay và mách lẻo về tình trạng sức khỏe và tập tục của các lưu trú viên khác. Cô Atkin lại báo cáo những chuyện mà cô vừa nghe góp được. Henry Chester lại tìm ra những lý sự cũ rích để phàn nàn các bác sĩ không hết lòng với trường hợp của gã và nguyên rủa số phận đã chơi gã một vở rất oái oăm, đối với gã là người đã có một đời sống mẫu mực điều hòa. Ashenden lại bắt đầu đọc sách và quan sát với một sự khoan dung thích thú những thói tật lạ lùng của các người đồng bọn.

Chàng kết thân với thiếu-tá Templeton. Ông ta phải ngoài tứ tuần. Ông đã phục vụ trong cận vệ binh trú phòng, nhưng ông đã xin giải chức sau chiến tranh. Rồi nhờ có khá nhiều tài sản, ông đã rốc hết thời giờ vào sự hành lạc. Mùa đua ngựa, ông đánh cá ngựa, mùa săn bắn, ông đi săn hươu, và khi các cuộc vui trên đã

mãn thì ông đến Monte-Carlo. Ông ta kể cho Ashenden nghe những số tiền ketch sù mà ông ta dành được hay thua. Ông ta rất thích đàn bà, và nếu tin được lời ông kể, thì ông ta rất có số đào hoa. Ông ta thích rượu ngon và cỗ sang. Ông thuộc cả tên đêm những người hầu bàn chính trong các khách sạn sang trọng nhất ở Luân-đôn. Ông ta gia nhập có đến nửa tá hội-đoàn. Trong bao năm ông ta đã sống một cuộc đời vô dụng, ích kỷ, vô bổ, cái đời sống mà tự hậu chắc không còn ai theo được, nhưng ông ta sống thanh thản và thấy rất dễ chịu. Một hôm Ashenden hỏi là nếu bây giờ phải bắt đầu lại tất cả thì ông ta phải làm gì, ông ta trả lời là sẽ sống đúng hệt như vậy. Ông kể chuyện có duyên, vui vẻ và cười không cười, không biết điều gì cho thật thấu đáo, ông ta nhìn mọi việc ở bề mặt nông cạn, một cách hời hợt, dễ dàng và chắc chắn ở mình. Lúc nào ông ta cũng có một câu nói dễ thương với những cô gái già dở hơi trong viện, và vài lời pha trò đối với các ông cụ hay câu kính, vì ông ta hòa hợp được cách xử sự quân tử với một lòng nhân ái tự nhiên. Ông ta biết cách đối đáp với những kẻ tân phú có nhiều tiền mà không biết xài việc gì, cũng như cách xử sự với những bậc quý tộc tinh tế nhất. Ông ta thuộc vào hạng người sẵn sàng đánh cuộc lớn, mau mắn giúp đỡ hạn hữu và biếu một tờ giấy bạc to cho một gã ăn xin. Nếu trong đời ông ta chưa làm được điều gì thật tốt, thì cũng chưa làm điều gì thật hại. Ông ta đã giữ một vai trò không mấy ý nghĩa trong cuộc sống. Nhưng ông ta dễ sống hơn nhiều người khác có nhiều giá trị hơn và có những đức tính cao đẹp hơn. Bây giờ thì bệnh tình ông rất nặng. Trường hợp của ông thật tuyệt vọng và ông ta biết như vậy. Ông ta cam chịu với một sự thung dung tươi cười như tất cả mọi sự việc khác. Ông ta đã hưởng thụ quá nhiều và không còn tiếc nuối gì, đã đại bất hạnh bị bệnh lao phổi, nhưng mà thây kệ ! người ta có thể sống mãi mãi được đâu, mà nghĩ cho cùng ví thử như mình chết trận hay đua ngựa nhảy qua chướng ngại vật mà gãy cổ thì sao ? Suốt đời ông ta đặt ra một nguyên tắc là khi đã thua cuộc thì phải trả tiền cá và đừng nghĩ ngợi gì nữa. Ông ta đã được hưởng thụ xứng đồng tiền và trò chơi đã diễn. Khi còn có sức phải biết hưởng thụ cho thấu đáo, còn có ở lại cho tới mãn cuộc hay phải dứt ra thì cũng không sao.

Trong số thân chủ của viện, ông ta về phương diện đạo đức chắc lẽ là người ít đáng chú ý nhất, nhưng ông ta là người độc nhất cam nhận thẳng thắn điều bất khả kháng với một tấm lòng thanh thản. Ông ta khinh khỉnh với cái chết và tùy tâm, ta có thể xem là sự khinh thường đó như khó coi, hay là cái thái độ vô tư đó là một điều can đảm.

Khi tới viện dưỡng lão chắc chắn không bao giờ ông ta nghĩ rằng ông ta lại gặp cơ hội si mê một cách đắm đuối hơn là ngày trước. Những cuộc trăng hoa của ông ta lúc trước khá nhiều nhưng không lâu bền, ông ta chỉ đắm đuối bốn cợt với các cô gái trong hộp đêm, liên lạc hời hợt với vài bà nửa nạc nửa mỡ gặp tình cờ trong các buổi dạ hội. Lúc nào ông ta cũng cẩn thận tránh những sự gần bó có phương hại đến sự tự do. Mục đích trong đời là tận hưởng những lạc thú, đối với đàn bà ông ta nghĩ rằng thay đổi luôn chỉ có lợi chứ không hại mấy may gì. Nhưng không vì thế mà tránh đàn bà được. Luôn luôn phải có họ bên cạnh. Lúc đã đứng tuổi rồi, mà nói với đàn bà ông ta vẫn không thể không nhìn họ triu mến và dịu giọng cho ngọt ngào. Để vui lòng họ ông ta có thể làm bất cứ việc gì. Các bà nhận ra được là mình làm cho ông ta chú ý, họ thấy thỏa lòng và nhầm lẫn tin rằng không khi nào ông ta bỏ được họ. Một hôm ông ta phát biểu ý kiến mà Ashenden cho là rất tinh tường sâu sắc :

— Bác thấy không, ai cũng có thể quyến rũ được một người đàn bà miễn là dốc hết công sức, chả có gì đặc biệt trong chuyện ấy cả. Nhưng chỉ có người đàn ông nào suốt đời yêu đương mới biết cách đuổi một người tình ra mà không làm cho người đó tủi nhục.

Lúc đầu, đúng ra là vì thói quen nên ông ta tán tỉnh cô Evie Bishop. Cô ta là thiếu phụ xinh nhất và trẻ nhất trong viện. Thật ra nàng cũng không trẻ lắm như Ashenden thoát tưởng. Nàng đã hai mươi chín tuổi, nhưng từ tám năm nay nàng chỉ lần lữa từ viện dưỡng lão này sang viện dưỡng lão khác, ở Thụy-sĩ, ở Anh-cát-lợi, ở Tô-cách-lan, sống như chậu cây ở trong lồng kính nên nàng đã giữ được vẻ thanh xuân làm cho người ngoài tưởng nàng chỉ mới hai mươi tuổi. Tất cả những điều nàng biết về cuộc đời, nàng

đều học được trong các đường đường, cũng vì vậy nàng đã hòa hợp được một cách kỳ lạ tính tình hết sức tế nhị với một sự cực kỳ ngây thơ. Nàng đã thấy diễn ra chung quanh khá lắm trò. Bao nhiêu người đàn ông đủ thứ quốc tịch đã tán tỉnh nàng, nàng yên lặng và vui thích để cho họ tán dương, nhưng khi nào họ muốn đi quá xa hơn thì nàng có đủ sự cứng rắn để chặn lại. Nàng tế nhị như một bông hoa nên không ai có thể ngờ tính tình nàng lại giàu nghị lực vậy, khi cần thiết, nàng đã biết trả lời phải chăng, rõ ràng và dứt khoát. Nàng cũng không mong gì hơn là bốn cọt chút đỉnh với George Templeton. Nàng hiểu rõ cái trò đó.

Templeton thì cũng như từ xưa tới nay vẫn rất thích tán tỉnh. Về phần Evie, tuy nhiên, nàng cũng tham gia một cách thanh thản vui đùa, chứng tỏ nàng đánh giá ông ta đúng mức và chứng tỏ rằng cũng như ông ta, nàng không chủ tâm coi việc đó là quan trọng. Cũng như Ashenden, Templeton cứ sáu giờ là đi nghỉ và ăn tối tại phòng, nên ông ta chỉ gặp được Evie vào lúc ban ngày thôi. Họ cùng đi bách bộ quanh quần, nhưng không có dịp nào khác để chỉ có hai người với nhau thôi. Bữa ăn trưa chuyện trò thì có tính cách chung cho cả bốn người cùng bàn là cô Evie, Templeton, Henry Chester và Ashenden, nhưng hiển nhiên là không phải vì một ai trong hai người đàn ông kia mà Templeton đã cố sức tỏ ra mình tài trí. Ashenden thấy dường như bây giờ không phải để cho qua thời gian mà ông ta tán tỉnh Evie : tình cảm ông ta mỗi ngày thành sâu đậm hơn và chân thật hơn, nhưng Ashenden không thể hiểu nàng có nhận thức được không, hoặc điều đó làm cho nàng vui không. Những bận mà Templeton liêu lĩnh thốt ra một lời quá âu yếm là nàng lại trả lời với một giọng châm biếm, làm cho cả bọn bật cười. Nhưng Templeton chỉ cười gượng, ông ta không còn muốn chỉ được xem như một người pha trò. Ashenden càng nhìn Evie Bishop chàng càng mến hơn. Trong cái vẻ đẹp bệnh hoạn với làn da trắng trong và khuôn mặt cốt cách, đôi mắt thật to và xanh tuyệt kỳ có chứa một điều gì làm rung cảm, cũng như trong sự cô độc của nàng, bởi vì cũng như bao nhiêu kẻ khác trong viện, hình như nàng không còn có ai là thân thích trên đời. Mẹ nàng suốt đời cách khứa hội hè, các chị em nàng đều đã có gia thất, xa

cách đã hơn tám năm trời. họ còn đề ý tới nàng là chỉ để làm tròn bổn phận với lương tâm. Họ vẫn thư từ với nàng, thỉnh thoảng lại đến thăm nàng, nhưng giữa họ và nàng không còn một giây yêu thương nào hết. Evie chấp nhận tình trạng đó mà không đau xót gì cả. Nàng dễ yêu với tất cả mọi người và nàng chịu khó nghe một cách thương xót những điều phàn nàn và những sự đau khổ của người khác. Nàng cố gắng tử tế với Henry Chester và làm hết cách để nâng cao tinh thần gã. Một hôm vào bữa ăn trưa nàng nói với y :

— Ông Chester à, hết tháng rồi, ngày mai bà nhà sắp đến. Hẳn là ông đợi sốt ruột lắm.

— Không ạ, tháng này nhà tôi không lên, y trả lời bình thản, mặt cúi xuống đĩa.

— Ồ, tiếc quá nhỉ. Vì sao thế ạ? Mấy em ở nhà vẫn mạnh chứ?

— Bác-sĩ Lennox bảo là nhà tôi không lên thì tốt cho tôi hơn.

Im lặng một lúc. Evie nhìn y lo ngại. Templeton lên tiếng với giọng thân mật :

— Thế thì hơn được cái gì? Sao bác không thầy kê bác-sĩ Lennox.

— Thế nào ông cũng biết nhiều hơn tôi, Henry Chester trả lời.

Evie lại nhìn y lần nữa, và nàng bắt đầu nói sang chuyện khác.

Ashenden nghĩ ra là nàng đã đoán được sự thật. Ngày hôm sau chàng có cơ hội đi dạo một vòng với Chester. Chàng nói :

— Bác gái nhà không lên được thật tiếc quá. Chắc rồi bác nhớ lắm đấy.

— Vâng, nhớ lắm.

Gã liếc nhìn Ashenden có cảm tưởng là gã có điều gì muốn nói, nhưng gã chưa quyết định được. Gã nhún vai một cách bức dọc :

— Nhà tôi không lên là vì lỗi tôi. Tôi có yêu cầu bác sĩ

Lennox biên thư bảo nàng ở nhà. Tôi không thể chịu đựng nhà tôi đến thăm viếng nữa. Ròng rã suốt tháng tôi sốt ruột trông đợi nhà tôi đến, và khi gặp mặt là y như tôi thù ghét nhà tôi. Bác hiểu cho là tôi không thể biết được vì sao tôi lại mắc cái bệnh khốn kiếp này. Nhà tôi thì lại lực lưỡng, khỏe mạnh, đầy sức sống. Cứ nhìn trong mắt nhà tôi sự đau đớn tôi gây ra cho nàng là tôi phát điên lên. Thật ra thì chuyện đó ăn thua gì tới nàng? Khi mình bệnh hoạn ai còn thiết nghĩ gì đến mình nữa? Tất cả đều làm bộ như thương tiếc chúng ta, nhưng thật là họ sung sướng hết sức khi thấy chính là bác với tôi bị bệnh chứ không phải họ. Tôi làm bác tổn phải không?

Ashenden mừng rỡ lại bà Chester ngồi trên phiến đá bên vệ đường, và khóc lóc đau đớn.

— Bác không sợ là không đề cho bác gái lên, bác ấy sẽ buồn lắm à?

— Rồi nhà tôi cũng phải quen đi. Mỗi sự đau xót của tôi cũng đủ rồi, thêm sự đau khổ của nhà tôi ích gì.

Ashenden không biết trả lời ra sao và hai người tiếp tục tiến bước yên lặng. Bỗng Chester thốt giọng tức giận:

— Đối với bác, bác tỏ ra khoan hồng, đại lượng thì dễ quá. Vì bác còn sống. Chứ tôi thì tôi sắp chết rồi, mà trời đất ơi, tôi đâu muốn chết. Mà vì sao tôi lại phải chết chứ? Thật là tàn nhẫn bất công.

Thời gian trôi qua. Trong viện dưỡng lão này chả có mấy việc để bận tâm trí nên hiển nhiên là mọi người chỉ trong ít lâu đều biết chuyện George Templeton phải lòng cô Evie Bishop. Nhưng mà biết được chính nàng nghĩ sao về chuyện đó thì thật không phải dễ. Rõ ràng là nàng thích trò chuyện với ông ta, nhưng nàng không tìm kiếm những dịp ấy, chưa kể là hình như nàng lại chủ tâm không chuyện trò riêng với ông ta. Một hay đôi bà đứng tuổi cố gạn hỏi nàng, nhưng nàng dự trí thông minh để không mắc vào mưu mô của họ và khi họ hỏi cặn kẽ hơn thì nàng trả lời bằng một nụ cười âm ỉ. Nàng đã thành công hoàn toàn là làm cho họ phần

— Cô ấy đâu có ngốc gì mà không thấy ông ta si mình.

— Sao cô ấy lại đùa giỡn ông ta như thế.

— Tôi chắc măm là cô ta cũng mê lão như lão mê cô ta vậy.

— Bác si Lennox phải cho bà cụ cô ta hay chứ ?

Không người nào phát biểu ý kiến sắc nhọn bằng lão Mc Leod :

— Thật là xuẩn. Thế rồi đi đến đâu. Lão ta thì lao đến tận tủy xương rồi, và cô ta thì cũng chả hơn được gì.

Campbell thì ngược lại tỏ vẻ phúng tiếu và tục tằn :

— Thì còn sống được ngày nào cứ đề cho họ thỏa thích ngày đó. Dưới tây chắc chắn là anh chị tăn măn chút chơi chứ gì, và tôi thì xin tán thành diêm đó.

— Đê tiện ! Mc Leod thốt lên.

— Thôi, xin đủ. Lão Templeton đâu có phải là người có tình cao thượng khi giao du với cô ta và còn cô ta cũng chẳng phải là không biết chút ít mùi đời đâu.

Ashenden là người gặp họ thường nên hiểu rõ hơn ai hết. Ít ra thì Templeton cũng đã tâm sự với chàng. Chính ngay ông ta cũng ngạc nhiên về điều xảy ra.

— Kể thật cũng lạ, là đến tuổi tôi mà còn yêu thương một thiếu nữ. Tôi cũng không ngờ lại đến đường này. Và không còn nghi hoặc gì nữa, tôi si hoàn toàn rồi, tôi mà còn được khỏe mạnh chút đỉnh thì sáng mai tôi xin hỏi cưới nàng ngay. Tôi chưa hề gặp ai dễ thương như nàng. Hồi trước tôi cứ tưởng các cô gái, tôi muốn nói các cô gái nhà khuê các, thì thật là chán mớ đời. Thế mà nàng thì vui vẻ làm sao, và thông minh rất mực. Lại còn xinh đẹp nữa. Trời, da đâu mà mịn thế ? Lại tóc nữa ! Nhưng không phải những điều đó làm cho tôi cảm như một cậu học sinh đâu. Bác có biết tôi cảm vì sao không ? Cứ nghĩ đến lại càng thấy ngốc quá. Một lão già như tôi ! Chính là vì nàng đức hạnh. Thật là chết cười, phải không ? Cho đến bây giờ tôi không khi nào đề ý đến nét na đức hạnh của người đàn bà cả, mà lần này thì chắc chắn là vì điều đó mà tôi cảm. Cô ta ngoan ngoãn quá, làm tôi đâm ra lạnh lạng như một con cừu non. Bác lấy làm ngạc nhiên phải không ?

— Ngạc nhiên gì đâu, Ashenden trả lời. Chán gì người từng trải mà vương lụy gái thơ ngây. Khi có tuổi, lại càng trở nên đa cảm chứ sao.

— Bác thật là thâm, Templeton cười nói.

— Mà nàng thì tính sao ?

— Trời ơi ! Bác tưởng là tôi lại đi nói chuyện đó với nàng sao ? Tôi chưa bao giờ nói với nàng lấy nửa lời có tính cách riêng tư. Chắc bệnh tôi thì cũng còn được sáu tháng, và lại ngoài ra tôi còn đem đến được điều gì cho một thiếu nữ như nàng nữa ?

Ashenden cũng gần như chắc chắn là nàng cũng yêu Templeton như Templeton yêu nàng. Chàng đã nhận thấy má cô ửng đỏ mỗi lần Templeton bước vào phòng ăn, hoặc là để ý thấy ánh mắt triu mến thỉnh thoảng nàng liếc nhìn ông ta không nhìn vào phía nàng. Nụ cười của nàng có một vẻ đằm thắm đặc biệt khi nàng nghe ông ta kể vài câu chuyện ba đào ngày xưa của ông ta. Ashenden có cảm tưởng là nàng đang được sưởi ấm với mối tình thắm đậm đó cũng như các bệnh nhân trên sân thượng đang sưởi ấm với ánh dương, mắt nhìn phong cảnh tuyết, nhưng cũng rất có thể là nàng không có ý định đi xa hơn. Dù sao mặc lòng, cũng không phải phải việc của chàng là nói cho Templeton rõ điều mà có lẽ nàng không muốn cho ông ta biết.

Đúng vào lúc ấy, một việc ngẫu nhiên xảy ra làm gián đoạn sự buồn tẻ hằng ngày. Tuy hai ông già Mc Leod và Campbell luôn luôn như sừng với đầu, họ vẫn thường ngồi đánh bài với nhau, vì cho đến khi Templeton vào viện, họ được tiếng là những tay chơi hay nhất. Họ cãi vã nhau không ngớt và tranh luận liên miên khi cùng phân tích các nước đòn. Sau bao năm chung sống, người này thuộc lòng ngón chơi của kẻ kia và rất lấy làm khoái trá tìm cách bắt chẹt nhau. Templeton thường từ chối không chơi chung với họ, tuy ông ta là một tay bài có hạng, ông ta chỉ thích chơi với Evie Bishop, người mà hai lão Mc Leod và Campbell đều đồng ý liệt vào hạng tay non. Nàng thuộc vào hạng người đánh bài có lỗ nước và thua một cuộc thì cười và nói « Dù sao, ăn thua chút đỉnh có khác gì ? » Tuy nhiên vào một buổi trưa cô Evie nhúc đầu phải đi nằm, Templeton

bắt buộc phải ngồi đánh với Campbell và Mc Leod. Ashenden ngồi tay thứ tư. Mặc dù đã cuối tháng ba rồi, mà liên tiếp trong mấy hôm tuyết rơi rất nhiều, bọn họ ngồi trong hành lang thoáng gió lạnh nên đều mặc áo choàng có lông thú, đội mũ và mang găng tay. Tiền đặt quá ít đề cho một tay bạc vào hạng Templeton chú ý ăn thua nên ông ta mặc sức đánh liều lĩnh, nhưng vì ông ta cao tay hơn ba người kia xa quá nên lúc nào cũng đủ điểm hay ít nhất có thua thì cũng sát nút.

Tuy vậy mọi người cũng chệt và tố nhau dữ. Bời chơi rất nhiều ván nên gọi phỗng không biết bao nhiêu lần. Canh bạc trở nên gay gắt, Mc Leod và Campbell thắng lời đớp chát lẫn nhau. Lúc năm giờ rưỡi, bắt đầu chơi ván cuối vì đến sáu giờ, chuông reo thì mọi người đều phải đi nghỉ. Ván bài ăn thua quyết liệt, hai bên đều hết sức ra tay, Mc Leod và Campbell chơi thật hăng, bên nọ quyết tâm không cho bên kia thắng. Đến sáu giờ thiếu mười hai phút vẫn còn ngang ngửa và bắt đầu nước cuối. Templeton một phe với Mc Leod, và Ashenden ở bên phía Campbell. Bắt đầu Mc Leod hỏi hai lá chuồn, Ashenden nhin, Templeton đánh đờ cánh của mình và kết cục Mc Leod khui. Campbell phỗng và Mc Leod phỗng lại. Nghe tiếng, khách chơi bài các bàn chung quanh đều ngừng tay đến vây quanh và ván bài tiếp tục trong sự im lặng tuyệt đối giữa đám người nhỏ đứng xem Mc Leod tái xanh mặt vì xúc cảm, mồ hôi tuôn thành hạt trên trán, tay lão run lên. Campbell thì dửng dưng. Mc Leod đi hai nước đều thắng cả. Lão khui lần cuối và ăn cả làng. Người đứng xem vỗ tay reo cười. Mc Leod hãnh diện chiến thắng, đứng dậy giang nắm tay về phía Campbell, thét lớn :

— Rồi nhé, bây giờ trở đi, xin đề mặc sức cho cụ kéo đàn. Trời, tôi chỉ muốn ù được một ván như thế này đã bao nhiêu năm ! Bây giờ thì thỏa rồi. Trời ơi, trời ơi !

Lão nghẹn lời, lão lão đảo cổ đi được vài bước và ngã nằm ngang trên một cái bàn. Một tia máu tuôn ra từ cửa miệng. Một người trong đám chạy đi gọi bác sĩ trong lúc các cô y tá xúm lại. Lão đã chết.

Người ta chôn cất lão hai ngày sau, vào buổi sáng sớm để cho các bệnh nhân khác khỏi bị giao động vì thấy đám tang. Có một người thân nhân vận tang từ Glasgow đến dự lễ. Lão không có lấy một người yêu thương. Không có lấy một người tiếc nuối. Độ một tuần lễ sau, nếu chỉ xét đại khái phía ngoài, lão đã bị quên lãng. Ông lão người Ấn-độ ngồi thay chỗ lão ở bàn ăn chính và lão Campbell dọn đến ở căn phòng mà lão ưa thích từ lâu.

Bác sĩ Lennox nói với Ashenden :

— Bây giờ thì ta mới yên ổn đấy. Ông cứ nghĩ là chúng tôi đã phải chịu đựng hai lão già cãi vã và trách móc nhau như thế năm này qua năm khác... Ông tin tôi đi, phải nhẫn nại lắm mới cai quản được một viện dưỡng lão. Cứ nghĩ là sau bao nhiêu chuyện phiền hà lão gây cho tôi, lão lại tìm ra được cái cách chết bí mật nhất làm mọi người đều lên ruột cá.

— Vâng, đúng vậy, mọi người đều giao động là phải.

— Lão chả có gì hay ho cả thể mà chết đi làm bao nhiêu bà trong viện này buồn đấy. Cô Bishop khóc hết bao nhiêu là nước mắt.

— Cô ấy là người độc nhất khóc vì lão chứ không phải khóc vì nghĩ tới số phận mình.

Nhưng mà rồi trong một thời gian lại thấy có một người cũng không quên được lão. Lão Campbell đi đi, lại lại như một con chó lạc lồng. Lão không đánh bài nữa. Lão không nói chuyện nữa, không thề nhảm lẫn được : lão nhớ lão Mc Leod. Liên tiếp mấy hôm, lão ở lì trong phòng và bảo dọn cơm ăn tại đấy, rồi lão đến gặp bác sĩ Lennox bảo là lão không thích cái phòng này bằng phòng trước và lão muốn dọn trở về. Bác sĩ Lennox nổi giận, điều mà ít khi xảy ra, trả lời với lão là lão đã đòi cho được cái phòng ấy lâu quá rồi : bây giờ thì hoặc là lão ở đấy hoặc là lão đi ra khỏi viện. Lão Campbell từ từ đi trở về phòng và ngồi trầm tư, vẻ buồn bã. Sau cùng cô y tá nói với lão :

— Sao cụ không đàn đi. Có đến mười lăm hôm nay cháu không nghe cụ đàn nhỉ.

— Tôi không đàn nữa.

— Sao thế ?

— Vì không thích nữa. Lúc trước khác là vì tôi biết tôi mà đàn thì ông cụ Mc Leod điên tiết lên. Bây giờ thì tôi có đàn hay không cũng chẳng ai để ý tới. Từ giờ tôi không đàn nữa.

Quả thế, trong suốt thời gian Ashenden còn ở lại trong viện, không lúc nào nghe lão đàn nữa. Điều kỳ lạ, là sau khi lão Mc Leod mất đi, cuộc đời không còn chút gì hứng thú đối với lão Campbell. Không còn ai để cãi vã, không còn ai để trêu tức, lão mất hết mọi điều kích thích và người ta không còn hoài nghi được là chắc trong ít lâu thì lão cũng sẽ theo gót người thù địch của lão về với đất trời.

Nhưng cái chết của Mc Leod lại gây cho Templeton một ảnh hưởng khác mà kết quả bất ngờ lại xảy ra sau đó. Ông ta nói với Ashenden giọng lạnh lùng và bất chấp.

— Chết được trong một lúc vinh quang như thế cũng đáng. Tôi chả hiểu sao mọi người ở đây lại rối loạn lên thế. Lão ta đã ở đây hằng năm và hằng năm rồi phải không ?

— Như tôi biết là mười tám năm.

— Kéo dài lâu như thế thì ích gì ? Tôi tự hỏi là có nên huy hoàng một lúc trong đời không, sau muốn ra sao thì mặc !

— Cái đó còn tùy ở chỗ bác tha thiết sống ít hay nhiều chứ ?

— Nhưng mà sống như trong này có thật là sống không ?

Ashenden không trả lời gì cả. Chàng nhiều hy vọng là trong vài tháng nữa sẽ bình phục được, nhưng chỉ thoáng nhìn qua Templeton cũng hiểu là ông ta không bao giờ khỏi được bệnh cả. Cái chết đánh dấu trên dung nhan ông ta.

— Bác có biết tôi vừa làm gì không ? Templeton hỏi. Tôi đã hỏi cưới Evie.

Ashenden kinh ngạc.

— Cô ấy trả lời sao ?

— Lạy chúa phù hộ cho em yêu dấu của tôi. Em tôi trả lời

là suốt đời chưa bao giờ nghe một chuyện kỳ cục như vậy và chắc là tôi đã hoàn toàn mất trí mới nghĩ đến chuyện cưới xin.

— Bác phải công nhận là cô ta nói đúng.

— Đúng quá đi chứ. Nhưng mà em tôi vẫn chịu kết hôn với tôi.

— Thế này thì điên rồi.

— Đồng ý là điên, nhưng chúng tôi thấy kệ. Chúng tôi sẽ lên gặp bác sĩ Lennox đề hỏi ý kiến ông ta.

Bấy giờ đang ở vào những ngày rét cuối mùa đông. Trên đỉnh núi vẫn còn tuyết, nhưng trong thung lũng và dưới sườn đồi tuyết đã tan rồi, thông đã đâm chồi sắp sửa nảy lộc. Táo vạt hân hoan đón xuân. Thời tiết đã ấm. Mọi người đều cảm thấy hăng hái, đôi người lại còn vui sướng. Những người khách già thường chỉ đến ở trong viện vào mùa đông, đã dự toán trải xuống miền Nam. Templeton cùng Evie cùng đến gặp bác sĩ Lennox và trình bày dự định của họ. Ông ta khám họ, chiếu quang tuyến và lấy nhiều thứ tiết dịch để đưa phân chất. Bác sĩ Lennox hẹn ngày cho biết kết quả khám nghiệm cùng thảo luận về dự định, căn cứ trên những yếu tố của hiện trạng.

Đến ngày hẹn, Ashenden được thấy hai người ngay vào lúc họ đi vào văn phòng bác sĩ Lennox. Cả hai đều lo ngại nhưng cũng đều cố gắng hết sức để bông đùa. Bác sĩ Lennox trình bày các kết quả thử nghiệm và giải thích cho họ bệnh tình trầm trọng thế nào. Tức thì Templeton nói :

— Tất cả cái này thì đúng quá rồi, nhưng mà điều chúng tôi muốn biết chỉ là chúng tôi có thể kết hôn được không ?

— Làm vậy thì thật là liều lĩnh hết sức.

— Chúng tôi hiểu vậy, nhưng mà ngài không cấm hẳn chứ ?

— Nếu quý vị mà có con là một tội ác.

— Chưa bao giờ chúng tôi dự tính có con cả, Evie trả lời.

— Vậy nhé ! tôi xin tóm tắt vài lời về tình trạng của quý vị, sau đó quý vị tính thế nào cho phải thì tính.

Templeton nhìn Evie cười mặt xanh nhợt và cầm lấy tay nàng. Bác sĩ tiếp lời :

— Theo tôi thì cô Bishop không khi nào đủ sức để sống bình thường cả, nhưng nếu cô vẫn tiếp tục sống trong những điều kiện như từ tám năm nay...

— Trong viện dưỡng lão ?

— Vâng. Thì không có lý nào cô ta lại không kéo dài được, chắc là không tới tuổi thật già, nhưng ít nhất cũng bằng một người thường có hy vọng sống. Bệnh trạng không ở thời kỳ hoạt động. Nếu cô định lấy chồng, nếu cô tính sống bình thường như mọi người, thì những tiêu diễm nhiễm trùng có thể lại bột phát, và lúc đó không ai có thể tiên đoán được nó sẽ tiến triển thế nào ? Riêng về trường hợp của ông Templeton tôi sẽ vẫn tắt hơn nữa. Ông vừa nhìn phim quang-tuyến xong. Phổi ông đầy rẫy vi trùng. Nếu lập gia đình, ông sẽ không cầm cự nổi sáu tháng.

— Và nếu tôi không lập gia đình thì cầm cự được bao lâu ?

Bác sĩ do dự.

— Xin bác sĩ chớ ngại. Xin bác sĩ cứ nói thật cho tôi biết.

— Hai hay ba năm.

— Đa tạ bác sĩ, tôi chỉ muốn biết có thể.

Hai người đi ra cũng như lúc đi vào, tay trong tay, Evie thầm khóc. Không ai biết họ nói chuyện gì với nhau ; nhưng lúc họ trở lại ăn trưa thì dáng điệu rất vui sướng. Họ báo cho Ashenden và Chester biết là họ sẽ làm lễ cưới tức thời sau khi xin được phép miễn thủ tục công bố kết hôn. Và Evie quay sang phía Chester :

— Bác gái mà lên dự đám cưới được thì thật tôi sung sướng quá. Bác nghĩ là bác gái lên được không ?

— Hai bác làm lễ ngay ở đây ấy à ?

— Đúng thế. Bà con hai họ lại không chịu thỏa thuận cho xem, chúng tôi đành chờ cho xong hết mới báo tin cho họ. Tôi sẽ nhờ bác sĩ Lennox ngày đó đứng chủ lễ cho tôi trước mục sư.

Nàng tru ái nhìn Chester, chờ y nói vì y chưa trả lời cho nàng. Sau cùng khi y lên tiếng thì giọng y có vẻ hơi run run :

— Cô thật là tử tế muốn mời nhà tôi lên dự lễ. Tôi viết thư ngay cho nhà tôi để báo tin vui.

Tin này tức thì truyền lan khắp các bệnh nhân. Ai cũng chúc mừng họ. Nhưng phần đông thì thầm là họ điên khùng. Tuy nhiên khi người ta biết được — vì chóng hay chầy trong viện dưỡng lao điều gì rồi cũng biết được cả — là bác-sĩ Lennox đã nói với Templeton rằng nếu ông ta lấy vợ, ông ta sẽ chết trong sáu tháng nữa, thì mọi người đều xúc động và thôi không thì thầm nữa. Cả đến những người khô khan nhất cũng cảm động với ý nghĩ là hai kẻ kia yêu đương nhau đến độ quyết định hy sinh cả đời sống cho tình yêu. Một bầu không khí nhân ái và thiện chí tràn lan khắp dưỡng viện : những người giận lẫy nhau bắt đầu trò chuyện lại, đôi kẻ khác quên đi trong chốc lát nỗi ưu lo của mình. Mỗi người như chia xẻ hạnh phúc của đôi lứa. Không phải chỉ hơi xuân đã đem niềm hy vọng mới đến cho các tâm hồn bệnh hoạn này, cái tình yêu cao cả đã xâm chiếm người đàn ông và người thiếu nữ ấy hình như đã tỏa rộng ra đến tất cả mọi người xung quanh. Evie vui sướng trong sự tràn ngập hạnh phúc, sự vui vẻ hiện trên mặt nàng làm nàng trẻ và đẹp hơn lên. Templeton thì hình như ở trên mây. Ông ta cười và đùa giỡn như không còn một mây may ưu tư gì. Người ta có thể tưởng là ông ta hy vọng sống hằng năm hạnh phúc liên miên. Vậy mà ông ta tâm sự với Ashenden :

— Bác thấy chứ, ở trong viện này cũng không đến nỗi khó chịu lắm. Evie hứa với tôi là khi tôi yên mồ, đẹp mã, nàng sẽ trở về sống ở đây. Nàng quen thuộc mọi người và sẽ thấy đỡ cô đơn.

— Bác sĩ nhầm là thường, Ashenden nói. Nếu bác sống chừng mực, tôi không thấy tại sao bác lại không kéo dài được khá lâu nữa

— Tôi chỉ xin ba tháng thôi, không hơn nữa. Được vậy thôi là tôi đã lắm rồi.

Bà Chester đến viện hai hôm trước ngày lễ cưới. Bà ta không

thấy mặt chồng đã mấy tháng nên họ gặp nhau lại hơi ngỡ ngàng. Ai cũng đoán được dễ dàng là khi đôi người đôi bóng với nhau, chắc họ sẽ không được tự nhiên lắm. Tuy nhiên, Chester cố hết sức để xua đuổi nỗi ưu tư đã trở thành cố hữu và ít nhất là trong những bữa ăn, y đã trở thành con người hào hiệp như trước khi y lâm bệnh. Trước hôn cưới, cả bọn dùng cơm tối với Ashenden và Templeton. Họ uống rượu sâm-banh và nói chuyện đùa, cười và bỏn cợt mãi đến mười giờ đêm. Sáng hôm sau lễ cưới cử hành trong nhà thờ nhánh trường lão. Ashenden làm phụ rể. Trong viện, người nào còn đủ sức đứng dậy đều đến dự lễ. Sau bữa ăn trưa cô dâu và chú rể sẽ đi ngay. Bệnh nhân, bác sĩ và nữ y tá tụ họp lại để tiễn họ lên xe. Không biết ai đã đem cột một cái móng ngựa cũ vào sau xe và khi vợ chồng Templeton ra khỏi cửa viện, người ta còn vút gạo vào xe hoa. Tiếng hoan hô vang dậy khi xe chạy tiễn họ vào tình yêu và vào cõi chết. Rồi đó đám đông từ từ tản mác. Vợ chồng Chester đi chậm rãi bên cạnh nhau. Một lúc sau y rút rẽ cầm tay vợ. Nàng tưởng như tim mình ngưng đập. Liếc nhìn sang bên, nàng thấy mặt chồng đầy lệ. Y nói :

— Em tha lỗi cho anh. Anh thật tàn nhẫn với em quá.

— Em biết là anh đâu có ý nghĩ như vậy, nàng đáp ứng trả lời.

— Không, anh đã cố ý như vậy. Anh muốn em cũng phải đau khổ vì anh đau khổ quá. Nhưng bây giờ thì hết hẳn rồi. Tất cả chuyện gì xảy ra giữa Templeton và Evie Bishop... anh không biết nói sao cho em hiểu, nhưng mà chuyện đó đã làm cho anh nhìn đời một cách khác. Bây giờ mà có chết anh cũng xem như không. Anh không còn coi trọng cái chết nữa, — ít trọng hơn là tình yêu. Anh cầu mong em được sống, và em được sống sung sướng. Anh không còn ganh ghét, tị hiềm với em nữa. Bây giờ thì anh muốn là chính anh phải chết chứ không phải em chết. Anh chỉ ao ước là em hưởng đủ mọi thứ tốt đẹp trong đời. Em à, anh yêu em lắm.

NGUYỄN-PHÚC BỬU TẬP
& HOÀNG-NGỌC-KHÔI dịch

● truyện thơ sáng tác ●

dấu chân của đá

NGUYỄN - PHAN - THỊNH

thức dậy em ơi như một con mèo
thức dậy và chúng mình khóc
hòn đá lăn đến chân anh rồi ở đó
hòn đá ngủ đỏ em.
một chút rêu bám trong lòng buồn anh
như màu xanh nơi mắt em
anh quì xuống vỗ về đá như tay mình
vào những sáng em chưa dậy
vào những sáng giấc mơ em còn cười
trên cổ anh
em ạ anh sẽ choàng khăn lụa đỏ
để nhớ những nụ hôn khi yêu nhau
em ạ anh sẽ đeo nhẫn mọi ngón tay
để nhớ tay em đan
và anh sẽ đi ngoài mưa mãi
để nhớ em khóc xuống thân anh
và nhớ hơi thở em
trong mỗi hơi anh thở

thức dậy em ơì như một con mèo
sau cơn ve vuốt
như hòn đá đỏ lăn một mình
trong túi anh sẽ mang theo
như hòn đá đỏ rêu vỏ về
như em trong tim anh
và thôi anh sẽ gọi tên em
như hòn đá lăn trên mặt đất
như hòn đá lăn thật buồn rầu
như tình em với anh.

vây hãm của cô đơn

NH. - TAY - NGÂN

Một hôm đưa bạn thỉnh linh hỏi : mày có một lý tưởng nào để bám víu mà sống ? Tôi cười ngất, cười đồ nước mắt mũi và ngạc nhiên vì vô số âm thanh giống kim nhọn châm lưng bùng hai tai.

Trong một quán ăn tồi tàn về đêm ở chợ Mouffetard, một người đứng tuổi bảo tuổi trẻ bây giờ sa đọa quên mọi bổn phận làm người ; tôi làm thỉnh ăn hết tô phở, tô phở nhiều tiêu ớt cay bùng trong khi hấn hăng say chỉ dạy thương hại phương

cách thành công cuộc đời — không có gì khó cả; tôi đứng dậy bắt tay và cảm ơn, hấn nói miễn tôi, tôi hao giống đứa con hấn — thằng ngu đàn đó đã tự tử vô cớ. Ra đường tôi sặc khói thuốc tới lợm giọng, tôi cúi giận thốt chửi hết sức tục tũ. Con lộ tường vách siêu vẹo tối đen; tôi vấp phải một tên say nằm lăn vệ hè, hấn nhè nhè mời tôi uống hết chai rượu và hút hết gói Gitanes.

Những ngày cuối đông tôi sợ sách vở lánh mặt bạn bè lang thang hết đường phố túi thân như con chó ghẻ. Xe cộ mở tốc lực đuổi bắt chực xô vào tôi ngấu nghiêng ngon lành.

Những người cảnh sát to lớn già nua rúc tu huyết inh ỏi, người từ các lâu đài mốc meo túa ra tưởng chừng trái đất sắp nổ. Tôi chạy trốn cho hết một đời, chạy trốn hoài hoài những tư tưởng mâu thuẫn địa đới, sự hành hạ muôn kẻ chung quanh. Ôi nếu được yên thân tôi mong làm thẳng cụt đầu.

Tôi gặp người đàn bà đồng hương nhần nheo dưới tầng mây đông, bà đã khóc dễ dàng cho nỗi vong bật không ngày hẹn về

xứ sở, nhận một nơi chốn xa lạ của chồng con, thời gian rút rĩa dần dần trí nhớ.

Tôi ngủ vùi trên chuyến xe lửa ra ngoại ô, khối đầu hun hút hang động, tôi cựa quậy như một hình nộm, cơn sốt lên cao, bóng đêm lan đặc. Ba giờ khuya có tiếng gà gáy, tôi chỗi dậy ngó trờng qua khung cửa tới khi bầu trời lộ màu trắng đục. Lúc ấy làn khói nặng nề trờ lên từ đầu những ống khói ngọn cây đen trần trụi. Tôi lấy giấy viết ra trước mặt, nỗi cô đơn hằng cửu tủa như tâm thể. Tại sao anh không viết cho em một bức thư vào những lúc này ?

Khi anh yêu em.

Tình yêu như lửa đêm mùa hạ.

Chúng ta nhảy nhót tung bừng

Khóc lóc không thôi

Cho mỗi tuyệt tằm của tuổi trẻ

Anh tìm ra sự ngây ngất của một kiếp người

Bằng những đục tình không giam hãm

Bằng những đêm nhiều sao thật đẹp

Hay nhớ nhau mỗi sáng mùa đông

Tuyết bám đầy vai tượng.

d i n g ô n

TẦN-HOÀI DẠ-VŨ

rồi anh sẽ gối đầu lên giấc mộng
ngủ quên đời trong giường mộ bình yên
em hãy khuấy hai tay làm biển động
che giùm anh tiếng đại bác vang rền

xin em hãy liếm anh bằng tiếng liát
đắp mặt anh bằng mái tóc em buồn
cho anh quên những xác người tan nát
những kềm gai còn rào kín tâm hồn

em có nhớ, thấp hương bằng nước mắt
ngọt vô cùng anh sẽ uống no say
đề anh quên chuyện trần gian đói khát
chén cơm đen muối mặn nuốt qua ngày

và em hãy viết thư bằng cỏ tích
dừng nhắc chuyện quê hương nội chiến
hận thù

anh sẽ tưởng hồn anh không xiềng xích
bay tìm em dù gió cát, sương mù

anh sẽ dựng nhà với chân tay làm cột
giăng mừng cỏ xanh ngời đợi em về
hai chúng mình sẽ bắt đầu hạnh phúc
túi thẹn này rồi con cháu quên đi.

DUY - LAM

lạc lõng

NHẬT KÝ CỦA TƯỜNG :

Ngày... tháng... năm 195...

— Sáng nay nghỉ, Bernard rủ mình đi một vòng trên chiếc mô tô Harley vừa sửa lại sau tai nạn khiến hắn gãy tay trái, phải bó bột nằm nhà thương, mình nhận ngay không từ chối. Không phải lần đầu chơi cái trò casse-cou với hắn. Hắn khoái tốc lực như một đứa trẻ tinh nghịch, chốc chốc cứ quay hẳn đầu lại nói chuyện với mình. Gió thổi mạnh bạt cả hơi. Hai bên đường cảnh vật chạy vùn vụt, tất cả đều mờ ảo, mình nhìn soi vào cặp mắt xanh lơ dưới hàng lông mi cong dài con gái trinh của hắn. Hắn có một lối cười bằng cả khuôn mặt giống giống mẹ mình hồi trẻ. Hắn cười hoài dù hai thằng chỉ trao đổi những chuyện rất thường. Hắn nói hắn thấy Huế là một thiên đàng. Hắn đã đi rất nhiều và chưa thấy đâu khiến hắn quyến luyến bằng Huế. Hắn đã đóng ở bờ bệ Côte d'Azur bên Pháp 2 năm, sau khi mới tốt nghiệp St Cyr.

« Chán lắm ! » Mình hỏi hắn chán cái gì, đui với vẽ đàn bà ? Hắn hỏi lại « Đui vẽ nào ? » Câu hỏi lại thật đúng hắn. Từ dạo quen đến nay chưa lần nào thấy hắn dả động đến chuyện đàn bà. Đôi khi tự hỏi hắn ở đâu lạc đến đây. Luôn luôn có cảm tưởng hắn

vì một phương diện nào đó, cũng lạc vào cuộc chiến tranh này như mình. Có lần gặp hân mặc sơ-mi trắng xắn tay, quần lạt không lấy gì thắng nếp, tay bỏ túi, chân lê đôi giày da sport cũ, nhàu nhia giữa chợ Đông-ba. Hỏi hân đáp « Đi chơi chợ » bằng tiếng Việt rất sôi.

Hân có cái đặc biệt là khoái nghe nhạc cổ Huế, Nam-ai. Nam-bằng. Hân có rất nhiều đĩa, nhiều bản hò Huế mình cũng chưa hề nghe. Hân khoái cả đọc « Hồn Bướm Mơ Tiên ». Ca alors ! Không những không đá động đến đàn bà, hân cũng chẳng bao giờ bàn đến chuyện đánh nhau, chiến thuật V.C. v...v... Hôm nào mình phải ép hân vào chân tường, hỏi kỹ được ý nghĩ của hân về cuộc chiến này mới được.

Ngày... tháng... năm 195...

— Rủ Bernard ngủ « Đò hoa ». Hân không lộ vẻ bối rối, cười nu cười trẻ con của hân, trả lời « Tối nay tôi đang bận đọc dở cuốn sách ». Hân chỉ vào cuốn sách mở đặt trên bàn. « Việt-nam Sử-lược » của Trần-Trọng-Kim. Không biết nên cười chớ riều hay ngạc nhiên. Hân muốn tìm gì trong di vãng của nước mình ? Trong khi chính mình sống tại một nơi đầy di tích lịch sử, lại chỉ lưu tâm đến thực tại và những biến chuyển nội tâm thì hân, một người Pháp từ xa tới, bỏ thời giờ ngồi ở một chiếc bàn gỗ đen chạm trổ chung quanh, đằng trước là một chiếc hồ đầy sen và đọc sử Việt !

Ngày... tháng... năm 195...

— Tối qua đến thăm Bernard khá khuya. Khi đỗ xe, qua khung cửa sổ hình bát giác, thấy khuôn mặt profil thanh tú của hân cúi trên trang giấy, môi mọng đỏ mím lại chăm chú giống học trò gào thi, tự nhiên cảm thấy dễ chịu, thoáng một nỗi buồn vừa nên thơ vừa thất vọng ngậm ngùi. Chẳng hiểu tại sao. Đôi khi mình cảm thấy sợ cho số phận Bernard. Nghi rằng cuộc chiến tranh đầy thảm hại này đâu có dung thứ cho một người như hân. Mình rẽ chiếc màn trúc bước vào. Hân đứng dậy vội vàng lại gần, miệng cười nhăn cả hai bên đôi mắt. Chân tay hân hơi ngắn, thô, dáng đi hơi đánh hai vai

không có vẻ gì nghiêm trang, quần áo suềnh soàng và luôn luôn nhàu. Trong người hắn chỉ có nét mặt là thanh tú.

Hắn khoe vừa mua được mấy đồng tiền cò đời Khải-Định, Gia-Long gì đó để bày bàn và chặn sách. Thấy mình liếc nhìn lá thư hắn viết dở, hắn cười bảo « Tôi đang viết thư cho mẹ tôi, thời anh tới ». Minh ngồi ghé lên thành cửa sổ trông xuống hồ sen cố làm vẻ thản nhiên nhưng mắt vẫn bị lá thư viết dở của Bernard lôi cuốn. Một sự run rẩy nhẹ nhẹ gợn gợn trong ngực mình. Viết thư cho mẹ, một hành động giản dị cảm động, vậy mà hắn làm được đều đặn nhiều lần một tuần, mình thì không thể ! Tự nhiên thấy giận Bernard. Minh muốn đập vỡ cái thái độ thường ngoạn cuộc chiến tranh này của hắn, khiến hắn đêm ngày bị dấy vò bởi những tư tưởng phạm tội, không phải về những tội hắn phạm nhưng về những tội của người khác đồng bạn hắn. Bernard hơi ngạc nhiên trước sự im lặng và thái độ bứt rứt của mình. Hắn mỉm mỉm cười đoán hỏi « Thế nào ? lại rắc rối với những người tình của anh phải không ? » Không ngăn được mỉm cười trở lại. Bernard thật vô tội. Minh không bao giờ kể về những người tình của mình với ai trừ với Bernard, một người bạn ngoại quốc, Hắn khoái trá ra mặt, nghe mình kể như trẻ con thú vị với chuyện cổ tích. Hắn không bình phẩm hưởng ứng, chỉ gật gù cúi đầu, và thỉnh thoảng nhún vai nhắc đi nhắc lại đọc một câu « A ! đàn bà ! thật thế hả ? Rắc rối đòi hỏi đến thế kia ? »

Minh đã lơ đãng nói chuyện loăng quăng với Bernard. Bất giác giờ tay chùi mồ hôi trên trán. Minh như vừa tránh khỏi rơi xuống một vực thẳm. Người ngây ngấy như sốt. Một vài phút trước đây mình biết đã bị xô đẩy và suýt nữa đã kể hắn nghe hết về những gì đã xảy đến cho mẹ mình và mình. Cũng không dám cả quyết là nếu « đã kể hết » mình sau đó sẽ cảm thấy ra sao : giải thoát ? đau khổ hơn ? hài lòng vì đã khiến một kẻ vô tội xúc động về một tội lỗi không phải của hắn ? Tự hỏi thật ra con người có quyền làm khổ người khác hay chỉ có thể giới hạn trong sự làm khổ chính mình.

Nghi đi nghi lại đúng mình cũng lần thân. Đã chắc gì mình làm khổ được ai, chứ đừng nói đến Bernard, không chừng hắn sẽ làm mình khổ hơn vì lòng thương hại không đúng chỗ của hắn.

Ngày... tháng... năm 195...

— Sáng nay trong khi tập bắn carbine với Bernard ở chân một chiếc đồi trọc gần cầu Hai. Hắn bắn rất nhanh và hay. Điều hai thằng đang làm quả khá kỳ khôi và lạc lõng. Tập bắn trong khi đầy những tấm bia sống VC, lảng vảng đâu đây. Hai thằng bắn một tấm bia bay lên bay xuống trên những đợt sóng cỏ gianh uyển chuyển. Trời như mùa thu, chỉ thiếu vài con chó săn, hai chiếc áo choàng da và chiếc khăn choàng cổ kẻ ô sặc sỡ, là giống hệt hai chàng thợ săn ngày chủ nhật.

Đột nhiên trong khi Bernard đang cười, mình hỏi « Nếu anh thấy xuất hiện một tên Việt-Cộng ngay tại khoảnh cây trước mặt kia, anh có bắn hạ hắn ngay không ? » Hỏi buông lờ, mình thấy mình lần thân. Hai sĩ quan gặp địch không bắn ngay là cái quái gì. Bernard bỏ súng xuống chân, không bối rối nhưng có vẻ suy nghĩ rất nghiêm trang. Trả lời « Trong trường hợp này tôi sẽ bắn hạ liền. » Gặng thêm « Anh đã bao giờ giết người trực tiếp, mặt đối mặt chưa ? » « Chưa ! Nhưng trong trường hợp này tôi sẽ giết. » « Tại sao anh lại nói trong trường hợp này là nghĩa lý gì ? Trường hợp này có gì đặc biệt ! » Hắn cười nụ cười con gái trinh thường lệ « Tại vì có anh là bạn tôi. » Hắn tiếp tục bắn, khoái trá phòng mũi ngửi thuốc súng. Mình đứng yên lặng như chôn chân xuống đất, tâm hồn xúc động. Một xúc động êm dịu, giản dị, mà đã từ lâu vắng bóng trong mình. Hắn sẽ giết vì tình bạn. Giết vì tình bạn một ý niệm vừa cồ lỗ vừa hiệp sĩ, thuộc về một quá khứ quá xa, tại sao lại có thể có mặt nổi trong giai đoạn này. Phải chăng mình đã lỗ bịch khi còn chút tin tưởng vào cái đốm lửa tình bạn, le lói trong bóng tối bao vây tất cả, ẩn hiện những bóng hình cời trần, loáng ánh mã tấu, trong những tiếng loa tuyên truyền hắn học một cách đều đặn, ám ảnh như nhịp trống của bọn mọi ăn thịt người. Mình cũng ngậm ngùi tự hỏi cái quân đội bên kia khủng bố chặt đầu, mổ bụng, chẳng có gì xứng đáng được gọi là đẹp,

chỉ còn một thoáng giằng buộc mơ hồ của tình bạn giữa hai thằng trẻ tuổi chỉ có thể bóp cò súng để giết vì người bên cạnh mình.

Tình trạng hai thằng, mình và Bernard đều tuyệt vọng như nhau, đều bất lực trước một cuộc chiến tranh không phải mình tạo ra, không hề mong đợi, không hiểu và cũng không biết làm sao để chấm dứt. Điều khiến mình e ngại khi suy luận như trên là thấy mọi sự phi lý mà mình không chịu chấp nhận, vì tự biết sẽ hủy diệt nốt những gì còn nóng ấm của sự sống trong mình.

Lên xe Jeep về đồn, Bernard cười cục cục như gà, khi mình trách hấn tại sao để « Nữ hoàng » bám theo xuống đồn thăm mình. Hấn bảo chữa « Tôi đâu có rủ cô ấy xuống, cô theo tôi đấy chứ. Gặp cô ngoài phố hôm qua cô ấy soán lấy tôi hỏi về anh. Được biết sáng nay tôi xuống thăm anh, cô đến nhà tôi và tôi « tìm thấy » cô ấy ngồi bên cạnh tôi trên xe, cho đến khi xuống đến đồn anh ! » Bernard nheo mắt làm ra vẻ ranh mãnh « Thằng bồ nó đi hành quân còn lâu. » Mình bèn mĩa hấn về một chuyện chắc chắn không thể xảy ra. « Và chắc anh cũng tìm thấy cô ta nằm dài trên giường anh tối qua ? » Hấn không đáp, nhưng gáy, chân tóc và hai tai đỏ ửng lên. Mình đã ngạc nhiên thực sự, không ngăn nổi phá lên cười như một thằng điên « Trời đất ơi ! Anh chàng Bernard đáng thương của tôi ! Thế ra anh đã tìm thấy nàng nằm trong giường thật đấy ư và... trần truồng ? » Hấn cười ngây ngô, nhún vai liền hai ba cái. « Thế anh đã làm gì nàng ta ? » « Tôi ấy à ? Tôi không làm gì cả, à không, mới đầu tôi ý định không làm gì, nhưng sau này nàng bảo là anh có dặn nàng rồi. Nếu tôi không chiều ý nàng, anh sẽ giận tôi. » Mình cố nhịn cười, làm bộ gật gù hưởng ứng « Đúng vậy ! Nếu anh không làm gì nàng, anh mới đáng tôi oán cho mấy cái báng súng cho mất giống luôn ! »

Thật là một buổi sáng dễ chịu !

1100 giờ đêm.

— Mình thấy hôm khi phải viết những dòng này, và nếu không ghi lại cũng đáng hôm hơn nữa. Thật kịch côm cái « cảnh »

diễn ra sáng nay sau khi đi bắn với Bernard về đồn. Khi đi qua popote Si-quan, qua khung cửa sổ, mình thấy Nữ-hoàng mặc một chiếc xiêm mầu xanh cánh chả bóng nhẫy, ngắn ngay đầu gối, chân đi giày cao gót lênh khênh, quay lưng về phía mình. Tên Thiếu-tá đứng sát cạnh đối diện, một tay quàng qua lưng đặt trên mông nàng ta, một tay ngoe nguẩy chiếc can. Cả hai đương cười và nói chuyện bằng tiếng Pháp. Hắn nhìn thấy mình, đôi mắt sau cặp kính gọng vàng hơi nheo lại, cặp môi mông cười nhẹ. Hắn nói với tôi « Ah voilà notre Don Juan qui revient de la chasse ! » Nhưng nàng không biết mình đã về, cười rũ ra, lấy tay bắt chước người cầm khẩu súng miệng cong lên « Păng ! Păng !... Je te tue !... la chasse ? aux jupons ? » Tên thiếu tá S vẫn cười, dìu Nữ-hoàng về phía cửa sổ. Nàng quay lại, nhận ra mình mặt sáng lên rục rịch. Nàng trát đầy phấn, bôi son đỏ như máu, vai trần còn vài khoảng nâu sót lại ngay cổ. Thân hình chặt căng và tuy nàng không cúi xuống cặp vú cũng đã lộ quá nửa căng phồng. Mình không ngăn nổi lòng ham muốn chớm hiện.

Nữ hoàng reo lên một tiếng ngắn, dứt khỏi vòng tay S, chạy lại phía mình, những bước chân nhỏ ngắn vì xiêm quá chật. Chợt nàng ngừng lại, chúm môi làm bộ nhớ ra một chuyện, điệu rất dăm, với tay cầm một gói lớn đặt trên bàn gần đấy. Nàng đến ti bụng vào thành cửa, hai tay quặt sau lưng, vươn nửa người trên, hôn mình rất nhanh hai bên má. Cố không nhìn xuống ngực nàng, quá gần. Nàng dịu giọng « Chéri ! J'ai un cadeau-surprise pour toi. Voilà ! » Nàng giờ gói quà ra. Không biết có phải mình như không lắm hay sao mà lại bắt gặp trên khuôn mặt đầy son phấn một vẻ mình đã thấy trên khuôn mặt những người đàn bà khác đã cho quà mình kể cả Hà, tất cả đều sung sướng khi cho mình một cái gì. Họ đều làm mình gai cả người, bức bối, một cảm giác vương vịu, trói buộc, họ làm thấp cả mình và họ. Tên S đến sát bên Nữ-hoàng, gõ gõ chiếc can vào thành cửa, chăm chú theo dõi phản ứng của mình. Mình ngồi cứng nhắc, tay vẫn không dời dài đeo khẩu carbine. Mình dùng một giọng rất « chính thức » nhưng cố ý nói giọng rất bồi « Bonjour Madame Julien. Comment ça va votre mari ? Plaisir de vous voir tous les jours » Nàng cười gượng rích rích đôi sang tiếng Việt « Em xuống

thăm anh vì anh Bernard rủ mãi. Em mua tặng anh ít cam táo ». Tên S vẫn không nói gì, nhưng bỗng nhiên hần đập mạnh chiếc can quay mặt vào phía trong phòng gọi lớn « Ê ! lại đây mày ! Nhân ! Tại sao mày còn dám về mà không có cô ấy hả ? Désobéissance aux ordres ! Espèce de... » Tên Nhân, một hạ sĩ quan cận vệ của hần liú diu lại gần, chưa kịp thừa bầm đã bị S thẳng tay quất cho một can vào một bên mặt. Tên Nhân ôm mặt loạng choạng, mặt chạy dài một vết tím rớm máu trên gò má. S ung dung quay tròn chiếc can miệng vẫn nhích cười. Bernard tò mò nhìn S. Hần có vẻ ngạc nhiên ngỡ ngàng nhiều hơn là tức giận. Nữ-hoàng không quay người, không chút lưu tâm đến chuyện xảy ra sau lưng mình, cúi gói quà vào tay mình. Minh đứng như trời trồng nhìn qua vai nàng, mắt không rời cây can bằng gỗ đen. S đồng dặc ra lệnh cho Thi, sĩ quan ban 4 của đồn đang đứng cạnh bên gần Nhân, khuôn mặt phì phì hơi tái, « Anh Thi ! Anh làm ơn đá cho hần một cái. Đánh làm gì thêm bần cả tay ». Thi, hai tay buông thõng, một bên má bấp thịt giật giật, lưỡng lự, cặp mắt của con chó bị đánh dụt dè van xin nhìn S rồi lại cúi xuống. S lạnh lẽo « Thế nào, Trung-úy Thi ! Je vous-en prie. » Minh cảm thấy như bị một người đá mạnh vào bụng. Minh không tin những gì nhìn thấy : Thi mồm môi giờ chân đá mạnh vào hông Nhân. S nhẹ nhàng « Merci ! lieutenant. » Thi quay lưng về phía mọi người hai vai hơi rung rung.

S lại gần Nữ-hoàng, bước chân còn mềm rẻo chắc chắn, phảng phất mùi nước hoa eau de cologne, dính dặc trong bộ quần áo kaki Mỹ thẳng nếp và rồi hần lên tiếng, giọng ngọt ngào đầy thú vị « Chà. Gớm bây giờ mới thấy người đẹp xuất hiện ». Mọi người quay đầu về hướng hần chỉ can. Minh lạnh cả người, như vừa bị phản bội : Hà, trong chiếc áo dài tím hoa trắng, tóc búi cao, không nhìn mình cặp mắt quầng đen mở to hướng vào Nữ-hoàng, quan sát bộ ngực nở, và gói quà nàng dương dứt vào tay mình. Tất cả những gì mình làm sau giây phút đó đều diễn ra chậm chậm như trong một giấc mơ. Minh cầm lấy, gần như giật ra khỏi tay Nữ-hoàng gói quà, miệng khô khan nói : « Cảm ơn ! Xin lỗi tất cả ! Tôi có chút việc cần phải đi ngay ». Hơi cúi đầu không chào rõ rệt một ai, quay người đi thẳng ra cổng đồn. Gói quà nặng chiu trong tay

minh, nặng vô tả. Minh thấy mình trong người sôi sục mà cử động rất thản nhiên, lạnh nhạt như một lời chửi rủa. Hà ngừng lại một giây đoạn tiếp tục tiến về phía mình.

Minh và Hà đối mặt nhau. Nàng chờ mình lên tiếng trước. Có lẽ mình thấy trên khuôn mặt nàng vẻ ghen tuông tức giận cố kìm giữ nhưng mình còn thấy rõ ràng hơn một vẻ chiến thắng không giấu được. Nàng như một người mẹ biết được đứa con đang thò tay vào hũ kẹo ăn vụng. Nàng muốn mình giải thích, điều mình ngán nhất trên đời vào giây phút này. Minh nói cộc lốc « Anh về Huế gặp Ly, đi ngay bây giờ ». Minh quay người đi thẳng đến garage, trèo lên, phóng xe ra khỏi đồn. Hà đứng giữa đường vào đồn cát trắng như hôm hai chúng tôi trông thấy nhau lần đầu. Minh không kịp nhìn rõ vẻ mặt nàng, mình cũng không cần. Xe chạy được một quãng mới chợt nhớ là chưa bao giờ đã động đến bé Ly với Hà. Không chừng nàng cho Ly là một cô gái khác. Đã không giải thích về một chuyện, không cần giải thích luôn về nhiều chuyện...

DUY-LAM

(trích trong LỘT XÁC
sắp xuất-bản)

TIẾN-HÓA XUẤT-BẢN

YÊU TRONG BÓNG TỐI

tiểu-thuyết của TUẤN-HUY

● Một cuốn tiểu thuyết được hình thành giữa những sự thật và những chuyện tưởng tượng — giữa những cái xấu và cái tốt — giữa những khuynh hướng vô luân và lòng thánh thiện của con người.

● Một cuốn tiểu thuyết viết bằng ngòi bút khách quan của một nhân chứng.

Dầy 400 trang.

Ấn-loát thật công phu và mỹ thuật

THANH-TÂM-TUYỀN

UNG THU

PHẦN THỨ BA

CHƯƠNG BA

(tiếp theo)

Làm gì ? Bỗng dưng nhớ mùi sinh lầy trên một bờ sông san sát nhà sàn ven thành phố Sài-gòn, mùi nồng nặc trong không khí sau những trận mưa rào ngăn giữa trời nắng ; nổi nhớ đột cuồng như một sức đẩy mau trong máu, dưới thịt và tan hòa cũng nhanh. Gió khỏa sau lưng, tuôn về trước chạy theo một đường phố um tùm bóng cây, lấp ló những ngọn điện, không người. Bờ tường đá cao chạy dài, vây những khóm cây rậm cái tháp tối của một nhà tu kín, lăm rằm huyền hoặc tiếng cầu kinh đông người, tiếng vọng mong manh của một thế giới khác, bay biến gợn gợn như gai ốc trên cánh tay vén trần. Tiếng hát âm i trống trải của hai ba tên lính tây say ngả nghiêng trên một bờ hè khuất, phía bên kia vườn hoa sáng trơ những bãi cỏ, lối đi, ghế đá ; chúng tiến về phía nhà khiêu vũ, ngọn đèn hiệu ngoằn ngoèo xanh yếu như lửa đom đóm, tiếng nhấn trên vòng quay bàn đạp trùng nhịp với điệu hát cô của một thời vẫn được nghe lính Lê - dương hát ở tỉnh nhỏ. Mùa thu đó, nổi băng khuâng mệt mõi tách lìa vầng vất, thành phố như im tiếng khắp lượt chờ đợi vu vơ. Các cửa hiệu buôn

bán cũng đang lên cửa. Liêm mừng tượng những ngày biến động cũ trên những đường phố này, cái dáng vẻ ngày ngất triển miên mơ mộng của thành phố như bất tận. Các rạp chiếu bóng chưa tan, đèn thấp sáng ở hành lang bên ngoài sau những màn cửa sắt đã kéo lại. Vợ Hồ sẽ sinh vào dịp gần Tết, một đứa con của tôi ; biết đâu Hạnh đã không mang trong bụng nàng một đứa con khác nữa. Những đứa bé một mai lớn lên như tôi trong một khung cảnh nhất định rồi cũng bỏ đi như nhớ tiếc một điều gì xa vời tìm không thấy.

Xóm ở không đèn đóm, đường đất gồ ghề dội lên tiếng lọc xọc của dây xích. Gió lùa từ các hốc tối với tiếng côn trùng. Hải bắt đầu học lại, ngồi tựa lưng trên phản, sách mở trên hai đầu gối co, ngọn đèn đặt trên thành cửa sổ. Liêm cất xe đạp vào nhà, nghe da mặt ướt lạnh. Hải cười bảo : « Đi ăn cỗ về mà trông anh có vẻ buồn. » Lúc Liêm đã đi nằm, Hải bỗng hỏi : « Tối mai anh rồi không ? Anh đi chơi với tôi. » Liêm nói đi thì đi. Trong đêm khi Liêm kéo chiếc chăn đơn lên đắp, trong một quang thức tỉnh, nghe một nỗi buồn vang dội như tiếng âm trong một tòa nhà cao rộng. Giọng nói của Tường bỗng nghe thấy rồi trộn vào trong giấc ngủ. Buổi sáng ở nhà in, Hải nói với Ngọc : Tối nay anh Liêm cũng đến. Ngọc nheo mắt cười : Tốt. Liêm hỏi : « Hai người âm mưu gì thế ? Không được đùa dai ». Ông Kiêm, chủ bút, vào đứng giữa buồng xếp chữ nói chuyện bông đùa, nhìn Liêm xếp một tin quốc tế bằng chữ corps 6. Ông hỏi : « Nghe nói anh đã ở Sài-gòn ? » Ông San ngồi bên cạnh đang chọn chữ đùa : « Anh ấy có vợ Nam-kỳ đấy. » « Thế hả ? Có lẽ rồi chúng mình đến vào Sài-gòn cả thôi. » « Tại sao thế ông ? » « Có thể nước ta chia đôi. Một nửa cho Cộng-sản, một nửa cho Quốc-gia » « Thật như thế không ? » Ông Kiêm người gầy gò, xương sần, da mét như nghiện, mắt hấp háy sau đôi kính cận vốn người lừ như ít nói, theo lời Hải ông là bạn đồng chí cũ với ông bố Hải bây giờ là một chính khách chờ thời. Ngày trước ông Kiêm và một số đồng chí khác ngày nay đều trở thành các « chiến sĩ quốc gia » tên tuổi đến ăn dầm ở đề nhà Hải, Hải còn nhỏ, không nhớ nhưng được nghe mẹ kể lại. Ông Kiêm không biết Hải, Hải cũng không bao giờ muốn nhận những bạn của bố ;

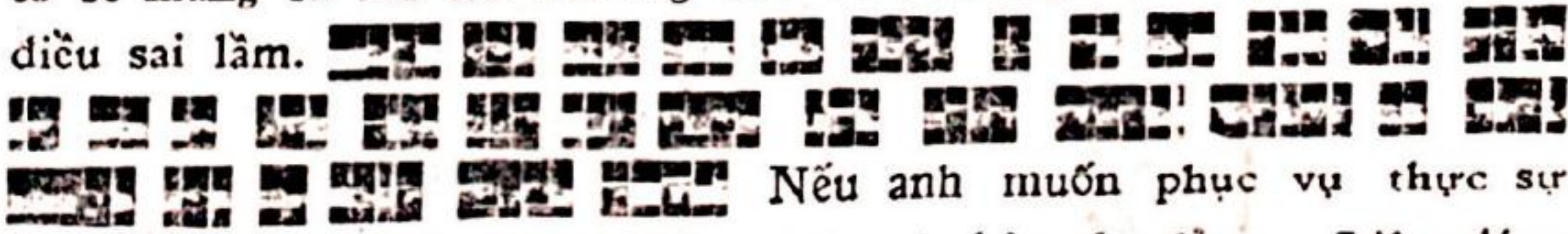
Hải nói: "Thuộc về quá khứ. Bỏ tôi là Việt-quốc, còn tôi không bao giờ là Việt-quốc". Ông Kiêm tháo cặp kính lau mắt: "Chỉ nay mai là điều đình thôi. Như thế cũng tiện. Ai thích quốc gia thì ở với quốc gia, ai thích cộng sản thì ở với cộng sản. Cho dứt khoát." rồi cười khà, điệu cười ngán ngủi nhạt nhẽo. Tuất hỏi: "Còn những người chẳng thích thứ nào hoặc thích cả hai thứ họ mới tính sao đây?" Liêm nghĩ đến Sài-gòn, thấy thoáng hiện mơ hồ tia hy vọng có cơ hội trở lại. Lúc đó... trí tưởng tượng cụt hẫng không thề phóng tới một tương lai chưa thành hình. Trở lại Sài-gòn? Đề làm gì? Ở lại đây? Hết giờ làm việc buổi chiều, Liêm đi cùng với Hải ra phố Huế đến một hiệu sửa xe đạp và mô-tô. Trước cửa, ngay ngoài hè, người chủ nhà đang xoay tròn quanh chiếc Moto-bécane ráp lại máy. Hải đứng sau lưng gọi: Anh Thái. Thái ngoái cổ cười: Chú Hải, đợi tôi xong ngay, rồi cúi xuống vặn nốt những con ốc cuối cùng. Thái đứng thẳng người dậy, chùi tay vào một cái dẻ lớn, nghe Hải giới thiệu Liêm, nở miệng cười — Thái có nụ cười rộng rãi chân thực — đưa cổ tay cho Liêm bắt: "À, anh Liêm. Tay tôi bẩn quá. Mình vào nhà chơi. Ngọc đâu?" Hải đáp: "Anh Ngọc đến sau." Thái đẩy chiếc mô-tô vào nhà; trong cửa hiệu còn hai chiếc mô-tô khác và dăm chiếc xe đạp, những chiếc sườn xe mới sơn treo thành hàng, hai bên tường là tủ kính chia ô bày các món phụ tùng. Vượt qua cái tủ kính thứ ba dùng làm vách ngăn chia cửa hiệu với bên trong, là một căn buồng giả kê một tấm phản và một bộ bàn ghế uống nước. Thái đi trước vào trong sân — sân gạch dài trống chỉ có ba bốn cái vại đặt bên tường rồi đến bếp — trèo lên một cầu thang xi-măng mà tay vịn nhiều chỗ loang lổ. Buồng trên gác là chỗ ở của gia đình Thái, vợ Thái đang ngồi chơi với hai con trên chiếc giường sát bên cửa sổ trông xuống phố. Chị bồng một đứa, dặt tay một đứa, lặng lẽ chào khách bỏ xuống nhà dưới. Liêm theo Hải ngồi xuống bên một cái bàn gỗ chữ nhật đặt bốn chiếc ghế trong khi Thái đi theo vợ dọn dò một vài điều nơi đầu cầu thang. Thái trở vào, ngồi trước mặt Liêm, hỏi về những chuyện kháng chiến miền Nam. Vui câu chuyện, Liêm nhớ được lại những kỷ niệm bất ngờ chính Liêm cũng cảm thấy thú vị như truyện bà Năm Lửa dưới Hậu-giang tự xưng mình là

Phản Lê Huê đội mào mang hia cầm quân xuất trận. Ngọc đến và lúc bảy giờ Thái mới vỡ nhẽ Hải đã đưa mình đến một tổ kháng chiến nội thành. Đó chỉ là một cuộc sinh hoạt thường lệ để học tập đường lối. Có lẽ Hải đã nói sao đó nên cả Ngọc lẫn Thái đều mặc nhiên coi như Liêm đã là người trong nội bộ và Liêm đành ngồi im nghe.

Thái lấy trong giỏ ấm một cuộn tài liệu in nhập nhòe trên giấy xấu trao cho Hải và Ngọc, nói : « Chú Hải và anh Liêm nghiên cứu chung một tập cho tiện ».

Tám giờ hơn, Liêm và Hải mới ra về. Ở ngoài hè, Liêm hỏi : « Tại sao cậu không hỏi ý kiến gì tôi cả mà đưa tôi đến ? Nhớ tôi không thuận thì sao ? » Hải bối rối giây lát đáp : « Tôi nghĩ thế nào anh cũng thuận. Người lao động nào cũng có ý thức cách mạng. » Liêm mỉm cười, nhớ đến câu đã nói với Tường : Tôi không phải sinh ra để làm cách mạng. Chưa khi nào tôi muốn tìm hiểu sâu về cách mạng ? Tại sao phải làm cách mạng ? Tôi chỉ muốn được làm việc, được sống. Không khi nào tôi quen được cái không khí của những buổi hội họp. Tôi muốn làm những công tác cụ thể và trở về trong xóm gặp Hạnh. Nhưng bây giờ không có các thứ ấy, hằng tuần Liêm theo Hải đến gặp Thái và Ngọc, những giờ rảnh rỗi phải thảo luận đối đáp với Hải. Một lần Liêm bảo Thái : « Anh có thể giao phó một công tác nào cho tôi. Tôi vẫn quen hoạt động nội thành » Thái đáp :

« Chưa cần. Chúng ta là những phần tử nòng cốt của cách mạng. Không thể phi phạm. Chừng nào đến nhiệm vụ chúng ta, chúng ta sẽ làm. Hiện nay hoạt động nội thành không cần thiết nữa, đã có những người khác phụ trách. Không nên có cái mặc cảm anh hùng cá nhân. Lúc này là lúc chúng ta được nuôi dưỡng để phát triển ý thức cách mạng lao động ». Công tác của Ngọc và Hải chỉ là báo cáo những luận điệu phản động nghe được trong tòa soạn và thỉnh thoảng giả vờ lơ đãng bỏ sót một đoạn tin tức hoặc bình luận bất lợi cho chính phủ kháng chiến. Nơi họp mặt cũng thay đổi luôn, lúc nhà Thái, lúc nhà Ngọc, lúc trong một ngôi đền ở phố hàng Đàn, người giữ đền là một anh đồng cô bạn học của Thái từ thời nhỏ. Ngọc ở phố Lò-đúc, cuối một ngõ hẻm, gia đình gồm một vợ, bốn con, vợ Ngọc tóc hoe vàng, có máu lai, nên những đứa con tuy trông lam lũ vẫn có vẻ trắng trẻo bụ bẫm. Người đàn bà mang nét mặt ủ rũ ăn nhấm của Việt-nam tương phản với những dấu tích Tây-phương còn ghi lại trên dung nhan, chỉ ru con bằng những điệu quê mùa chưa thuần và chưa một lần nghe chị thốt tiếng nói trước người lạ. Những ngày tháng ấy của Liêm trống trải đầy ắp. Một đôi khi Liêm chẳng còn ý nghĩ, thản nhiên xuống thăm vợ chồng Hồ và quên mọi chuyện thắc mắc. Hồ đã xin được một chân chào thuốc cho một công ty nhập cảng dược phẩm, phải về các tỉnh, vắng nhà luôn. Vợ Hồ hài lòng về việc thỉnh thoảng Liêm trở lại thăm và những lúc Hồ vắng chị giữ Liêm ở lại đề khoe về những biến động của cái bào thai. Có Hồ ở nhà thì ba người ngồi ăn cơm đề nghe Hồ thuật về những chuyến đi của anh. Liêm tự hỏi không hiểu Hồ có rõ chuyện không, hay anh cũng học theo Tây coi thường việc ngoại tình của vợ. Vợ Hồ càng ngày càng trở nên ỉ ạch, nặng nhọc vì bụng quá to, Hồ tỏ ra lo lắng sợ chị quen dạ như lần trước và thường nhắc Liêm : « Chú phải xuống luôn nhớ tôi đi vắng còn có chú xoay sở hộ. Đàn bà sảy một lần là đáng ngại lắm ». Liêm nghe như Hồ nhắc lại một bồn phận của mình, và Liêm sức tinh thần thốt ngột ngàn, còn vợ Hồ lại nhoẻn miệng cười lảng lờ, ngớ ngẩn. Vợ Hồ thì nói : « Chú phải đề dành tiền đưa tôi cất cho. Sau này còn phải lo cho con. Ai lại con mình mà bắt người khác chịu hết. » Người đàn bà nằm trần truồng với cái bụng phưỡn

căng trắng hếu, tỏa ra một hơi nóng trong bầu không khí ủ dặc của buổi chiều thu muộn, tiếng chuông tàu điện leng keng tit đầu ngõ, tiếng kèn ô-tô vang khuất như gập ống hút. Liêm nằm cảm như thóc vừa xấu hồ vừa tức giận. Nhưng Liêm không nỡ nói một lời tàn nhẫn. Mỗi lần người đàn bà quay nghiêng, chiếc bụng áp vào mạng sườn gồ lên, nghe tỏ cả những tiếng lạo xạo cồn cào. Liêm chỉ còn biết mong ước một cách sợ hãi đứa nhỏ không thể ra chào đời được hoặc một tai nạn làm cho hai mẹ con cùng chết lúc sinh nở, Liêm sẽ được giải thoát. Liêm cũng tự hỏi những đêm mất ngủ, Hải vẫn còn dong đèn ngồi học, tại sao không rời chỗ ở, không thay đổi việc làm; lúc đầu tôi chỉ có ý định ở tạm trong gia đình Hải rồi tôi quên hẳn ý định ấy. Muốn thay đổi chỗ ở, công việc phải có thì giờ tìm kiếm, tôi không còn tự do nữa. Lúc ấy Liêm bỗng trực nhớ đến Khôi, người bạn đã gặp trên ghế đá ngày thất nghiệp sống nhờ nhà Tế Bản, không hiểu còn sống hay chết. Rất có thể anh đã tự vẫn vì chẳng biết phải làm gì ở đây; trong mấy tháng thành phố đã vớt được ba bốn xác đàn ông tự tử ở hồ Bảy-mẫu, hồ Thiền-công không mang căn cước trong người và một người chết còng queo một buổi sáng trong nhà Tế Bản mà người ta độ chừng là một tên hành khất. Một tên hành khất. Liêm vẫn tham dự những cuộc sinh hoạt của tờ, nhưng từ chối khi Thái đưa cho một tờ khai lý lịch đảng viên dự bị mà Thái đã long trọng tuyên bố trước như một vinh dự lớn lao không phải ai muốn cũng được. Liêm thối thác: « Lập trường tôi vẫn chưa vững. Vả lại từ ngày còn ở trong Nam, tôi cũng chỉ hoạt động như một công dân. Tính tôi không ưa đảng phái. » Thái bảo: « Anh nói lập trường anh chưa vững thì tôi tin. Vấn đề ấy rồi tất cả anh em trong tờ sẽ mang ra mổ xẻ. Nhưng còn anh không ưa đảng phái là một điều sai lầm.  Nếu anh muốn phục vụ thực sự cho cách mạng, anh cần phải hy sinh cá nhân cho đảng. » Liêm đáp: « Các anh đề cho tôi nghĩ lại ». Sau buổi ấy, Liêm hết sức lẩn tránh câu chuyện của Hải, ngại phải thảo luận, phải phanh phui con người mình, tôi cũng chưa biết rõ hẳn về tôi, những ngày tới

của tôi sẽ được xếp đặt như thế nào ; những điều bất ý nghĩ hôm nay có thể buộc tôi phải lựa chọn, sự lựa chọn cầu âu vô nghĩa lý. Ở nhà in, Liêm chăm chú vào công việc ít chuyện trò văn vở ; sau giờ làm việc buổi chiều, Liêm thác có mệt mới không về nhà ngay đi bộ ra mạn bờ sông thơ thẩn. Gió thổi lộng trên mặt đê, con đường vắng vẻ với cây cối bàng hoàng thảng thốt, nhà cửa kín mít một bên hè như không người ở, Liêm nghe trong người rời rã như bị cơn bệnh không tên xâm nhập ; trong nỗi rã rời quặng theo hắt hơi nhẹ bay bốc lên đầu cứng và rỗng, tỏa một vùng sương ngăn cách trí nhớ và tưởng tượng len lỏi một thứ âm thanh dịu hiu xa khuất. Thành phố như một sức hút chậm chạp không ngừng nghỉ, một sức nặng đè không gỡ thoát. Những ngày cuối mùa thu hoang mang vẩn đục trong cảm giác mù mịt bất định. Một hôm bà mẹ Hải nói riêng với Liêm, nhờ Liêm khuyên Hải chỉ nên chăm lo học hành đừng tham gia hoạt động chính trị, bà sợ những tai nạn có thể xảy đến, sợ Hải giống như số của người chồng, Liêm hứa cho bà yên lòng, nhưng biết chắc mình không khi nào nói lại với Hải. Những lo nghĩ của bà không thể nào lay chuyển được đứa con trai ham mê lý tưởng ấy, hẳn sống trong thế giới của tương lai ở đó không có những vương bận nhỏ nhặt phiền toái của những người như bà. Và cả mình nữa. Làm sao nói được ?

Một ngày đầu mùa đông, Liêm rủ Hải đi chợ Giời tìm mua một cái áo lạnh cũ, cái áo dạ cũ của Tường không hợp với công việc đang làm. Ngọc cho phép Liêm và Hải nghỉ vào nửa buổi sáng. Liêm đèo Hải trên xe đạp xuống đầu phố Sinh-tử. Chợ chỉ là một cái ngõ đất lăm lỏi nằm bên tường nhà ga, đồ đạc vật dụng tạp nhạp đủ thứ bày trên mặt đất — phần lớn là của nhà binh ăn cắp. Vào buổi sáng chợ vắng người trông quang cảnh giống như khu cháy nhà người ta phải dọn đồ đạc ra ngoài. Liêm dắt xe đi lên đi xuống chọn mua được một cái áo dạ của lính với giá trăm bạc, Hải mua hai quyển sách đóng bìa da của một gia đình Pháp, Hải cười nói : « Bọn Tây đã sửa soạn về nước », và một tờ báo in trên giấy bản ngoài hậu phương. Trở về còn sớm Hải bảo Liêm đạp xe theo ngã hàng Lọng, để đi qua phố Ôn-Như-hầu Hải sẽ

chỉ cho xem gian nhà trụ sở của Việt-quốc thời 45 nơi người ta tìm thấy những người bị thủ tiêu chôn ở ngoài vườn. Đến ga hàng Cỏ, một xe cảnh sát đỗ trong một góc khuất thời còi bắt ngừng. Liêm vừa ngừng xe chưa kịp xuống, hai ba người cảnh binh đã chạy đến đứng vây xung quanh. Một người ra lệnh cho Liêm xuống xe dắt lại gần chỗ ô-tô đỗ. Hải vừa bước xuống đất vùng bỏ chạy sang phía quán rượu đầu phố hàng Cỏ, người cảnh binh đứng gần bắt hụt chơi vơi, rút chiếc còi bên lưng thổi inh ỏi. Hải sang đến bên đường đứng sừng, từ mấy gốc cây gần đấy một người cảnh binh và hai người lính võ trang chạy ra nắm lấy tay Hải bẻ quặt ra sau lưng dẫn trở lại. Người cảnh binh thời còi lui húi đi nhặt mấy quyển sách bỏ rơi trên đường. Trên xe đã có khoảng mười thanh niên khác ngồi, một người ở trong cười bảo lớn : « Đen quá. Chúng nó khôn quá. » Liêm đem theo xe đạp lên, Hải được ngồi đằng trước giữa người tài xế và người lính. Mấy người cảnh binh leo lên đóng cửa, đứng khom lưng quay mặt vào trong trông thẳng vào Liêm tựa giữ xe đạp đứng giữa hai hàng người ngồi. Xe trở về bót Cửa Nam và mọi người được lựa vào trong ty cảnh sát, xét hỏi giấy tờ ; riêng Hải bị còng tay dẫn vào phía sau. Chỉ có Liêm và một người nữa được ra về, còn bao nhiêu được chở ngay xuống dưới Ngọc-hà, Hải còn phải ở lại. Liêm dắt xe ra đường còn đứng ngơ ngác vài giây, phố trong giờ làm việc vắng vẻ hiu quạnh, chuyển tàu điện đang chạy xa tít trên đường hàng Đầy. Lúc Liêm giật mình nhìn lại, người thanh niên cũng được về đang cắm cúi đi như chạy bên phố hàng Bông. Liêm nhảy lên xe đạp nhanh về nhà in báo tin cho Ngọc, mọi người ồn lên mỗi người một câu. Long bảo nếu Hải bị đưa xuống trại Ngọc-hà thì có đường trốn. Tuất nói : Thế nào Hải cũng được cho vào Thủ-đức vì Hải đỗ bằng Trung-học Phò-thông. Ông San bàn nên nói với ông Kiêm xem có cách gì vận động cho Hải. Ngọc nói đến trưa sẽ ghé cho Thái hay tin. Liêm nghĩ còn mình phải báo cho bà cụ mẹ Hải. Liêm về nhà nằm một mình đợi ; gian nhà chật hẹp đến nỗi không có chỗ cho kỷ niệm — tường vôi ám không một khung hình ảnh, một tấm lịch ; bàn thờ những người đã chết chỉ là một chiếc xích-đồng treo trong một góc. Mẹ Hải về, lên tiếng từ ngoài cửa sổ : « Sao

hôm nay các cậu về sớm thế ? » Liêm ngồi lên đón bà cụ, bà cụ xếp quang gánh ngoài hè lục tìm gói giò chả — hôm nào hàng bán hết bà cũng cho ăn món chả cốm hàng Mạnh — cầm vào nhà. Bà đưa mắt tìm Hải và nhìn thấy bộ mặt của Liêm : « Em đâu ? » « Hải nó bị bắt rồi. » « Bao giờ ? » « Nó bị bắt động viên. » « Khổ thân tôi. Làm sao bây giờ ? » Bà cuống cuống hốt hoảng, quay lưng như sắp chạy ra cửa. Liêm gọi : « Bác đi đâu ? » « Tôi đi tìm nó. Nó ở đâu ? » « Bác bình tĩnh lại mới lo cho Hải được. » Bà cụ quay trở lại sững sờ, ngồi xuống phàn : « Tôi thân cô thế cô. Chỉ có hai mẹ con thì làm thế nào » và bà bật òa khóc. Liêm cúi mặt ngồi im, không biết cách xoay sở. Một lát cơn xúc động qua đi, bà cụ bình tĩnh lại than thở : « Khổ thân tôi quá, hãy giờ nó ở đâu ? Tôi đi thăm nó. » Liêm không dám nói thực, bảo : « Bác đề chiều nay cháu đi tìm trước đã. Biết chắc chắn bác hãy đi. Bác ở nhà sửa soạn quần áo đề đưa đi cho Hải. » « Cậu thương em, giúp tôi. Tôi không còn biết làm sao. » Liêm dắt xe đi ngay, lúc ấy đã mười hai giờ trưa, thở nhẹ nhõm khi ra đến ngoài đường. Bà cụ sẽ bỏ bữa cơm trưa nay và nằm khóc trong gian buồng than thở với người chồng và đứa con gái đã khuất mặt, chờ Liêm mang tin về. Trưa mùa đông không lạnh lắm, Liêm mặc trên mình tấm áo mới mua nghe hăm hơi, ghé vào hiệu phở đầu phố ăn bữa trưa. Từ trong hiệu nhìn sang bên đường là bờ tường một nghĩa trang đặt trong thành phố, không khí khuất tịch nín lặng trải trên mặt đường không có nắng. Liêm đến nhà Ngọc, bảo mình nghỉ buổi chiều đề đi hỏi thăm tin tức Hải cho bà cụ. Ngọc nói vừa ở nhà Thái về, đã thảo luận với Thái về trường hợp của Hải, nếu Liêm biết tin Hải cũng báo ngay cho hai người đề định liệu. Vợ Ngọc nằm lim dim trên võng, vạch trần nửa bên ngực cho con bú, đứa con ngủ lơ mơ miệng vẫn nút chóp chép. Chưa đến giờ làm việc, Liêm đạp xe xuống thẳng Kim-mã. Buổi trưa ngoài ô tiêu điều buồn bã hơn. Những chuyến xe hàng chạy đường Sơn-tây cũ kỹ già nua không người đỡ trước dãy nhà gạch lụp xụp dơ bẩn. Con ngõ gạch dốc chỉ có bờ bụi rậm rạp. Gian nhà của Hồ, cửa đóng kín như không người ở. Vợ Hồ tóc xõ dài, đi đất ra mở cửa. Trong nhà tối lạnh không nhìn rõ đồ đạc khi cửa khép lại, chỉ nghe hơi nhiệt của thân người đàn bà đứng

kề bên cùng tiếng thì thảo : Anh ấy đi Hải-phòng từ sáng sớm làm sao chú cũng biết, nhớ quá. Liêm bước mò mẫm như một người say có cánh tay đỡ ngang lưng vào giường, nằm ngửa thẳng bất động, nhìn ánh sáng mờ nhạt ở một khe hở trên đầu vách, nghe trùng nháo các thớ thịt và gió ào trên các bụi cỏ sau nhà. Người đàn bà bắt Liêm tháo gỡ hết áo quần như mình; để được mặc tinh ôm ấp da thịt gọn lạnh dưới chăn bông, Liêm hoàn toàn thu động, chán nản mặc người đàn bà xoay trở một mình. Và Liêm thiếp ngủ ngay trong khi người đàn bà còn chưa chịu rời xa. Liêm tỉnh sau một giấc dài, ánh sáng trên đầu vách không đổi, ngoài cửa nghe tiếng chân nháy lò cò thỉnh thoảng của trẻ con. Người đàn bà còn nằm nguyên trong thế gấn bó và cũng ngủ quên, Liêm tung chăn trở dậy, không rửa mặt. Người đàn bà hỏi : « Tối chú về không ? » « Tôi sợ có nhiều việc bận. » « Muộn muộn về cũng được. Chú có xe đạp mà. » Buổi chiều bắt đầu u ám. Liêm lên đến phố đã gần hết giờ làm việc. Trong bóng cảnh sát Liêm hỏi thăm, Hải không còn ở đây nữa, người cảnh sát còn trẻ, giở sổ tìm tên Hải không thấy ; những người đã bắt buổi sáng không thấy. Liêm nghĩ Hải đã bị đưa sang Công-an, nhưng khi về lại nói với mẹ Hải là Hải đã bị đưa xuống trại Ngọc-hà. Bà cụ nóng ruột đã xếp đủ các vật dụng vào trong làn chỉ chờ Liêm về là đi ngay, suốt từ trưa bà không ăn uống gì cả và không thấy đói. Chỉ một buổi chiều, nhà cửa trông hoang lạnh buồn thảm. Liêm mua theo bánh tây về cho bà cụ nhưng bà không ăn được, Liêm đành ngồi ăn một mình với gói chả buổi sáng trong buổi chiều sắp tối không thắp đèn. Bà cụ nằm trên ghế mở mắt đợi trời sáng. Liêm không thể nào ở lại trong nhà, lại đến Ngọc và hai người đi bộ đến Thái. Tối mùa đông phố vắng sớm, chỉ những rập chiếu bóng tụ tập đông đảo. Cửa hiệu của Thái cũng đã đóng. dưới nhà đèn tắt, ngừng lên gác thấy đèn sáng, nghe tiếng Thái nói chuyện lớn. Ngọc phải gọi cửa một lúc trên gác mới có người xuống. Cửa mở, một người thanh niên dắt xe đạp ra trước, Thái ở đằng sau. Người thanh niên cười khúc khích như chưa hết thú vị về câu chuyện đã qua và nói « Anh có khách này », rồi đẩy xe thẳng ra đường. Thái cất tiếng gọi : Đồng ơi. người thanh niên đã ngồi trên yên, ghéch chân trên hè ngoảnh

cỏ, Thái chạy đến dẫn dò nhỏ nhỏ và người thanh niên lại cất tiếng cười ròn ăm trước khi đạp xe xuôi về mạn chợ Hôm. Thái quay trở lại rủ Liêm và Ngọc đến hiệu cà-phê cùng phố còn mở cửa. Ngọc nói : « Có lẽ Hải bị đưa sang Công-an. » Thái bảo hai người yên trí anh sẽ nhờ người bạn trong Công-an hỏi hộ. Liêm nói : « Tôi phải nói dối bà cụ, mai bà sẽ xuống dưới Ngọc-hà. Nếu anh được tin gì anh nên cho tôi biết ngay. » Sau đó Thái có ý trách Liêm tại sao không cản đề cho Hải mua cầm theo tay một tờ báo kháng chiến, nhất là một tờ báo văn chương, cho rắc rối. Liêm đeo Ngọc về đến nhà đã gần mười một giờ đêm. Gió thổi giá buốt thêm, trời tối kịt. Liêm không còn đủ can đảm đạp xe xuống Kim-mã nữa. Suốt đêm bà mẹ Hải trần trọc thao thức làm Liêm cũng mất ngủ. Nửa đêm gió nổi ào ào, Liêm mệt thiếp như chết. Bà cụ lịch kịch trở dậy lúc trời còn tối đen. Thấy ánh đèn Liêm ngỡ như thường lệ bà sửa soạn hàng bán. Sức nhớ, Liêm vội cố nhường mắt dậy bảo : « Bác đi đâu sớm thế ? Giờ này ai người ta cho vào. Đề chốc nữa cháu đeo bác đi. » Bà cụ khẳng khẳng đòi đi, bà sợ xe đạp, bà sẽ đi tàu điện xuống hàng Dãy và đi bộ một quãng. Bà chỉ sợ người ta đưa Hải đi mất không cho bà nhìn thấy mặt con. Bà hẹn Liêm sáng xuống sau gặp bà. Liêm nằm trở lại ân hận đã dối bà nhưng rồi cũng ngủ thiếp thêm một giấc nữa. Buổi sáng Liêm xuống trại Ngọc-hà, nhưng không thấy bóng bà cụ, không dám vào, đến ngồi ở quán nước xé trại ngóng nhìn. Đến chín giờ, Liêm quay về nhà in làm việc. Buổi trưa về nhà cũng không thấy bóng bà cụ. Mãi đến chiều tối bà mới về đến nhà. Bà đã hỏi thăm trong trại, không ai biết Hải và bà đã ngồi ngay ngoài cổng cả ngày rình các xe cộ ra vào xem có Hải đến hoặc đi không. Liêm bảo : « Như thế có lẽ Hải chưa xuống. Mai bác ở nhà cháu đi hỏi lại xem. » « Không, mai tôi lại xuống nữa. Tôi tìm cho bằng được mới thôi » Liêm dỗ dành : « Bác ở nhà nghỉ cho khỏe. Đề cháu tìm thế nào cũng thấy ». Bà cụ mếu máo : « Ruột tôi nóng như lửa làm thế nào ngồi yên được. » Ba ngày liền, bà dậy đi từ từ mờ dặt đến tối mịt mới trở về nhà, mệt mỏi phờ phạc, mặt hốc hác mắt hờn ; đêm ngủ nói mê ú ớ. Liêm chỉ sợ bà ngã bệnh, người bà vốn gầy gò ốm yếu. Ngày thứ tư gần trưa bà tìm đến nhà in đề báo cho Liêm biết đã

gặp Hải. Sáng nay người ta mới đưa Hải xuống trại, tay bị còng, bà từ bên vệ đường đã nhào đuổi theo xe mặc người lính gác ngăn cản hăm dọa, kêu réo lên ầm ỉ, cuối cùng người ta đành để cho bà vào gặp mặt con và bà đã trao cho Hải được giỏ quần áo và món tiền dặt lưng. Hải nhắn về bảo Liêm nói với Thái Hải bị đưa đi Thủ-đức nội nhật ngày mai. Bà đang nói chuyện với Liêm ngoài cổng thì ông Kiêm ra về. Ông sừng sốt nhìn bà hỏi : « Có phải chi Tín không ? » Bà ứa nước mắt : « Anh còn nhận ra tôi ư ? Thằng Hải bị bắt đi Thủ-đức rồi. Anh có cách nào giúp mẹ con tôi không ? » Ông Kiêm càng sừng sốt hơn : « Thằng Hải là con chị ? Tôi đâu có biết. ». Ông mời bà mẹ Hải vào trong hời han gia đình. Bà mẹ Hải chỉ nhắc đi nhắc lại một câu : hai đứa con lớn bà còn ở ngoài kháng chiến, bây giờ có cách nào cho Hải được ở gần bà. Ông Kiêm chỉ biết an ủi, hứa đợi Hải ra trường ông sẽ tìm nơi quen biết gửi gắm : « Chị yên chí. Con trai thời này là phải đi lính cả. Không bên này thì bên kia. Không chết đâu chỉ sợ. » Bà chùi nước mắt bằng vạt áo, đứng lên, bà lại trở xuống đề xin vào gặp Hải. Được tin Hải, Thái cũng lắc đầu : « Tưởng nó đưa sang Công-an thì có cách xoay ra. Chứ thế thì chịu. Nếu anh có gặp Hải nhắn chú ấy hộ tôi là ở hoàn cảnh nào cũng có thể phục vụ cho cách mạng được ». Buổi chiều, Liêm định xuống Ngọc-hà thăm Hải nhưng lính gác không cho vào, không gặp được mẹ Hải, Liêm đạp xe thẳng xuống nhà Hồ. Hồ đã về, được nghỉ ở nhà, trông thấy Liêm hỏi : « Chú ốm hay sao mà gầy tọp đi thế ? » Liêm tự hỏi : mình gầy thật ư ? và đưa tay lên sờ mặt. Vợ Hồ lên Phủ Doãn thăm thai, « tôi mệt quá không đưa nhà tôi đi được. » Liêm ngồi lại một lúc rồi lại về phố, đạp xe lang thang đến tối quên cả bữa cơm chiều. Về đến nhà, Liêm thấy cụ lại đang xếp những món đồ mang thêm cho Hải vào làn, bà đưa cho Liêm một mảnh giấy của Hải viết vội : Anh Liêm. Mai tôi phải vào Thủ-đức rồi. Tôi đi vắng anh cứ ở lại nhà cụ đỡ quanh quẽ. Học xong, chắc tôi lại được trở về. Anh nói với anh Thái, anh Ngọc không bao giờ tôi quên các anh ấy. Gửi lời anh ấy thăm ông San anh Tuất, Long, vì hoàn cảnh không thể từ biệt được. Hải.

Sáng hôm sau khi bà cụ xuống đến Ngọc-hà, trời chưa sáng rõ, người ta đã mang Hải đi mất. Buổi trưa đi làm về, Liêm gặp

bà nằm dài trên ghế quay mặt vào tường, chiếc làn còn nguyên vẹn không trao được đặt dưới đất. Liêm ngồi lên phản, không biết phải ngỏ lời thế nào. Nếu tôi gặp lại mẹ tôi, nếu bà mẹ Hải năm kia chính là mẹ tôi, bà có thể là mẹ tôi được chứ, bà vẫn chỉ là kẻ xa lạ không dính dấp không ràng buộc. Nỗi thống khổ của bà, tôi hiểu, tôi hiểu rõ hơn ai những tôi làm gì được. Tôi ở lại bên cạnh bà cho bà bớt quanh quẽ, thay thế những đứa con ruột của bà, tôi ở lại và tôi vẫn chỉ là kẻ xa lạ. Cố gắng mãi Liêm lên tiếng : “Bác ăn gì không ?” Bà cụ không quay mặt ra, bảo với Liêm lục tìm trong làn lấy bánh tây mua từ sáng cho Hải mà ăn. “Bác ăn cho đỡ đói.” “Không. Cậu cứ ăn đi.” Bà ngo ngẩn ra vào không làm ăn gì được đến hơn tuần lễ và Liêm như bị nhốt tù trong vùng ủ ê buồn bã của bà. Chỉ ngay hôm sau bà thôi cơm lại cho Liêm ăn nhưng không đi bán hàng, Liêm phải về ở trong nhà ngoài giờ làm việc không bỏ đi đâu được. Đêm mùa đông, cửa đóng kín, gió xô đập, Liêm nằm một mình trên tấm phản rộng, đèn tắt sớm, lắng nghe sự im lặng đè nén của bà cụ lẫn trong bóng tối buốt lạnh. Hơn một tháng qua, Liêm nhận được thư Hải gửi về cho mẹ. Tối hôm ấy, Liêm đọc thư cho bà cụ nghe, bà vừa cười vừa khóc và Liêm nhẹ nhõm thơ thới cả người. Liêm kể cho bà nghe cảnh vật, phong tục miền Nam, bà say sưa nghe và Liêm tưởng như chính mình đang ở trên đường trở về Sài-gòn. Rồi Liêm thay bà viết thư vào cho Hải, Liêm muốn giới thiệu Hải lúc nào được về Sài-gòn tìm đến Tường nhưng không nhớ được số nhà, muốn viết thư cho Hạnh nhờ Hải đưa đến nhưng nghĩ Hải không thể vào xóm Đồng Ong Cộ. Và lại một năm rồi biết bao nhiêu đổi thay làm sao lường được — nên chỉ viết vài dòng hỏi thăm thương tình. Ngày hôm sau, bà cụ dậy sớm đi chợ, bà về trước giờ Liêm đi làm với đôi quang gánh đồ vật, bà bảo : “Mai tôi lại đi chợ. Ở nhà cũng buồn”. Bà đưa cho Liêm mấy cái bánh khúc còn nóng. Liêm vừa thối vừa ăn nhồm nhoàm, bảo : “Ở trong Nam không có bánh khúc”. Buổi sáng càng ngày càng rét cắt, Liêm hé mắt nhìn ánh đèn chập chờn, nghe tiếng động lịch kịch quen thuộc ; một mình bà cụ trong tấm áo kép, thỉnh thoảng miệng suýt soa, nhóm ngọn lửa đầu tiên trong xóm, sửa soạn gánh hàng buổi sớm ; Liêm cũng mong ngày Hải được trở về để trả lại gian nhà và bà mẹ.

(Còn nữa. Kỳ sau đăng tiếp)

THANH-TÂM-TUYỀN

tuổi trẻ, tình yêu và chiến tranh trong thơ hiện đại

Nói thơ hiện đại là chúng tôi muốn nói cả thơ đã thành hình và thơ đang thành hình. Một năm đọc bài cho VẮN là một năm nhiều chuyện vui buồn. Mỗi ngày chúng tôi nhận được không dưới năm mươi bài từ khắp nơi gửi tới, trong và ngoài nước, trong số có tới 90 phần trăm là thơ.

Kèm theo những bài thơ thường có những lá thư. Phần lớn những bạn làm thơ trẻ tuổi đều thú thật là họ đã bần khoản, ngần ngại mãi trước khi gửi bài tới tòa báo; và trong trường hợp bài không được chọn đăng, hầu hết các tác giả đều mong mỏi được nhận một sự chỉ dẫn vì các bạn đó tin rằng trong tòa soạn có người có đủ khả năng làm được việc này. Ngoài những lá thư thông thường kể trên, còn có nhiều lá thư thật là « độc đáo ». Có người quả quyết rằng anh ta là một thiên tài, dù bài của anh gửi tới tòa báo có chọn đăng hay không, anh vẫn là một thiên tài xuất chúng. Lại có người, sau khi được tin bài của mình bị gác, bèn viết một lá thư dài trách cứ các anh chủ nhiệm và thư ký tòa soạn là, để cho Ban Tuyển-đọc Tác-phẩm làm việc « gà mờ » như thế, báo VẮN đã làm mất của thi ca Việt-nam mấy bài thơ tuyệt tác. Lại cũng có người đã gọi điện thoại, biên thư hoặc cất công đến tận báo quán « chất chính » xem BTĐP gồm có những ai và nói tận mặt nhân viên tòa soạn, « đó là một bọn bè phái, bọn học phiệt »... Nhưng đó chỉ là một vài mẫu chuyện vui vui mà chúng tôi thuật lại để toàn thể bạn đọc cùng rõ. Còn như việc làm của chúng tôi có thẳng thắn và vô tư hay không, thiết tưởng hai năm qua bạn đọc đã nhận thấy rõ ràng.

Một nhận định chung của chúng tôi về số thơ của các bạn đọc gửi tới là ảnh hưởng của cuộc chiến tranh hiện nay trên đất nước rất nặng đối với tuổi trẻ Việt-nam. Bom đạn, sự chết chóc và nỗi niềm cô đơn gần như là đề tài chung của hầu hết các bài thơ. Tình yêu trước sự đe dọa không

héo hắt mà, ngược lại, trở nên vô cùng tha thiết và thơ mộng trong v: cay đắng ngọt ngào kỳ lạ của nó. Người làm thơ đã thần thoại hóa cả những cảnh đau lòng nhất. Chiến tranh không còn ý nghĩa triết lý như trong văn chương thế giới mà chúng ta thường đọc thấy. Ở đây là một cuộc chiến tranh cụ thể, đã làm chết người, người lớn và trẻ con, đã làm chia xa anh em bạn bè thân yêu của mọi người. Đó có thể là những bài thơ buồn nhưng không có giọng than van. Hình như tuổi trẻ Việt-nam đã tập chấp nhận, đứng thẳng trước mọi hoàn cảnh. Đọc thơ của họ ta có cảm tưởng tiếng nôi đã làm vỡ tung nhiều thứ. Trên những mảnh vỡ ấy, những mảnh vụn nát ấy đều phủ đầy tình yêu của tuổi trẻ Việt-nam.

Dưới đây là một số những bài thơ chúng tôi đã lưu trong số các bài của những người làm thơ trẻ gửi tới — những bài thơ mà tòa soạn đã dự định trình bày trong số Xuân nhưng vì thiếu trang nên đã phải gác lại tới kỳ này...

BAN TUYÊN ĐỌC TÁC-PHẨM
CỦA VĂN

n h ó

LÂM - CHƯƠNG

ở đây sâu búa bốn bề
cây khô, nhánh lạnh chim về ngẩn ngơ
trống hoang nhà cửa hững hờ,
ngắm nghe tiếng gió vẫn ngờ bước em
ngoài kia nắng úa lụa mềm
hoa không hươm lượn trên thềm vắng hoe
chừng như trời đã sang hè
ve run giọng nhớ hồn khe khẽ buồn.

với người đi trước

CHU - TRẦM NGUYỄN - MINH

bàn tay này em trao cho anh
thêm máu xương xây thành đắp lũy
thể hệ chúng ta như vậy
là nỗi bi thương khốn cùng

đôi mắt này em trao cho anh
hãy ngắm quân thù và đòi tự do cơm áo
oi những bài ca dao
bây giờ làm sao hát lại
trên quê hương chúng ta một lần

trái tim này em trao cho anh
có nước mắt người em, tiếng khóc người mẹ
thôi những chuyện thần tiên xưa không còn
em dỗ giấc mơ bằng gì
ngoài niềm đau đang hồi hung hãn

với tất cả — em trao cho anh
chúng ta cùng sống và chết
cho tổ quốc quê hương
cho tương lai đàn em mai sau
không còn nước mắt.

trên xe ô-tô-buýt

NHỮ-ĐÌNH TOÀN

Đêm bắt đầu yên tĩnh trên đồng cỏ xanh
Đêm quần quít quanh những vòng thép gai hoen rỉ
Chiếc xe đồ vôi vàng trở về thành phố
Anh hồi hồi đón chuyển buýt cuối cùng
Hành khách chật thán nhiên như tượng
Không ai nói một lời

Xe chạy miết thấp đèn sáng trên đầu, ngoài cửa sổ
Người bán vé thối còi như một khúc hát quen
Tấm vé xe hai đồng ngậm trong miệng
Qua suốt chặng đường dài
Ở ngoài ô mọi người lạnh nhạt
Làm sao anh nói rằng yêu em
Giữa khoang xe xô đẩy

Xe còn chạy, chạy hoài trong thành phố
Hành khách xuống chẳng ai nói một lời từ biệt
Nhớ một thằng bạn mới chết năm trong nghĩa địa
Vinh hiển chỉ những dòng cáo phó
Trên tờ báo mới phát hành buổi chiều
Chắc chẳng bao giờ em nghĩ là anh muốn khóc.

n ó i v ó i h u v ô

NGUYỄN - BACH - DƯƠNG

con ngựa già và cành gai hồng trên chòm
 bốn vó khẳng khiu
 những chiếc lông bờm dài và nhọn như những
 thanh gươm thời cò sừ
 màu đen loăng dăn loăng dăn
 từng phiến sầu trôi đi trôi lại trong hồn
 hai mươi năm cháy mau như que diêm bật
 trong cơn gió
 rồi những náo nức cũng lãng quên
 như những ngày tháng rơi theo hạt buồn
 tôi bỗng hóa thân thành loài bò sát
 gặm nhấm từng sợi đau buồn chảy dài trong
 não tủy
 và em thì phát hỏa
 ôi ! tình yêu nhiệm mầu như liều thuốc ngủ.

h ạ

VŨ-THUY THUY-CA

Hạ gieo vàng ngấn tay tiên
 Áo xanh cỏ nội chiều nghiêng giữa giòng
 Trời cao tiếp đỉnh sông trong
 Nửa khoang thuyền bỗng mơ màng dấu yêu.

tuổi đêm

NGUYỄN - THỊ HA

từ em gỏi lẻ canh trường
trông ra cỏ lạnh mù sương nẻo về
anh còn ngàn nỗi sợ khô
cười trong tóc ngựa ô chề tuổi em

từ quê lửa dậy đôi miền
người lao đao ngã máu biển biệt trôi
khỏi buồn còn quỵên trên nôi
em điên mê gọi ba hồi tuổi con.

cảnh xuân phận hôm nay

TRẦN - MỸ - HUYỀN

bây giờ khói ngủ tay sông
hàng lau thưa xuống vài dòng xuân nghiêng
áo loang sóng nước lưng mềm
đá xanh ngời bóng lờ chim dạt chiều
ngày nương tóc xể quạnh hiu
cỏ khô bờ nhớ sương xiêu ảnh ngàn.

một đoạn cho mùa xuân

THÀNH - TÔN

nàng che mặt sau tiếng hát
chàng giấu mình sau tiếng súng
mùa xuân giấu mình sau dáng hoa
chiến tranh giấu mình sau chủ nghĩa
cái chết giấu mình sau áo quan sơn đỏ
cái chết màu mè

nàng đang hát hay đang khóc
chàng biết mà nằm đó không nói
tình yêu thì nhọc nhằn
người đàn bà Việt-nam vậy đó
mùa xuân Việt-nam thì tan tành
tiếng hát thì bất diệt mà u buồn
nhưng tiếng hát vẫn còn đó
ám ảnh mọi người.

giọng buổi chiều

NGUYỄN - VĂN NGŨ

*ngồi nghe máu chảy phân vân
trên cao mây bạc, dưới chân cát vàng
xa xa cồn bãi gập ghềnh
mù mù sương khói, lênh đênh xác người.*

người chết ở pleime

PHAN - HUY - MỘNG

thằng vũ chết rồi trong trận pleime đó em
thằng vũ chết rồi trong trận đánh pleime đó em
không khiếp và khóc liệt
những lần về phép sau này em ra cửa đón anh
sẽ không bao giờ thấy nó
nó chết rồi
thằng vũ nó chết trong trận pleime cho quê hương
đó — nó nằm đó — nó ngồi đó
những tràng súng nổ chính nó bóp cò, địch bóp cò
cho tất cả chúng ta cùng chết trong trận giặc chúng ta
đó — nó nằm đó che giấu chỗ nát bầy trên ngực
dòng máu đỏ đọng lại trên thắm cỏ khô
đền nhận diện đi em
em hãy khóc lớn một chút rồi dỗi cho nó mấy que nhang
thằng bạn đồng đội chỏ mũi súng lên trời thét lớn :
tao sẽ thù cho mày — sẽ trả thù cho mày
xong tất cả đồng củi xuống đắp lên mình nó một lá cờ
tổ-quốc đó nghe vũ
tổ-quốc khóc mày đó — thương mày đó
nam trung bắc nhớ ơn mày với chiến trường pleime
tao đây nghe vũ với cảm xúc phiền muộn
nỗi đón đau còn cào trong lồng ngực
hết rồi hết rồi — nhận diện vũ lần cuối
đền nhận diện vũ lần cuối đi em
nó chết rồi trong trận pleime và cho quê hương.

giã biệt

LÊ-YÊN-THANH

*Người đàn bà cúi xuống rất lâu
Nước mắt làm hơen ố chiếc khăn phủ trên mặt
Tiếng nức nở van xin to dần
Nàng ngã quy trên chiếc quan tài màu lam
Nước mắt biến thành suối chảy vào đáy huyết
Báo hiệu một khoảng cách yên lặng
Ngăn chia thế giới của chàng và nàng*

*Người đàn bà ngồi xuống cạnh quan tài
Thì thầm cầu nguyện
Ngọn bạch lạp cháy sáng làm kẻ chứng nhân
Và gió kéo đến thổi tắt niềm ước vọng của nàng
Nàng không muốn xa chàng
Nàng cúi sát quan tài
Hồn chàng
Tiếng khóc của nàng rất to
Vẫn ngỏ lời giã biệt.*

- văn này là văn... lang
- ★ sự sa sút của ông nguyên
vỹ
- lang nhăng l... ll... v v...
- ★ giải thưởng văn chương ..
vô !



bài của MỖ LÀNG VĂN

văn này là văn... lang

Trong một buổi gặp mặt anh em làm văn nghệ, thượng-toạ Thích Nhất-Hạnh, chủ báo *Giữ thơm quê mẹ*, thuyết trình là đất nước ta, xã hội ta giờ đây chẳng khác gì một con bệnh trầm trọng và ông có ý muốn đề ra một thứ văn hóa có tác dụng chữa bệnh. Có điều là ông phân vân chưa biết đặt tên cho nền văn hóa chữa bệnh nọ là gì, nên ông đưa « văn đề » ra « chất chính » anh em. Giữa lúc mọi người còn yên lặng, kể cả nhạc sĩ Phạm Duy (người có kho ngữ vựng phong phú mà điển hình là bốn chữ « giữ thơm quê mẹ » trong một bài ca của ông đã được thượng-toạ Nhất-Hạnh chọn làm tên báo), thì nhà văn hóa Hồ Hữu Tường đứng đứng lên tiếng mà rằng : « Thuở xưa, anh em chúng tôi ra báo, họp bàn nhau mãi mà không biết chọn chữ gì đặt làm tên báo cho xôm, sau bèn lấy tên nước ta là Văn-Lang mà gọi thì nghe cũng kêu lắm. Nay, nếu thượng-tọa bí chữ thì có thể lấy tên đó mà sai cũng dặng... » Thấy cử tọa tỏ vẻ ngạc nhiên chưa hiểu, họ Hồ bèn giải thích thêm : « Văn ở đây là văn chương, văn nghệ, văn hóa... còn Lang ở đây là ông lang, là thầy lang chữa bệnh, coi mạch, cho toa, hốt thuốc... Đó há chẳng là ý muốn của thượng-tọa đó ru ? !... »

sự sa sút của ông nguyên vỹ

Từ ít lâu nay, trên mặt báo *Phổ-thông*, người ta thấy ông chủ-nhiệm-chủ-bút-giám-đốc Nguyễn Vỹ viết bài *jong* chữ bởi lung tung bộn làm văn nghệ khác ông, nghĩa là không « chuyên về văn hóa dân tộc và văn hóa quốc tế, có uy tín nhất ở quốc nội và quốc ngoại... »

Người ta cứ tưởng ông Nguyễn Vũ bí đề tài thì viết lắm nhảm, chửi lăng nhăng cho nó kín trang báo, mấy trang trọng vọng của riêng ông. Nào ngờ ông la làng như thế bởi chưng ông bị sa sút quá đa quá dồi : Nhớ ngày nào ông còn lớn tiếng rêu rao là tạp-chí *Phô-thông* của ông có tới những năm-chục-ngàn độc giả ở khắp năm châu bốn bể. Vậy mà mới đây ông công khai hạ con số đó xuống còn có ba-chục-ngàn mà thôi ! Vậy là hai-chục-ngàn độc giả trung thành và thân mến của ông đã bỏ ông mà đi ngang xuong như vậy đó, hỏi là ông không buồn, không bực, không chửi bới lăng nhăng và lung tung sao được ? Nhất là trong lúc ông còn đang " chết nửa cỗi lòng " vì tờ nhật-báo *Dân ta* cũng của ông 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 nên đã bị chính quyền đóng cửa cho nó sạch sẽ cái làng báo !

Ông Nguyễn Vũ chửi ai thì chửi, bởi đó là cái quyền của ông. Thế nhưng cứ nghe ông chửi có nhiều người không khỏi không chê trách ông và lấy làm thương hại cho ông. Bởi lẽ ông chỉ chửi bới bằng quơ, mà không dám gọi đích danh người hay cơ quan mà ông muốn chửi ra mà chửi. Chửi bằng quơ như ông, đã không lôi kéo được sự chú ý của người nghe, lại còn mang tiếng là mình thiếu liêm khiết về trí năng. Ấy là nói xa xôi về phía quần chúng độc giả, chứ còn gần gũi như anh em trong làng thì có lẽ cũng chẳng ai còn lạ gì ông Nguyễn Vũ nữa rồi. Cứ giở báo *Phô-thông*, mục " Minh ời " mà thử tìm xuất xứ (nhưng không thấy chưa) những bài của ông Nguyễn Vũ, ấy chết : của cô Diệu-Huyền, thì người đọc đủ khiếp vía vì cái tài quán thông kim cở của người viết rồi !

Cứ cái trò võ ngực tự khoe nhất thiên hạ, tài giỏi nhất thiên hạ, có uy tín nhất thiên hạ, trong sạch cũng nhất thiên hạ... thì nếu có ngày nào, ông Nguyễn Vũ than thở với ba-ngàn độc giả của ông (vâng, chỉ ba-ngàn thôi) thiết tưởng cũng chẳng có chi đáng coi là ngạc nhiên nữa cả !

lăng nhăng I... lăng nhăng II...

Kể từ khi hai nhà đại... văn hào Giăng-Pôn Xác và An-be Ca-muy đem tom góp các bài báo cho in thành những tập " Si-tuy-a-xông " và " Ấc-tuy-en " có ghi số I, II, III..., chẳng biết ở các nước khác trên thế giới đã có nhà đại... văn hào nào bắt chước hai ông Tây đó hay chưa, chứ riêng ở nước Việt-nam có dư bốn ngàn năm văn hiến này thì gần đây đã có khá nhiều tác giả nổi gót hai ông (Mỗi tôi không dám kể đến " Thượng-chi văn-tập " của cụ

Phạm-Quỳnh vì cụ Thượng đã chết và cũng vì đó là chuyện ngày xưa !)

Bây giờ thì, sau giáo sư Nguyễn-văn Trung với những tập « Nhận-định », đã có nhà văn Võ Phiến với các tập « Tập-bút », và mới đây nữa lại có nhà văn Thế-Uyên cho in tập « Thái-độ I ».

Bữa nọ, lật xem « Tập-bút tập II » (mỏng như ngực các nhà văn xứ Giao-chi) thấy nhà văn Võ Phiến lục đăng những bài thơ do ông sáng tác từ thời... thượng cồ cùng là bài đề tựa cho một tập thư viết do sự vì nề bận bẻ..., thằng Mỗ làng Tân-nhuế đã lấy làm một sự bức mình, cứ định bữa nào gặp họ Võ thì sẽ lựa lời nhắc khéo ông nên đề dành việc sưu tập những bài đề tựa cho... hậu thế chúng có việc làm.

Chẳng biết hán đã gặp ông Võ chưa mà bữa mới đây, nhân lang thang qua các hàng sách, thấy nhà văn Thế-Uyên cho rao trước là ông sẽ cho in tiếp « Thái-độ tập II », thằng Mỗ làng Tân-nhuế bèn lôi ngay Mỗ-tôi ra quán cóc mà thết đãi một châu la-de-củ-kiệu-tôm-khô-mực-nướng thật là tung bừng và hoan hỉ quá trời. Thằng Mỗ Tân-nhuế phởn vì nó vừa tìm được cách kiếm tiền rất ư là ngon ăn và cũng rất ư là lương thiện.

Kính thưa quý vị độc giả thân mến của bôn báo, thằng Mỗ làng Tân-nhuế sẽ gộp nhật những bài báo linh tinh, dài chừng dăm bảy trang, ngắn thì đôi ba trang, rồi đem in thành sách, bán chơi, kiếm chút tiền lời mà la-de thuốc lá. Hán đã tắm gội sạch sẽ, coi lịch chọn ngày lành, lập đàn cúng lễ cả chín phương trời lẫn mười phương phật, và đã được chư thần hiển linh ban cho cái tên đề dùng làm nhan đề của sách. Tên đó là « Lãng-nhăng I », « Lãng-nhăng II » « Lãng-nhăng v.v... »

Mỗ làng Tân-nhuế lại còn vốn dĩ là một thằng cha cần thận. Trước khi tiết lộ cho Mỗ này được biết, hán đã đem cầu chứng tại tòa (tòa thương mại hán hoi) cái nhan « Lãng-nhăng » rồi đó. Đừng có vì nào ham ăn, thấy ngon lành bèn vung tay mượn tạm mà sai đờ thì sẽ... có chuyện ngay tức thời với thằng cha Mỗ làng Tân-nhuế đó ghen !

giải thưởng văn chương... vô !

Sáng chủ nhật 30-1-66, nghe đài phát thanh Sài-gòn, được bộ Văn-hóa Giáo-dục loan tin cho biết là bộ đã tuyên xong một Hội-

đồng giám-khảo cho Giải-thưởng Văn-chương Toàn-quốc. Theo bản tin này thì Hội-đồng đó gồm những nhà văn có uy tín nhất hiện nay được lựa chọn bởi chính các nhà văn. Cũng vẫn theo bản tin đó thì Hội-đồng sẽ chấm tất cả những tác phẩm đã xuất bản và có nộp bản hợp pháp trong hai năm qua. Như vậy không có cái gọi là hơn hai trăm tác phẩm gửi tới dự thi, một điều mà ban biên tập Tuần-báo Nghệ-thuật Truyền-thanh nên ghi nhớ mà sửa sai.

Nhìn vào thành phần Hội-đồng Giám-khảo, người ta thấy vắng bóng những nhà văn trẻ hoặc là có khuynh hướng làm trẻ nghệ thuật. Ngoại trừ một Nhật-Tiến là vang bóng trung thành của Tự-lực văn-đoàn, một Võ Phiến ngồi chẻ sợi tóc ra làm tư, tám vị còn lại ta đều có thể gọi bằng cụ mà không sợ... bị mắng.

Ấy là nói về thành phần ; còn nói về uy tín thì nhiều người không đồng ý với Bộ Văn-hóa Giáo-dục. Chẳng hạn như trường hợp ông Phạm Việt, Tuyền trong bộ môn khảo luận. Bởi vì cứ xét theo tác phẩm thì ông Tuyền chưa xứng đáng là một nhà khảo luận. Nếu gọi mấy cuốn sách giáo khoa của ông là sách khảo luận thì đúng là một vụ cưỡng hiếp danh từ. Còn nếu vin vào cuốn *Quan-diêm về mấy vấn-đề văn-hóa*, thì thiết tưởng, qua bản chất của cuốn sách, cũng như qua sự nhận xét của rất nhiều người, đó là một tập tiểu luận được viết ra để làm lợi cho một chế độ. Nay chế độ đó đã sụp đổ, giá có để cuốn sách đó chìm vào quên lãng, cũng không có gì đáng coi là sự thiệt thòi... (Viết những dòng trên Môtôi không có ý chống báng gì với cá nhân của ông Tuyền, nhưng xét vì giải-thưởng này là giải thưởng có giá trị quốc gia, lại nghe thấy bộ dùng chữ « có uy tín nhất » nên buộc lòng Môtôi phải trình bày quan diêm trên — một quan diêm tuy là riêng của Môtôi nhưng nó cũng phản ánh được ý nghĩ của khá nhiều người khác vậy).

Nếu Môtôi không lầm, dường như thư yêu cầu tuyển chọn ban giám-khảo, bộ đã chỉ gửi theo danh sách hội viên TTVBVN. Nếu đúng vậy thì quý vị có thể tin được về sự phỏng đoán này của Môtôi : giải thưởng văn chương toàn quốc năm nay thế nào cũng về tay các hội viên của TTVBVN. Một đồng ăn bốn, ai đánh cá Môtôi cũng bắt liên, không ngần ngại nửa giây...



HỘP THƯ Bạn đọc

LƯU Ý BẠN ĐỌC

• Địa chỉ của tòa soạn :

Trân trọng lưu ý quý bạn có việc cần tới tòa soạn, hãy tới gần chợ Thái-Bình, tòa soạn đặt ở số 38, xé cửa rạp *ciné* Thanh-Bình.

• Thẻ thức gửi tiền :

Mong quý bạn gửi tiền bằng bưu phiếu đề tên ông Nguyễn-đình Vương.

Tại những bưu cuộc thuận tiện, yêu cầu quý bạn gửi tiền cho chúng tôi bằng bưu-chi-phiếu. Hãy hỏi xin tại bưu cuộc nơi bạn ở thiệp phiếu Mẫu số H-1418 để gửi tiền cho ông Nguyễn -đình Vương, trương mục 19 42, Chánh Trung-khu Chi-phiếu Sài-gòn.

Gửi theo lối này quý bạn khỏi phải mua bưu phiếu mandat-poste cũng khỏi phải gửi thư bảo đảm đỡ tốn bưu phí.

Tại nơi nào quý bạn không xin được thiệp-phiếu, mong quý bạn biên thư cho biết, chúng tôi sẽ gửi tới quý bạn ngay.

Tòa báo sẽ không chịu trách nhiệm gì về những số tiền gửi trong bao thư và chẳng may bị mất.

Nếu số tiền nhỏ, quý bạn có thể trả bằng tem thư.

★ Thẻ thức gửi bài :

Bài gửi cho VĂN xin viết một mặt giấy, viết rõ ràng hoặc đánh máy càng tốt.

Trên bản thảo, ngoài bút hiệu, xin ghi rõ tên thật và địa chỉ để tiện liên lạc. Tác giả nào muốn lấy nhuận bút, cũng xin ghi rõ trên bản thảo.

Tập san VĂN không có chủ bút. Việc chọn đăng bài của bạn đọc do một ban đọc bản thảo (gồm 3 người) phụ trách, Bản thảo nào được 2/3 phiếu đồng ý thì sẽ tuần tự đăng. Ban đọc bản thảo làm việc rất siêng năng, vô tư và lúc nào cũng đặt nặng vấn đề khám phá những tài năng mới.

Chúng tôi xin đoan chắc với quý bạn là không có một bản thảo nào gửi về VĂN mà lại bị bỏ quên, cũng như không có sự thiên vị nào trong việc chọn lựa cả.

Theo thông lệ, VĂN không gửi trả lại bản thảo, ngoại trừ trường hợp có lời yêu cầu của người gửi và có bưu phí gửi kèm theo bản thảo.

Ban tuyên-đọc cũng xin được miễn trả lời những yêu cầu ban này nêu ra những nhận xét về tác phẩm của bạn đọc.

• Về các số báo cũ :

Ban đọc nào cần có thể liên lạc với ty trị sự của VĂN để hỏi mua những số báo cũ.

Ngoài ra, cứ 6 số báo cũ lại được đóng chung thành một tập, có bìa cứng trình bày trang nhã.

Giới thiệu Sách mới



Tòa soạn **VĂN** vừa nhận được những tác phẩm mới dưới đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trân trọng giới thiệu cùng độc giả của **VĂN** :

★ **CHIỀU HỒN THẬP LOẠI CHÚNG SINH**, thơ Nguyễn Du do Đàm Quang Thiện hiệu chú, Nam Chi tùng thư xuất bản. Sách dày 68 trang, giá 35 đồng.

« Chiền hồn » hoặc « Văn tế thập loại chúng sinh » là một tác phẩm quan trọng của thi hào Nguyễn Du. Ông Đàm Quang Thiện chủ giải rất công phu và tỉ mỉ.

Sách phát hành nhân dịp kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du, là một tài liệu cần thiết và hữu ích cho văn học giới.

● **PHA LÊ**, thơ Phương Mai do Lam-Giang xuất bản. Sách dày 130 trang, bản đặc biệt không ghi giá bán.

Tác phẩm đầu tay của Phương Mai gồm gần 50 bài thơ.

★ **LỊCH SỬ VĂN HỌC CÔNG GIÁO VIỆT NAM**, biên khảo của Võ Long Tê, do Tư Duy xuất bản. Cuốn 1, dày 312 trang, giá 90 đồng.

Sách gồm 2 phần chính : 1) phần mở đầu : khái luận về văn học công giáo V.N. — 2) phần thứ nhất : Văn học công giáo V.N. phát sinh.

Đây là cuốn đầu của một bộ sách khảo luận gồm 3 cuốn.

● **PHẬT HỌC TINH YẾU**, biên khảo của Thích Thiện - Tâm do Huệ Nghiêm xuất bản. Sách dày 436 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Sách biên khảo trình bày những tinh hoa của Phật-giáo. Đây là thiên thứ nhất của một bộ sách khảo luận sẽ gồm có nhiều thiên (xuất bản sau).

★ **HƯƠNG THƠ ĐẤT THỦ**, 6 tác giả. 6 trang, không ghi giá bán.

14 bài thơ của Nguyễn Hữu Lê, Lê-văn Bê, Dạ Hành Nhân, Thy Dạ Thảo, Tâm Thúy và Nguyễn Dạ Vũ.

● **CỬA KHÔNG**, khảo luận của Kim Định do Ra Khơi xuất bản. Sách dày 280 trang, giá 75 đồng.

Tài liệu học tập tóm lược những bài giảng huấn về triết lý Đông-phương tại Đại - học Văn - khoa Sài-gòn.

★ **ĐỒNG NAI VĂN TẬP**, nhóm Đồng nai biên soạn và xuất bản. Tập I : 72 trang, giá 30 đồng. Tập II : 92 trang, giá 24 đồng.

Tập san gồm nhiều biên khảo và sáng tác.

● **TIẾNG VỌNG**, thơ Trần Tuấn Kiệt, Tống Minh Phụng và Phan Minh Hồng, do Hải Triều xuất bản. Sách dày 100 trang, giá 50 đồng.

Tuyển tập thơ của ba tác giả quen thuộc.

★ TRIỀN MIỀN NGÂM KHÚC, thơ Trần Tuấn Kiệt do tác giả xuất bản. 12 trang khổ lớn, không ghi giá.

Tiếng khóc đưa con thân yếu qua đời năm vừa lên sáu tuổi. Một bài thơ dài có sức truyền cảm lạ kỳ khiến người đọc phải nhiều phen ứa lệ, náo lòng.

● RỪNG SƯƠNG MÙ, thơ và phụ bản của Nguyễn Khai do Nam Sơn xuất bản. Sách dày 40 trang, không ghi giá bán.

Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Khai gồm 23 bài thơ ngắn và 6 phụ bản của tác giả kèm thêm 1 phụ bản của Nguyễn Trung.

THƯ ĐI *lại*

★ Quý bạn gửi bài và thư :

Đề tránh thất lạc, mong quý bạn, nhất là từ miền Trung và Cao nguyên, gửi thư và bài về tòa soạn VĂN bằng máy bay.

● Thiếu úy Phan Huy Mộng Kbc. 3328.

Chân thành cảm ơn thiếu úy. Tôi và M. vẫn thương. (TPG)

★ bạn T.T., Sài-gòn.

1) Chưa có sách dạy « Văn phạm

Việt-nam » nào là hoàn hảo cả. 2) Hỏi tại thư viện Anh và Hoa-kỳ, họ sẽ chỉ dẫn cho bạn. 3) Mua ở The Bookshop, hành lang Eden.

● bạn Ngô Tri Hùng, Sài-gòn.

Còn đầy đủ. Bạn nên ghé hỏi mua tại báo quán.

★ Một độc giả ở Quảng-đức.

Chân thành cảm ơn bạn.

● bạn Lê Công Sang, Huế.

1) Bạn có thể biên thư hỏi được sĩ Đào Sĩ Chu, số 10 Lê-văn Duyệt, Sài-gòn, vốn là thủ quỹ của mặt trận đó. 2) Văn số 40 và 41 còn, 25 đồng cả cước, có thể trả bằng tem thư.

★ bạn Trần Quân Vương, Qui-nhơn.

Đồng ý. Sẽ gửi báo sau khi nhận được tiền.

● bạn Tổ Diễm, Quảng-ngãi.

1) Cảm ơn và ghi nhận ý bạn. 2) Còn đủ, giá 400 đồng cả cước phí.

★ bạn Thùy Hương Lan, Nha-trang.

1) Từ 1 đến 42 còn đủ, 600 đồng cả cước phí. 2) Viết cho U.S.I S Sài-gòn 3) Rất tiếc không biết.

● bạn Trương Quang Tuấn, Rạch-già.

1) Rất tiếc. Xin xem VĂN số 45, trang 29-30. 2) Đúng người bạn hỏi.

★ bạn Vũ Ngọc Yêm, Đà-lạt.

Chúng tôi không nhận bán dài hạn các số VĂN phụ. Mong bạn đón mua tại các hiệu sách báo tại địa phương.

NHẮN TIN RIÊNG :

— *Một độc giả ở Sài-gòn.*

Đã gọi điện thoại tới tòa báo cho biết tin về ông Trần-văn Long (tu sĩ), xin vui lòng liên lạc trở lại với Trần Phong-Giao. Chân thành cảm ơn trước.

● THƠ VĂN ĐÃ CHỌN :

Ban Tuyên đọc Tác-phẩm VĂN đã chọn những tác phẩm sau đây và giao cho tòa soạn lựa đăng dần :

Người chết ở Plei-me, Phan Huy Mộng.

Trong khi chờ đợi VĂN đăng tải, yêu cầu quý bạn đừng gửi những tác phẩm kể trên cho các báo khác. Trân trọng cảm ơn.

CẦN MUA SÁCH XƯA :

Tòa soạn Văn cần dùng những sách dưới đây và xin mua theo giá quý bạn định.

1) Nguyễn-Tuân : *Nguyễn, Quê-hương, Tóc chị Hoài...*

2) Sở - cuồng Lê - Dư : *Bạch-vân-am Thi-văn-tập* (1930).

3) Phú Nôm của Vũ Khắc Tiệp (2 tập : 197 và 190 trang).

4) Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du (Huế, 1942).

5) Ngô Tất Tố (dịch) : *Kinh dịch* (đã in 4 tập, Hà-nội, 1944, 1945).

6) Hùng Sơn - Nguyễn Duy Ngung (dịch Thanh - Tâm Tài-Nhân) : *Kim Vân Kiều tiểu thuyết* (1922).

CẦN MUA LẠI BÁO CŨ :

Ty trị sự Văn cần mua lại nhiều báo Văn số 3, số 14 và số 20, theo đúng giá bán. Bạn đọc dư dùng mà không muốn bán lại, có thể đổi 1 tập VĂN số 3 hoặc 2 tập 14 và 29 lấy một cuốn sách *Ngồi lại bên cầu*. Ở Sài-gòn, xin liên lạc thẳng với tòa báo. Ở xa, xin gửi nhà bưu điện.



* BAI ĐA

NHẬN ĐƯỢC

◀ Truyện, tiểu luận, và tùy bút :

Quý bạn : Thuận Lê Ngọc (kịch). Vũ Đình. Hân Dương. Triều Sinh. Lê Yên Thanh. Mai Ngân Sao. Cảnh Cửu.

* Thơ :

Quý bạn : Trần-hạnh Trí-năng. Mặc Huyền Thương. Chu Thiên. Châu La Nang. Nguyễn Luyến Nhiếp. Trương Minh Hoàng. Trương-văn Hậu. Nguyễn Dã Thảo. Y-H2. K. Giũ Sương. Ngô Trí Hùng. Nguyễn Linh Trung. Hoài Ly. Tổ Diễm. Minh Nguyệt. Thùy Hương Lan. Phạm Nhã Uyên. Nguyễn Ngọc Thuận. Nguyễn Thủy. Thân Hồng Nguyên. Mặc Yên Thùy. Từ Kế Tường. Đèo-vân Trán.

— Ban tuyên đọc tác phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của quý bạn và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác.

